

I H CHU
TR NG I H CLU T



NGUY N QU C T

PHÁP LU T VI T NAM
V CHUY N GIAO QUY NS H U CÔNG NGH I P

Chuyên ngành: Lu t Kinh t

Mã s : 8 38 01 07

LU N V N TH CS LU T H C

NG I H NG D N KHOA H C:
PGS.TS. TR N V NH I

TH A THIÊN HU - n m 2020

L I C A M O A N

Tôi xin cam oan nh ng s li u, k t qu nghi n c u s d ng trong Lu n v n này là trung th c và ch a c s d ng b o v m th c v nào.

Th a Thiên Hu , ngày 01 tháng 03 n m 2020

H c viên

Nguy n Qu c t

Tr
ng
i h
C Kinh

L I C M N

hoàn thành Luận văn này, trước tiên tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất đến PGS.TS. Trần Văn Hùng - người Thầy đã trực tiếp hướng dẫn Luận văn cho tôi. Vì sự nhiệt thành và phương pháp khoa học, Thầy đã giúp tôi hoàn thành tốt Luận văn của mình.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh luôn quan tâm, ủng hộ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi hoàn thành khóa học. Xin cảm ơn quý Thầy Cô giáo đã tham gia giảng dạy nhiệt tình, truyền đạt cho tôi những kiến thức hữu ích trong suốt khóa học vừa qua.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến gia đình và những người bạn đã hỗ trợ, ủng hộ tôi rất nhiều trong suốt quá trình học tập, làm việc và hoàn thành Luận văn.

Xin chân thành cảm ơn!

Thầy Thiên Hùng, ngày 01 tháng 03 năm 2020

Học viên

Nguyễn Quốc Tuấn

M C L C

PH N M U	1
1. Tính c p thi t c a vi c nghiên c u tài.....	1
2. Tình hình nghiên c u liên quan n tài.....	2
3. M c ích và nhi m v nghiên c u.....	6
4. i t ng và ph m vi nghiên c u.....	7
5. Ph ng pháp lu n và ph ng pháp nghiên c u.....	7
6. Nh ng óng góp m i c a lu n v n.....	7
7. K t c u c a lu n v n.....	8
CH NG 1. M T S V N LÝ LU N VÀ KHUNG PHÁP LU T V CHUY N GIAO QUY N S H U CÔNG NGHĨ P	9
1.1. M t s v n lý lu n v chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	9
1.1.1. Khái ni m, c i m quy n s h u công nghi p.....	9
1.1.1.1. Khái ni m quy n s h u công nghi p.....	9
1.1.1.2. c i m quy n s h u công nghi p.....	12
1.1.2. Khái ni m, c i m c a chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	15
1.1.2.1. Khái ni m chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	15
1.1.2.2. c i m chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	17
1.1.3. Vai trò c a quy n s h u công nghi p và chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	19
1.1.3.1. Vai trò c a quy n s h u công nghi p.....	19
1.1.3.2. Vai trò c a chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	20
1.2. Khung pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	21
1.2.1. i t ng quy n s h u công nghi p c chuy n giao.....	21
1.2.2. nh giá quy n s h u công nghi p.....	21
1.2.2.1. Khái ni m nh giá quy n s h u công nghi p.....	21
1.2.2.2. c i m nh giá quy n s h u công nghi p.....	23

1.2.2.3. Ph ng pháp nh giá quy n s h u công nghi p.....	25
1.2.2.4. Vai trò c a nh giá trong chuy n giao quy n s h u công nghi p ..	26
1.2.3. Các hình th c chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	26
1.2.3.1. Chuy n nh ng quy n s h u công nghi p.....	26
1.2.3.2. Chuy n quy n s d ng i t ng s h u công nghi p.....	29
TI U K T CH NG 1.....	33
CH NG 2. TH C TR NG PHÁP LU T VÀ TH C TI N ÁP D NG PHÁP LU T V CHUY N GIAO QUY N S H U CÔNG NGHI P	34
2.1. Quy nh pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	34
2.1.1. Quy nh pháp lu t v chuy n nh ng quy n s h u công nghi p.....	34
2.1.1.1. H p ng chuy n nh ng quy n s h u công nghi p.....	35
2.1.1.2. ng kí h p ng chuy n nh ng quy n s h u công nghi p.....	37
2.1.2. Quy nh pháp lu t v chuy n quy n s d ng quy n s h u công nghi p.....	38
2.1.2.1. H p ng chuy n quy n s d ng quy n s h u công nghi p.....	38
2.1.2.2. i u ki n h n ch trong chuy n quy n s d ng quy n s h u công nghi p.....	49
2.2. Th c tr ng pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	51
2.2.1. M t s h n ch , b t c p trong quy nh pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	51
2.2.2. Nguyên nhân c a m t s h n ch , b t c p trong quy nh pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	54
2.2.2.1. Nguyên nhân ch quan.....	54
2.2.2.2. Nguyên nhân khách quan.....	54
2.3. Th c ti n áp d ng pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p	55
2.3.1. Tình hình chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	55
2.3.1.1. Tình hình chung v ho t ng chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	55

2.3.1.2. M t s v vi c c th trong chuy n giao quy n s h u công nghi p	71
2.3.2. M t s h n ch , v ng m c trong áp d ng pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p	75
TI U K T CH NG 2.....	79
CH NG 3. M T S KI N NGH HOÀN THI N PHÁP LU T VÀ NÂNG CAO HI U QU ÁP D NG PHÁP LU T V CHUY N GIAO QUY N S H U CÔNG NGHI P.....	80
3.1. Nhu c u hoàn thi n pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	80
3.1.1. Nhu c u t phía nhà n c.....	80
3.1.2. Nhu c u t các ch th tham gia chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	80
3.1.3. Nhu c u t phía xã h i.....	81
3.2. Ph ng h ng hoàn thi n pháp lu t và nâng cao hi u qu áp d ng pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	81
3.2.1. Hoàn thi n các quy nh pháp lu t nh m t o ra khung pháp lý y và hoàn ch nh cho ho t ng chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	81
3.2.2. Hoàn thi n các quy nh c a pháp lu t kh c ph c nh ng b t c p c a pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p khi áp d ng vào th c ti n...82	82
3.2.3. Hoàn thi n các quy nh c a pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p phù h p v i chi n l c phát tri n khoa h c và công ngh c a Nhà n c.....	83
3.3. M t s ki n ngh hoàn thi n pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p.....	83
3.4. M t s ki n ngh nâng cao hi u qu áp d ng pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p	86
TI U K T CH NG 3.....	88
K T LU N.....	89
DANH M C TÀI LI U THAM KH O.....	90

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLDS	: Bộ luật Dân sự
BMKD	: Bí mật kinh doanh
KDCN	: Kiểu dáng công nghiệp
Luật SHTT	: Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (Sửa đổi, bổ sung 2009)
SHCN	: Sở hữu công nghiệp
SHTT	: Sở hữu trí tuệ
TRIPs	: Hiệp định về các khía cạnh nhất định liên quan đến quyền Sở hữu trí tuệ
TSTT	: Tài sản trí tuệ
WIPO	: Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới

Trang
Thị trường
Hàng

PH N M U

1. Tính c p thi t c a vi c nghiên c u tài

Toàn c u hóa ang tr thành xu th t t y u c a t t c các qu c gia trên th gi i, trong ó có Vi t Nam. Th c t ch ng minh r ng, trong nh ng n m qua, Vi t Nam ã ch ng h i nh p n n kinh t qu c t b ng vi c kí k t nhi u hi p nh song ph ng và a ph ng v th ng m i t do (FTA); là thành viên c a T ch c Th ng m i Th gi i – WTO, tham gia khu v c m u d ch t do ASEAN(AFTA), Di n àn Châu Á Thái Bình D ng (APEC),... nh m áp ng yêu c u òi h i c a quá trình h i nh p. Khi tr thành thành viên c a các hi p c nói trên, m t thách th c l n là v n SHTT nói chung và SHCN nói riêng tr thành l nh v c mà n c ta c n quan tâm.

Trong SHTT, vi c các ch th sáng t o ra các máy móc, thi t b , quy trình nh m t ng n ng su t lao ng, góp ph n thúc y phát tri n kinh t ngày càng ph bi n là b c ti n quan tr ng trong n n kinh t tri th c ang chi m t tr ng càng cao. T nhu c u th c t b o v quy n và l i ích c a các ch th sáng t o, ch nh v quy n SHCN ra i. Ch nh quy n SHCN ã i u ch nh các m i quan h xã h i phát sinh trong quá trình sáng t o, s d ng, nh o t các i t ng SHCN. Các quy nh v SHCN ã t o c s pháp lý giúp các ch s h u quy n SHCN khai thác có hi u qu i t ng SHCN. M c dù v y, không ph i trong tr ng h p nào, ch s h u quy n SHCN c ng khai thác có hi u qu , t i u l i ích kinh t t quy n SHCN. M t s ch s h u quy n SHCN không bi t kinh doanh, không các i u ki n khai thác công d ng c a s n ph m công nghi p. Khi ó, nhu c u chuy n giao quy n SHCN cho ch th khác khai thác c công d ng, l i ích kinh t do s n ph m t o ra tr thành nhu c u và là ph ng án t i u nh t. Quy nh pháp lu t cho phép các ch s h u quy n SHCN c chuy n giao quy n SHCN d i nhi u hình th c khác nhau t o i u ki n có th khai thác hi u qu quy n SHCN, em l i l i ích cho c ch s h u quy n và ng i nh n chuy n giao quy n SHCN.

Th c ti n hi n nay cho th y, các ch th g p khó kh n trong ho t ng chuy n giao quy n SHCN, nh t là trong th i k h i nh p kinh t qu c t và cu c

cách mạng công nghệ plnt. Đồng thời, quy định pháp luật còn thiếu và tồn tại những hạn chế nhất định tạo ra những rào cản trong hoạt động chuyển giao quy định SHCN giữa các chủ thể. Xuất phát từ yêu cầu về mặt lý luận thực tiễn, việc nghiên cứu tìm ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về chuyển giao quy định SHCN trở nên cấp thiết. Như giải quyết vấn đề nêu trên, tôi xin chọn tài liệu “**Pháp luật Việt Nam về chuyển giao quy định sở hữu công nghệ**” làm Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Luật Kinh tế của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến tài

Thời gian qua, đã có một số công trình nghiên cứu pháp luật về chuyển giao quy định SHTT nói chung và SHCN nói riêng, song trong thời kỳ cách mạng công nghệ plnt và yêu cầu hình kinh tế quốc tế cần có cái nhìn tổng quan và đánh giá về chuyển giao quy định SHCN đáp ứng các yêu cầu hình kinh tế quốc tế. Dù vậy, qua quá trình nghiên cứu, tìm hiểu tác giả xin đề cập một số công trình nghiên cứu trong và ngoài nước như sau:

2.1. Một số công trình nghiên cứu trong nước

- Sách “*Chuyển giao công nghệ thành công*” của tác giả SHTT thế giới (WIPO) được xuất bản theo giấy phép xuất bản số 150 của Cục Xuất bản, B Thông tin và Truyền thông ngày 25/09/2008. Chương 3 của cuốn sách nói về các khu vực chính trong hợp tác chuyển giao công nghệ. Theo cuốn sách này thì các khu vực chính được chia ra làm ba nhóm, nhóm một là thị trường của Li-xing, nhóm hai là lợi ích quy định nào số của Li-xing và cuối cùng nhóm ba sẽ nói về các khu vực và tài chính. Về thông qua cuốn sách này xác định các khu vực bên cạnh có trong hợp tác chuyển giao công nghệ mà bộ hợp tác có hiệu lực công nghệ gia tăng sẽ ràng buộc giữa các bên.

- Luận văn Thạc sĩ của tác giả Nguyễn Thanh Tùng (2013) thuộc Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội với đề tài: “*Chuyển giao quy định sở hữu trí tuệ theo pháp luật Việt Nam*”. Luận văn trình bày những vấn đề lý luận chung về quy định SHCN và vị trí của nó và chuyển giao quy định sở hữu trí tuệ. Nghiên cứu những quy định pháp luật Việt Nam về chuyển giao quy định

s d ng nh n hi u: khái ni m quy n s d ng nh n hi u; cách th c chuy n giao quy n s d ng nh n hi u; h p ng chuy n giao quy n s d ng nh n hi u. Tìm hi u th c tr ng chuy n giao quy n s d ng nh n hi u t i Vi t Nam t ó a ra m t s ki n ngh nh m hoàn thi n pháp lu t v chuy n giao quy n s d ng nh n hi u t i Vi t Nam.

- Lu n v n th c s c a tác gi Lê Th H t (2015), *Phân tích các y u t quy n s h u trí tu có nh h ng t i k t qu ho t ng nh giá nh n hi u t i Vi t Nam*, Tr ng i h c Khoa h c xã h i và nhân v n – i h c qu c gia Hà N i. Lu n v n ch y u t p trung vào v n nh giá nh n hi u. Tác gi ã ánh giá th c tr ng và phân tích các y u t quy n SHTT nh h ng t i k t qu ho t ng nh giá nh n hi u t i Vi t Nam t ó a ra các gi i pháp ki n ngh phù h p.

- Lu n v n Th c s Lu t h c c a tác gi Tr n Khánh Ly (2015) thu c Khoa Lu t, i h c Qu c gia Hà N i v i tài “*Chuy n giao quy n s d ng các i t ng s h u công nghi p theo quy nh pháp lu t Vi t Nam*”. Lu n v n ã làm rõ v m t c s lý lu n quy n SHCN, chuy n giao quy n s d ng công nghi p theo pháp lu t qu c t và pháp lu t Vi t Nam và th c ti n chuy n giao quy n s d ng quy n SHCN. T ó xu t các gi i pháp c th trong vi c hoàn thi n các quy nh v chuy n giao quy n s d ng quy n SHCN. Trong ph m vi nghi n c u c a lu n v n ch c p n chuy n giao quy n s d ng i t ng SHCN, ch a làm rõ c chuy n giao quy n SHCN nói chung.

- Lu n v n th c s c a tác gi Lê Th Liên (2018) v i tài: “*Pháp lu t v h p ng chuy n giao quy n s d ng quy n s h u công nghi p*” thu c Tr ng i h c Lu t, i h c Hu . Lu n v n ã phân tích, làm rõ các v n lý lu n v khái ni m, c i m, b n ch t c a quy n SHCN, i t ng SHCN và ho t ng chuy n quy n s d ng i t ng SHCN. Phân tích th c tr ng pháp lu t i u ch nh h p ng li - x ng và th c ti n th c hi n pháp lu t. Trên c s ó tìm ra nh ng v ng m c c th trong quá trình áp d ng và th c hi n pháp lu t làm c s cho các gi i pháp hoàn thi n pháp lu t và t ch c th c hi n pháp lu t v h p ng chuy n quy n các quy n SHCN.

- Luận án tiến sĩ luật học của tác giả Trần Văn Nam (2018) “*Dịch vụ chuyển giao công nghệ theo pháp luật Việt Nam hiện nay*”, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học Xã hội. Luận án tập trung xuất phát từ nhóm giải pháp nhằm tiếp cận hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chuyển giao công nghệ; thúc đẩy dịch vụ chuyển giao công nghệ phát triển; các xuất phát điểm ban hành các văn bản đi kèm; các giải pháp khác nhằm hỗ trợ thúc đẩy dịch vụ chuyển giao công nghệ phát triển. Triết lý khai thác các giải pháp này cần sinh mổ, y mô nh s l ng và ch t l ng ho t ng kh i nghi p i m i sáng t o trên c n c, t o ra i ng doanh nghi p chuyên nghi p, cung c p các d ch v chuy n giao công ngh , óng góp cho s phát tri n chung c a n n kinh t . Luận án ã a ra các gi i pháp nâng cao hi u qu trong l nh v c chuy n giao công ngh t Việt Nam ra n c ngoài c ng nh t n c ngoài vào Việt Nam.

- Luận văn Thạc sĩ Luật học của tác giả Lê Thị Liên (2018) về “*Pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp*”, Trường Đại học Luật, Đại học Huế. Luận văn là toàn bộ quá trình nghiên cứu, phân tích về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp SHCN và hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp SHCN, tình hình pháp luật quy định về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp SHCN. Từ đó, nêu ra các nguyên tắc pháp luật là cơ sở cho sự phát triển của hoạt động chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp SHCN của nhà nước, hiện nay trong quy định pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp SHCN. Luận văn ã a ra những giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật cần phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội hiện nay, ã óng góp m t ph n nh vào vi c nghi n c u hoàn thi n ch nh v h p ng chuy n quy n s d ng i t ng SHCN.

2.2. Một số công trình nghiên cứu nước ngoài

- Bài báo “*Different regulatory models of transfer of industrial property rights in the Baltic States: A plea for harmonized approach*” của các tác giả Aleksei Kelli, Age Varv, Tonis Mets, Vadim Mantrov, Ramuas Bistonas, Carri Ginter đăng trên tạp chí Luật học quốc tế và so sánh kỳ 2 năm 2016. Trong bài báo, các tác giả tìm hiểu mô hình chuyển giao quyền SHCN khác nhau của ba nước Baltic trên cơ sở so

sánh. Bài báo chứng minh rằng các mô hình này khác nhau về phạm vi gia và một số mô hình có thể được sử dụng trong một hệ thống pháp lý. Các tác giả phân tích chi tiết về các mô hình này dựa trên các mô hình của Baltic về pháp lý và các cơ chế thực thi thông qua nghiên cứu thực nghiệm. Các tác giả kết luận rằng nên sử dụng mô hình theo hướng ký kết trao quyền công khai và việc chuyển quyền SHCN không thể thực hiện tùy thuộc vào hệ thống của nó.

- Tài liệu của WIPO (2016), *Understanding Industrial Property*. Nghiên cứu này giới thiệu về SHCN cho người không chuyên. Nghiên cứu giới thiệu các cách chung các nguyên tắc của quy định SHCN và mô tả hình thức phân biệt của SHCN bao gồm: bằng sáng chế và giải pháp hữu ích, KDCN, nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý. Nghiên cứu phân tích các công cụ mà người sáng tạo có thể tìm kiếm cho sự bảo vệ cho tài sản công nghiệp của họ.

- World Intellectual Property Organization, *Valuation of Intellectual Property: What, Why and How*, WIPO Magazine Issue No. 05, 2003, page 5-9. Công trình khái quát các quan niệm về giá trị SHCN của Tổ chức SHTT thế giới (WIPO). Ngoài ra công trình này đã khái quát chung về giá trị SHCN, ý nghĩa, vai trò và đưa ra các phương pháp định giá SHCN.

2.3. Định giá các công trình nghiên cứu

Tại Việt Nam, hoạt động chuyển giao quyền SHCN chưa thực sự phân biệt như ở những nước quan tâm ngày càng nhiều trong thời gian qua. Những công trình nghiên cứu về chuyển giao quyền SHCN của công bố gần đây chỉ dừng lại ở mức định giá quy định pháp luật về chuyển giao một ít thông tin trong quy định SHCN, nghiên cứu về các hình thức chuyển giao. Mặt khác, công trình nghiên cứu về chuyển giao quyền SHCN sử dụng một số vấn đề mà đã thay đổi vì vậy trong áp dụng thực tiễn phần nào không còn phù hợp. Do đó, cần thiết phải có một công trình nghiên cứu đi sâu phân tích và so sánh pháp luật hiện hành, định giá thực tiễn chuyển giao nhằm tìm ra bất cập trong pháp luật, qua đó đưa ra các giải pháp khắc phục những bất cập đó.

Đối với các công trình đã công bố trên các nguồn khác, các tác phẩm nghiên cứu cũng

quan v chuyển giao quy n SHCN. Song, i v i Vi t Nam, do nguyên nhân s khác bi t ch y u v pháp lu t và các i u ki n kinh t xã h i thì kh n ng áp d ng th c t t các nghiên c u ó không kh thi. Bên c nh ó, xu th h i nh p kinh t qu c t và cu c cách m ng c ng nghi p l n th t t ra nh ng thách th c và yêu c u nh t nh i v i toàn b n n kinh t , trong ó có các v n liên quan n chuyển giao quy n SHCN nh m áp ng yêu c u h i nh p kinh t qu c t òi h i chúng ta ph i nghiên c u toàn di n và bám sát tình hình th c ti n. Ng th i, nh n th y r ng lu n v n “*Pháp lu t Vi t Nam v chuyển giao quy n s h u công nghi p*” không trùng l p v i các công trình nghiên c u nói trên.

T nh ng phân tích trên ây, tác gi nh n th c c nh ng thu n l i nh t nh khi th c hi n tài này nh vào nh ng tài li u mà các công trình ã công b tr c ó. Ng th i, có c n c s ó sánh, i chi u h th ng quy nh hi n hành v chuyển giao quy n SHCN trong ho t ng th ng m i. T ó ki n ngh các gi i pháp hoàn thi n hi u qu áp ng yêu c u h i nh p kinh t qu c t .

3. M c ích và nhi m v nghiên c u

3.1. M c ích nghiên c u

M c ích nghiên c u c a Lu n v n là a ra m t s ki n ngh hoàn thi n pháp lu t và nâng cao hi u qu áp d ng pháp lu t v chuyển giao quy n SHCN.

3.2. Nhi m v nghiên c u

t c m c ích nghiên c u, Lu n v n có nhi m v gi i quy t các v n sau:

- Phân tích, làm rõ m t s khái ni m liên quan làm c s th c hi n Lu n v n;
- H th ng hoá các quy nh c a pháp lu t Vi t Nam hi n hành v chuyển giao quy n SHCN;
- Nghiên c u th c tr ng chuyển giao quy n SHCN. ánh giá k t qu t c, a ra các h n ch , t n t i và nguyên nhân c a nh ng h n ch , t n t i trong ho t ng chuyển giao quy n SHCN;
- Phân tích nh ng b t c p c a pháp lu t v chuyển giao quy n SHCN;
- a ra ki n ngh hoàn thi n pháp lu t và nâng cao hi u qu áp d ng pháp lu t

v chuyển giao quy n SHCN.

4. i t ng và ph m vi nghiên c u

4.1. i t ng nghiên c u

i t ng nghiên c u c a Lu n v n là các quan i m, lu n c khoa h c; quy nh c a pháp lu t Vi t Nam v chuyển giao quy n SHCN; th c ti n ho t ng chuyển giao quy n SHCN.

4.2. Ph m vi nghiên c u

- Ph m vi v th i gian: giai o n t 2005-2018;
- Ph m vi v không gian: T i Vi t Nam.

5. Ph ng pháp lu n và ph ng pháp nghiên c u

5.1. Ph ng pháp lu n nghiên c u

Ph ng pháp lu n nghiên c u đ a trên c s ph ng pháp c a Ch ngh a duy v t bi n ch ng và Ch ngh a duy v t l ch s .

5.1. Ph ng pháp nghiên c u

Các ph ng pháp nghiên c u c s đ ng trong Lu n v n bao g m:

- Ph ng pháp phân tích tài li u: tác gi s đ ng tài li u, bao g m bài báo khoa h c, sách chuyên kh o và các công trình khoa h c khác ã c công b , có liên quan n tài Lu n v n, trong ó có k th a nh ng nghiên c u ã công b ;

- Ph ng pháp phân tích, ánh giá c s đ ng trong ch ng l gi i thi u m t s v n lý lu n và pháp lu t i u ch nh v chuyển giao quy n SHCN;

- Ph ng pháp phân tích so sánh, ph ng pháp phân tích thông tin, ph ng pháp t ng h p hoàn thành ch ng 2 nh m phân tích và làm rõ th c tr ng pháp lu t và th c ti n áp đ ng pháp lu t v chuyển giao quy n SHCN;

- Ph ng pháp phân tích so sánh, ph ng pháp t ng h p hoàn thành ch ng 3 nh m a ra m t s ki n ngh hoàn thi n v n c n nghiên c u c v góc lý lu n và th c ti n.

6. Nh ng óng góp m i c a lu n v n

- *V lý lu n*: Lu n v n góp ph n làm rõ các khái ni m SHCN, các i t ng c a quy n SHCN; T ng h p và làm rõ các quy nh c a pháp lu t Vi t Nam v

chuyển giao quy hoạch SHCN;

- *Vấn đề cần nghiên cứu:* Luận văn phân tích thực trạng quy hoạch pháp luật về chuyển giao quy hoạch SHCN tại Việt Nam; Phân tích thực tiễn hoạt động chuyển giao quy hoạch SHCN thị trường bất động sản và cách mạng công nghệ số; Phân tích các nguyên nhân và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về chuyển giao quy hoạch SHCN nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chuyển giao nói riêng và phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế nói chung.

7. Kết luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của Luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1. Mối quan hệ giữa lý luận và khung pháp luật về chuyển giao quy hoạch bất động sản công nghệ số

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về chuyển giao quy hoạch bất động sản công nghệ số

Chương 3. Mối quan hệ giữa hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về chuyển giao quy hoạch bất động sản công nghệ số

CHƯƠNG 1

MỐI QUAN HỆ GIỮA LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHỆ P

1.1. Mối quan hệ giữa lý luận và khung pháp luật về chuyển giao quyền sở hữu công nghệ p

1.1.1. Khái niệm, phạm vi và nội dung của quyền sở hữu công nghệ p

1.1.1.1. Khái niệm quyền sở hữu công nghệ p

Tại Điều 1.2 Công ước Paris về bảo hộ quyền SHCN quy định các nội dung bảo hộ SHCN bao gồm: “sáng chế, giải pháp kỹ thuật, KDCN, nhãn hiệu hàng hoá, nhãn hiệu dịch vụ, tên thương mại, chủng loại thực vật hoặc tên giống vật nuôi, và chủng loại tranh không lành mạnh”.

Năm 1976, Việt Nam đã tham gia vào Tổ chức SHTT Thế giới (WIPO). Tuy nhiên ngày 14/12/1982, văn bản ưu tiên chính thức nhận văn bản bảo hộ quyền trong SHCN mới ra đời do Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định 197/HDBT ban hành “*Quy định về Nhãn hiệu hàng hoá*”.

Trước năm 1992, một loạt các văn bản liên quan đến SHTT đã ra đời, tập trung phát triển cho công cuộc cải tiến, đó là *Quy định về Nhãn hiệu hàng hoá* ngày 14/2/1982, *Quy định về KDCN* ngày 13/05/1988, Pháp lệnh Chuyển giao Công nghệ từ Nước ngoài vào Việt Nam ngày 5/12/1988, Nghị định 49/HBT ngày 4/03/1991 hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Chuyển giao Công nghệ từ Nước ngoài vào Việt Nam, Pháp lệnh Bảo hộ Quyền Sở hữu công nghệ p ngày 11/02/1989, Nghị định 84/HBT ngày 20/03/1990 hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Bảo hộ Quyền SHCN, *Quy định về Li-xăng* ngày 28/12/1984, Nghị định 214/HBT về Quy định tác giả năm 1988, Pháp lệnh Bảo hộ Quyền tác giả ngày 10/02/1994. Tuy nhiên, do mối quan hệ giữa văn bản ban hành trước Hội pháp 1992, nên văn bản còn những bất cập giữa bảo hộ quyền SHTT trong thị trường bảo hộ và các bảo hộ trong thị trường kinh tế thị trường¹.

BLDS năm 1995 được xem là bước tiến vượt bậc pháp luật về quyền sở hữu công nghệ p nói chung và quyền SHCN nói riêng, Bộ luật đã quy định rõ ràng

¹ Lê Nhật (2006), Quy định SHTT, Tài liệu bài giảng cá nhân sinh viên luật học (LSE, London), NXB Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tr.38.

các quy định về SHTT tại Phần thứ sáu (Quy định SHTT và chuyển giao công nghệ). Theo quy định tại Điều 780 BLDS năm 1995, khái niệm quy định SHCN được định nghĩa như sau: “*Quy định SHCN là quy định thuộc cá nhân, pháp nhân, vì sáng chế, giải pháp hữu ích, KDCN, nhãn hiệu hàng hóa, quy định đăng ký vì tên gọi xuất xứ hàng hóa và quy định về các nội dung khác do pháp luật quy định*”. Quy định về quy định SHCN tại BLDS năm 1995 có nhiều nét tương đồng, kết quả tại Điều 1.2 Công ước Paris về bảo hộ quy định SHCN. Trong quy định của BLDS 2015 tuy nhiên không nhắc đến quy định SHCN, đồng nghĩa các nhà làm luật đã quan niệm nên cho luật chuyên ngành về SHTT quy định về vấn đề này, do đó, trong quy định BLDS không có phần quy định SHCN.

Luật SHTT có cách tiếp cận tổng thể về quy định SHCN theo quy định BLDS năm 1995, khái niệm về quy định SHCN được cập nhật khoản 4 Điều 4 như sau: “*Quy định SHCN là quy định cá nhân, pháp nhân vì sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, BMDK do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quy định tranh không lành mạnh*”. Luật SHTT đã cập nhật thêm các nội dung của quy định SHCN, làm rõ các nội dung khác do pháp luật quy định theo quy định tại BLDS năm 1995 như: thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, chỉ dẫn địa lý, BMDK, quy định tranh không lành mạnh.

Tóm lại, phạm trù của quy định SHCN có nội hàm rộng bao gồm các nội dung: sáng chế, KDCN, mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, BMDK².

Khái niệm các nội dung của quy định SHCN được Luật SHTT quy định như sau:

Sáng chế là giải pháp kỹ thuật độc đáo sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc sáng tạo các quy luật tự nhiên.

KDCN là hình dáng bên ngoài của sản phẩm có thể hiện bằng hình ảnh, nét vẽ, màu sắc hoặc kết hợp những yếu tố này.

² Xem chi tiết tại Điều 4 Luật SHTT

Mạch tích hợp bán dẫn là sản phẩm đã đi đ ng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phần tử vi ết nh t m t phần tử tích c c và m t s h o c t t c các m i liên k t c g n li n bên trong hoặc bên trên t m v t lí u bán đ n nh m th c hi n ch c n ng i n t . Mạch tích h p ng ngh a v i IC, chip và m ch vi i n t .

Thi t k b trí mạch tích h p bán đ n (sau đây g i là thi t k b trí) là c u trúc không gian c a các phần tử m ch và m i liên k t các phần tử ó trong mạch tích h p bán đ n.

Nhãn hi u là d u hi u dùng phân bi t hàng hoá, d ch v c a các t ch c, cá nhân khác nhau.

Nhãn hi u t p th là nhãn hi u dùng phân bi t hàng hoá, d ch v c a các thành viên c a t ch c là ch s h u nhãn hi u ó v i hàng hoá, d ch v c a t ch c, cá nhân không ph i là thành viên c a t ch c ó.

Nhãn hi u ch ng nh n là nhãn hi u mà ch s h u nhãn hi u cho phép t ch c, cá nhân khác s d ng trên hàng hoá, d ch v c a t ch c, cá nhân ó ch ng nh n các c tính v xu t x , nguyên lí u, v t lí u, cách th c s n xu t hàng hoá, cách th c cung c p d ch v , ch t l ng, chính xác, an toàn hoặc các c tính khác c a hàng hoá, d ch v mang nhãn hi u.

Nhãn hi u liên k t là các nhãn hi u do cùng m t ch th ng ký, trùng hoặc t ng t nhau dùng cho s n ph m, d ch v cùng lo i hoặc t ng t nhau hoặc có liên quan v i nhau.

Nhãn hi u n i tí ng là nhãn hi u c ng i tiêu dùng bi t n r ng rãi trên toàn lãnh th Vi t Nam.

Tên th ng m i là tên g i c a t ch c, cá nhân dùng trong ho t ng kinh doanh phân bi t ch th kinh doanh mang tên g i ó v i ch th kinh doanh khác trong cùng l nh v c và khu v c kinh doanh.

Khu v c kinh doanh quy nh t i kho n này là khu v c a lý n i ch th kinh doanh có b n hàng, khách hàng hoặc có danh tí ng.

Ch đ n a lý là d u hi u dùng ch s n ph m có ngu n g c t khu v c,

a ph ãng, vùng lãnh th ã hay qu c gia c th ã .

BMKD là thông tin thu c t h o t ãng u t tài chính, trí tu ã, ch a c b c l và có kh ãn ãng s ã ãng trong kinh doanh.

1.1.1.2. c i m quy n s h u công nghi p

Quy n SHCN có nh ãng c i m sau:

Th ãnh t, i t ãng c a quy n SHCN luôn g ãn li ãn v i h o t ãng s ãn xu t kinh doanh

T i i u 1.3 Công c Paris v b o h quy n SHCN quy ãnh: “*SHCN ph i c hi u theo ngh a r ãng nh t, không nh ãng ch áp ã ãng cho công nghi p và th ãng m i theo úng ngh a c a chúng mà cho c các ãng ãnh s ãn xu t ãng nghi p, công nghi p khai thác và t t c các s ãn ph ãm ch b i ãn h o c s ãn ph ãm t ãnh ãnh r u vang, ãng c c, lá thu c lá, hoa qu ã, gia súc, khoáng s ãn, ãn c khoáng, bia, hoa và b t*”. Theo Công c Paris i v i quy n SHCN không ch xem xét là quy ãnh pháp lu t ãn thu ãn i u ch ãnh ãn các i t ãng quy n SHCN mà ãng th i xem xét quy n SHCN trong th ãng m i g ãn li ãn v i h o t ãng s ãn xu t, khai thác, ch b i ãn ãng nghi p và công nghi p.

Theo quy ãnh t i Lu t SHTT, m t trong các i u ki ãn b o h i v i sáng ch ã, KDCN và thi t k b trí ph ãi có kh ãn ãng áp ã ãng trong l ãnh v c khoa h c, công ngh ãnh m t o ra s ãn ph ãm có giá tr cho i s ãng con ãng i. i v i ãnh ãnh u, ch ã ãn ã lý, tên th ãng m i, *BMKD* ph ãi ch a ãng ch ã ãn th ãng m i, chúng c xem ãnh chỉ c c u ãn i gi a ãnh ãn xu t hay cung c p ã ãn v i v i ãng i tiêu ãùng. Ch th ã nào ãn m gi c các i t ãng ã này s có các u th c ãnh tranh h ãn các ch th ã khác. ãy là m t trong ãnh ãng tiêu chí ãnh ãnh chia k t qu h o t ãng SHTT ãnh quy ãn tác gi ã và quy n SHCN chính là c ãn c ã và tính h u ích hay kh ãn ãng áp ã ãng c a chúng. N u các i t ãng c a quy ãn tác gi ã ch y u c áp ã ãng trong h o t ãng gi i trí ãnh th ãn thì các i t ãng c a quy ãn SHCN l i c áp ã ãng trong các h o t ãng s ãn xu t kinh doanh th ãng m i³.

Th ã hai, quy n SHCN c b o h ãnh ãnh qua th t c ãng ký t i c quan

³Tr ãng i h c Lu t Hà ãi (2008), *Giáo ãnh Lu t s h u trí tu V i t Nam*, Nxb Công ãn ãnh ãn.

nhà nước có thẩm quyền

Đối với các hoạt động của quyền SHCN phát sinh hoặc xác lập trên cơ sở đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục, trình tự luật định. Theo quy định của Luật SHTT, quyền SHCN đối với sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu (trừ nhãn hiệu nổi tiếng), chỉ dẫn địa lý được xác lập trên cơ sở quy tắc cạnh tranh công bố hoặc các quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định pháp luật hoặc công nhận đăng ký quốc tế theo quy định của hiệp ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Quyền SHCN chính là pháp luật bảo hộ khi chúng ta các quan nhà nước cạnh tranh công bố. Đăng ký với nhà nước là cách thức công khai hóa tình trạng của lợi tài sản vô hình này đối với các chủ thể khác, là cách thức thông báo tài sản đã thu được sự hưởng lợi. Qua đó tránh tình trạng tài sản bị người khác chiếm đoạt, xâm phạm mà không có cơ chế minh bạch quy định sự hưởng lợi của mình. Khác với quy định tác giả về quyền ký chỉ mang tính chất khuyến khích các chủ thể đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì đối với thủ tục đăng ký quyền SHCN là thủ tục bắt buộc. Nếu chủ thể sáng tạo ra quyền SHCN không tiến hành đăng ký sẽ không được bảo hộ trong trường hợp có người khác chiếm đoạt hoặc đăng ký trước, chính việc đăng ký quyền sở hữu trí tuệ trong trường hợp cạnh tranh minh bạch tạo ra sự phân biệt cách tiếp cận ngày nay. Mặt khác, hoạt động đăng ký quyền SHCN là chính sách nhà nước nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và thương mại; đồng thời tạo điều kiện cho các chủ thể khác trong xã hội tiếp cận với tri thức tiên tiến nhất làm cơ sở cho các sáng chế, phát minh tiếp theo.

Bên cạnh đó một số hoạt động của quyền SHCN phát sinh tự nhiên không cần đăng ký với cơ quan nhà nước như: quyền SHCN đối với tên thương mại được xác lập trên cơ sở sử dụng hợp pháp tên thương mại; quyền SHCN đối với BMDK được xác lập trên cơ sở có một cách hợp pháp BMDK và thể hiện vị trí bảo vệ BMDK; quyền SHCN đối với nhãn hiệu nổi tiếng được xác lập trên cơ sở sử dụng, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký.

Th ba, quy n SHCN c b o h theo th i gian c a v n b ng b o h

Vi c c p v n b ng b o h là m t c ch c tr ng trong vi c th c hi n b o h i v i các i t ng c a quy n SHCN mà pháp lu t c a nh i u n c trên th gi i u ghi nh n. Pháp lu t Vi t Nam c ng quy nh hình th c b o h thông qua c p v n b ng b o h . K t ngày c Nhà n c c p v n b ng b o h , quy n SHCN c xác l p và c b o h b i Nhà n c b ng nh ng bi n pháp b o v trong th i gian b o h .

Vi c quy nh th i h n b o h i v i m t s i t ng quy n SHCN là r t c n thi t. Th i h n b o h i t ng quy n SHCN là th i gian c a v n b ng b o h c chia nh sau:

Th i h n b o h xác nh và không gia h n. Lo i th i h n này áp d ng i v i sáng ch là 20 n m tính t ngày n p n h p l ; v i gi i pháp h u ích là 10 n m; v i thi t k b trí m ch tích h p bán đ n là 10 n m k t ngày ng ký ho c ngày ng i có quy n n p n khai thác, cho phép ng i khác khai thác th ng m i t i b t kì n i nào trên th gi i ho c 15 n m tính t ngày t o ra thi t k b trí⁴.

Th i h n b o h xác nh và có gia h n. Lo i th i h n này áp d ng i v i nhãn hi u là 10 n m tính t ngày n p n h p l , có th gia h n liên ti p nhi u l n m i l n 10 n m; v i KDCN là 5 n m k t ngày n p n h p n, có th gia h n hai l n liên ti p, m i l n n m n m⁵.

i v i các i t ng nêu trên, vi c b o h trong th i gian xác nh ch có hi u l c khi ch s h u v n b ng b o h n p l phí duy trì hi u l c c a v n b ng. Th i h n b o h không xác nh. Lo i th i h n c áp d ng i v i tên th ng m i, ch đ n a lý, BMKD cho n khi nào còn áp ng c i u ki n b o h .

⁴ Xem thêm t i các i u 93, 94, 95 Lu t SHTT

⁵ Xem thêm t i các i u 93, 94, 95 Lu t SHTT

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của chuyển giao quyền sở hữu công nghệ p

1.1.2.1. Khái niệm chuyển giao quyền sở hữu công nghệ p

Ngày 28-12-1988, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Nghị quyết 201-HBT về mua bán quyền sở hữu sáng chế, ghi ý pháp hữu ích, KDCN, nhãn hiệu hàng hoá và bí quyết kỹ thuật (gọi tắt là Quyết định mua bán li-xăng) là văn bản ưu tiên cấp nền chuyển giao quyền SHCN hiện nay. Ngày 15 tháng 4 năm 1994, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư 163/TT-SHCN hướng dẫn chi tiết ngành trên, tiếp nhận thu nhập quy chế của cá nhân, gia đình, tổ chức chuyển giao quyền SHCN mà chủ sở hữu pháp lý li-xăng như sau: "Li-xăng dùng cho việc cá nhân ("Bên giao") cho phép tổ chức, cá nhân khác ("Bên nhận") sử dụng - trong phạm vi lãnh thổ nhất định ("lãnh thổ li-xăng") và trong thời hạn nhất định ("thời hạn li-xăng") - sáng chế, ghi ý pháp hữu ích, KDCN, nhãn hiệu hàng hoá ("Đối tượng SHCN") đang thụ hưởng quyền sở hữu hoặc quyền sở hữu của bên giao".

BLDS năm 1995 đã hệ thống các quy định về SHTT nói chung và SHCN nói riêng vào Phần thứ sáu (Quy định SHTT và chuyển giao công nghệ p). Mặc dù đã hệ thống các quy định về SHCN tuy nhiên quy định về chế độ chi tiết cấp mts vẫn xác lập quy định SHCN. BLDS năm 1995 không có nội dung quy định về khái niệm về chuyển giao quyền SHCN tuy nhiên thông qua điều 794⁶, điều 796⁷ quy định có thể hiểu chuyển giao quyền SHCN như sau: "Chuyển giao quyền SHCN là việc chuyển nhượng quyền SHCN cho người khác khác hoặc chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu

⁶ Điều 794. Chuyển nhượng quyền SHCN

Cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác có quan hệ liên quan nhà nước có thể mua quyền sở hữu công nghệ p hoặc chuyển giao văn bản bảo hộ sáng chế, ghi ý pháp hữu ích, KDCN, nhãn hiệu hàng hoá và các đối tượng SHCN khác là chủ sở hữu sáng chế, ghi ý pháp hữu ích, KDCN, nhãn hiệu hàng hoá và các đối tượng SHCN đó.

⁷ Điều 796. Quy định cách thức chuyển nhượng quyền SHCN

1- Chủ sở hữu sáng chế, ghi ý pháp hữu ích, KDCN, nhãn hiệu hàng hoá có các quy định sau đây:

a) Chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN;
b) Chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN cho người khác;
c) Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm quyền sở hữu của mình phải chấm dứt hành vi xâm phạm và bồi thường thiệt hại.

2- Quyền sở hữu đối tượng sáng chế, ghi ý pháp hữu ích, KDCN, nhãn hiệu hàng hoá có thể chuyển nhượng cho người khác.

công nghệ p cho ng i khác” .

BLDS n m 2005 c ng h th ng quy nh v SHTT t i Ph n th sáu (Quy n SHTT và chuy n giao công nghi p) c p n chuy n giao quy n SHCN nh sau: *“Quy n SHCN i v i sáng ch , KDCN, thi t k b trí m ch tích h p bán đ n, BMKD, nhân hi u có th c chuy n giao toàn b ho c m t ph n theo h p ng ho c th a k , k th a”*. Quy nh v chuy n giao quy n SHCN t i BLDS n m 2005 ch a rõ ràng, quy nh theo h ng m , ch a nêu rõ n i hàm c a ho t ng chuy n giao quy n SHCN, ch m i c p n vi c cho phép ho t ng chuy n giao quy n SHCN. Bên c nh ó, qua nghiên c u, tác gi nh n th y BLDS 2015 không c p n quy n SHCN.

Lu t SHTT ã c p n v n chuy n giao quy n SHCN chi ti t h n. Khái ni m chuy n giao quy n SHCN không có quy nh tr c ti p, tuy nhiên thông qua b c c Ch ng X, i u 138⁸, i u 141⁹ Lu t SHTT có th gián ti p a ra nh ng a chuy n giao quy n SHCN nh sau: *“Chuy n giao quy n SHCN là vi c ch s h u quy n SHCN chuy n giao quy n s h u c a mình cho t ch c, cá nhân khác ho c cho phép t ch c, cá nhân s đ ng i t ng SHCN thu c ph m vi quy n s đ ng c a mình”*.

T nh ng a trên, chuy n giao quy n SHCN bao g m hai hình th c c b n là: chuy n nh ng quy n SHCN và chuy n quy n s đ ng quy n SHCN. Ho t ng trên th c hi n hoàn toàn d a trên ý chí c a ch s h u i t ng SHCN. Ngoài ra i v i sáng ch trong tr ng h p pháp lu t quy nh vi c chuy n giao quy n s đ ng quy n SHCN không ph thu c vào ý chí c a ch s h u mà ch p hành quy t nh c a c quan nhà n c có th m quy n.

⁸ **i u 138.** Quy nh chung v chuy n nh ng quy n SHCN

1. Chuy n nh ng quy n SHCN là vi c ch s h u quy n SHCN chuy n giao quy n s h u c a mình cho t ch c, cá nhân khác.

2. Vi c chuy n nh ng quy n SHCN ph i c th c hi n d i hình th c h p ng b ng v n b n (sau ây g i là h p ng chuy n nh ng quy n SHCN).

⁹ **i u 141.** Quy nh chung v chuy n quy n s đ ng i t ng SHCN

1. Chuy n quy n s đ ng i t ng SHCN là vi c ch s h u i t ng SHCN cho phép t ch c, cá nhân khác s đ ng i t ng SHCN thu c ph m vi quy n s đ ng c a mình.

2. Vi c chuy n quy n s đ ng i t ng SHCN ph i c th c hi n d i hình th c h p ng b ng v n b n (sau ây g i là h p ng s đ ng i t ng SHCN).

1.1.2.2. Các hình thức chuyển giao quyền sở hữu công nghệ

Chuyển giao quyền SHCN là một dạng chuyển quyền đặc biệt tính vô hình của các tài sản chuyển giao. Sự khác biệt này tạo ra những đặc điểm của chuyển giao quyền SHCN giúp chúng ta thấy rõ hơn về bản chất của chuyển giao quyền SHCN. Các trường hợp này như những khác biệt của hoạt động chuyển giao quyền SHCN với các hoạt động chuyển giao quyền sở hữu tài sản hữu hình khác. Chuyển giao quyền SHCN có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, về hình thức chuyển giao quyền sở hữu quyền SHCN có thể chuyển giao các loại các hành vi đặc quyền sở hữu quyền SHCN.

Ví dụ: Công ty Yamaha là chủ sở hữu quyền SHCN về KDCN xe máy Y có thể thực hiện quyền sở hữu KDCN của mình thông qua các hành vi theo quy định luật SHTT như sau:

- Sản xuất sản phẩm có hình dáng bên ngoài là KDCN được pháp luật bảo hộ;
- Lưu thông, quảng cáo, chào hàng, trưng bày lưu thông sản phẩm có hình dáng bên ngoài là KDCN được pháp luật bảo hộ;
- Nhập khẩu sản phẩm có hình dáng bên ngoài là KDCN được pháp luật bảo hộ.

Vì các hành vi đặc quyền sở hữu KDCN có thể chuyển giao các loại với nhau nên Công ty Yamaha có thể chuyển giao các quyền sản xuất, lưu thông, quảng cáo, chào hàng, trưng bày lưu thông sản phẩm có hình dáng bên ngoài là KDCN được pháp luật bảo hộ mà vẫn giữ lại các quyền nhập khẩu sản phẩm có hình dáng bên ngoài là KDCN được bảo hộ giữ lại ưu thế khi cạnh tranh trên thị trường. Mặc dù trong chuyển giao quyền sở hữu bên nhận chuyển giao luôn mua nhận các phạm vi chuyển giao liên hệ có thể.

Trong nội dung chuyển giao quyền sở hữu các tài sản quyền tác giả, pháp luật có quy định rõ ràng chủ sở hữu quyền tác giả có thể chuyển giao một hoặc một số quyền sở hữu tài sản quyền tác giả. Tuy nhiên pháp luật về chuyển giao quyền SHCN chưa có quy định rõ về vấn đề này.

Th hai, chuy n giao quy n SHCN ch c chuy n giao trong lãnh th và th i gian b o h . ây chính là c i m v ph m vi chuy n giao quy n SHCN, ho t ng chuy n giao này ph i c th c hi n phù h p v i ph m vi b o h quy n SHCN i v i t ng i t ng SHCN.

Ví d , Ông Ph m V n Hát (45 tu i, thôn Kim ôi, xã Ng c K , T K , H i D ng) ã ch t o thành công hàng ch c máy nông nghi p nh máy ánh lu ng, máy thu ho ch rau húng, máy r ch hàng, máy cày hai l i¹⁰. Trong ó, robot gieo h t t ng c a Ông ã c ng ký b ng c quy n sáng ch s 1-2018-00419 ngày ng ký 29/1/2018 ang c các n c c, M quan tâm. Th i h n b o h quy n SHCN i v i sáng ch là 20 n m, tuy nhiên n u có công ty t i các n c c, M có ý nh kí k t h p ng chuy n giao quy n s d ng u n m 2019 thì th i h n h p ng chuy n giao quy n s d ng i v i sáng ch thì th i h n trên ch còn 19 n m. Trong tr ng h p này, ph m vi lãnh th c a Ông Ph m V n Hát ch m i c b o h quy n SHCN t i Vi t Nam thì Ông Hát mu n chuy n giao qua các lãnh th c, M ph i ng ký b o h quy n SHCN i v i sáng ch t i hai lãnh th trên. i v i tr ng h p công ty trong n c có ý nh mu n nh n chuy n giao, Ông Hát có th xem xét ph m vi chuy n giao có th là m t hay nhi u t nh trong lãnh th Vi t Nam.

Th ba, chuy n giao quy n SHCN có nh ng i u ki n h n ch nh t nh. Nh ng h n ch này không áp d ng cho t t c các i t ng SHCN mà ch áp d ng v i m t vài i t ng c th .

Khi chuy n nh ng quy n SHCN, không c chuy n giao ch d n a lý. i v i tên th ng m i ch c chuy n nh ng cùng v i vi c chuy n nh ng toàn b c s kinh doanh và ho t ng kinh doanh d i tên th ng m i ó. i v i nhãn hi u ch c chuy n nh ng cho t ch c, cá nhân áp ng các i u ki n i v i ng i có quy n ng ký nhãn hi u ó.

Khi chuy n quy n s d ng quy n SHCN là ch d n th ng m i thì vi c chuy n giao không c phép gây ra nh ng nh m l n cho ng i tiêu dùng v ch

¹⁰ <https://vnexpress.net/khoa-hoc/nong-dan-lop-7-sang-che-robot-gieo-hat-xuat-sang-my-duc-3634865.html>. Truy c p ngày 16/2/2019 vào lúc 15h00

đến thành tựu. Nguyên nhân do khi chuyển quy chuẩn sang các chế độ thành tựu mới, các bên tham gia chuyển giao quy chuẩn không chỉ hướng tới lợi ích của mình mà còn phải chú ý đến lợi ích của người tiêu dùng. Chính vậy, trong hoạt động chuyển quy chuẩn sang nhãn hiệu không nên gây ra sự nhầm lẫn về tính, nguồn gốc của hàng hóa, đặc biệt mang nhãn hiệu của chuyển quy chuẩn.

1.1.3. Vai trò của quy chuẩn kỹ thuật công nghiệp và chuyển giao quy chuẩn kỹ thuật công nghiệp

1.1.3.1. Vai trò của quy chuẩn kỹ thuật công nghiệp

Quy chuẩn SHCN có những vai trò sau:

- Tạo ra những lợi ích tiềm tàng về việc thúc đẩy kinh doanh cạnh tranh và phát triển cho các doanh nghiệp.

- Giúp doanh nghiệp chọn lựa những hành vi cạnh tranh không lành mạnh, định hình là những hành vi xâm phạm quy chuẩn SHCN, làm giảm giá trị, uy tín của doanh nghiệp trên thị trường.

- Bảo vệ các hàng giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, đồng thời tạo nên giá trị lớn khi tiềm năng của một doanh nghiệp được xem xét qua: các sáng chế, tên thương mại, nhãn hiệu, BMDK...

- Thúc đẩy sự phát triển lành mạnh, tạo nên thị trường kinh doanh cạnh tranh cao mà ở đó doanh nghiệp nào chấp hành nghiêm ngặt pháp quy định như cụ thể thị trường cho khách hàng, sự hình thành sáng chế quy chuẩn, nội dung về tên thương hiệu, hay những giảm giá BMDK làm nên tên tuổi của doanh nghiệp... thì chắc chắn doanh nghiệp đó sẽ chiếm lĩnh thị phần lớn và doanh thu sẽ cao. Muốn làm được điều đó doanh nghiệp phải thực hiện việc đăng ký SHCN về việc những tài sản SHCN có giá trị ngay bây giờ, tránh tình trạng phát sinh tranh chấp khi thị trường cạnh tranh nhanh tay thì lợi nhuận bỏ ngoài tay.

Tuy nhiên, khi mà Việt Nam hiện nay đã bước vào kỷ nguyên của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 thì quy chuẩn SHTT nói chung hay quy chuẩn SHCN nói riêng sẽ đóng góp những vai trò nhất định cho công nghiệp 4.0 này, cụ thể:

- Tạo động lực cho đổi mới, sáng tạo, thúc đẩy thương mại và xuất khẩu, nâng cao

những lĩnh vực tranh chấp gia, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội.

- Sự là chủ hình thức kinh tế là thách thức trong phát triển giá trị quy định SHTT nói chung hay quy định SHCN nói riêng.

- Sự trở thành công cụ quy định những sự cạnh tranh của công nghệ và vì các chủ thể khi nắm bắt được, doanh nghiệp phải tìm cách tạo ra, nắm và sử dụng TSTT phát triển bền vững.

- Quy định SHCN là tài sản vô hình của một doanh nghiệp, nó góp phần tạo nên giá trị của doanh nghiệp và tính cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

- Quy định SHCN là một phần cốt lõi tạo nên sự thành công của doanh nghiệp.

1.1.3.2. Vai trò của chuyên gia quy định sử dụng công nghệ

Chuyên gia quy định SHCN có nhiều vai trò, tuy nhiên, tác giả chỉ đi sâu qua một số vai trò quan trọng như:

Thứ nhất, đánh giá các trình độ khoa học và công nghệ của các chuyên gia.

Nếu một nhà chuyên gia quy định SHCN nhiều hơn các ngoài cho thấy sự lạc hậu của nhà khoa học công nghệ trong nước, trong khi đó những người khác chuyên gia quy định SHCN từ nước mình sang các nước khác cho thấy trình độ phát triển của công nghệ trong nước.

Thứ hai, đánh giá mối quan hệ của các bên khi tham gia chuyên gia quy định SHCN

quá trình chuyên gia quy định SHCN diễn ra thì sẽ tìm hiểu của các bên cạnh tranh và vì các chủ thể khác là điều không thể tránh khỏi. Vì thế, chuyên gia thành công các bên phải phát triển mối quan hệ giữa các cạnh tranh từ các mặt khác.

Thứ ba, tìm kiếm các công nghệ tiên tiến trên thị trường

ý nghĩa của công nghệ trong nước cần nhanh chóng theo kịp với công nghệ hiện đại trên thị trường là vấn đề quan tâm của tất cả các nước trong đó có Việt Nam, nếu công nghệ trong nước không đáp ứng nhu cầu thì nhà chuyên gia công nghệ từ nước ngoài trong đó có chuyên gia quy định SHCN là

số cần thiết chúng ta có thể tiếp cận với công nghệ mới các nước phát triển. Nói cách khác, chuyển giao quy trình SHCN có thể hiện phần nào thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ, bởi các hoạt động quy trình SHCN đóng vai trò lớn trong hình thành công nghệ tại các quốc gia.

1.2. Khung pháp luật về chuyển giao quy trình sản xuất công nghiệp

1.2.1. Hoạt động quy trình sản xuất công nghiệp và chuyển giao

Hoạt động của hoạt động chuyển giao quy trình SHCN chính là các hoạt động SHCN đó. Nói cách khác, các hoạt động của quy trình SHCN là hoạt động của chuyển giao. Thông thường, hoạt động chuyển giao quy trình SHCN có thể hiện thông qua hình thức chuyển giao quy trình SHCN. Tuy nhiên, quy trình sản xuất chế độ này không thể trở thành hoạt động chuyển giao quy trình SHCN. Chế độ này là tài sản công thuộc sở hữu nhà nước. Nhà nước trao quyền sử dụng chế độ này cho tổ chức, cá nhân tiến hành vì công ích xã hội nhưng mang chế độ này để phát triển công nghệ và sản phẩm mới ra thị trường. Nhà nước trực tiếp thực hiện quy định quản lý chế độ này hoặc trao quyền quản lý chế độ này cho tổ chức đi đầu quy định licat các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng chế độ này. Khoản 2 điều 139 Luật SHTT quy định quy định về chế độ này không phải là chuyển giao.

Như vậy hoạt động của hoạt động chuyển giao quy trình SHCN chỉ có thể là quy trình sản xuất về sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, tên thương mại và BMDK. Quy trình sản xuất các hoạt động SHCN bao gồm các quy định: sử dụng, cho phép người khác sử dụng hoạt động SHCN; ngăn cấm người khác sử dụng hoạt động SHCN; nhốt hoạt động SHCN.

1.2.2. Khái niệm về giá trị quy trình sản xuất công nghiệp

1.2.2.1. Khái niệm về giá trị quy trình sản xuất công nghiệp

Giá trị là hoạt động chuyên môn về mang tính kinh tế - kỹ thuật, tính pháp lý, về mang tính xã hội. Hoạt động giá trị hình thành, tồn tại và phát triển gắn liền với sự hình thành, tồn tại và phát triển của thị trường. Theo Giáo sư W. Sealrooke - Viện nghiên cứu Portsmouth - Vương quốc Anh cho rằng: “ giá trị là sự kết hợp tính

giá trị của các quy định hữu tài sản có thể bằng hình thái tiền tệ cho một mục đích xác định". Còn Giáo sư Lim Lan Yuan - Khoa Xây dựng và Bất động sản - Đại học Quốc gia Singapore cho rằng: "nhất giá là một khoa học về tính giá trị cho một mục đích nhất định của tài sản có thể, tất cả những gì xác định, có cân nhắc những tác động của tài sản có thể xem xét tất cả các yếu tố kinh tế bên cạnh thị trường, bao gồm các lợi ích và chi phí".¹¹ Như vậy, có thể hiểu rằng nhất giá là sự tính về giá trị về tài sản có thể nhất giá tất cả những gì xác định.

Vấn đề nào là nhất giá quy định SHCN? Vấn đề chính hiện tại của các pháp lý nào đưa ra quy định về khái niệm nhất giá quy định SHCN là gì? Một số công trình nghiên cứu về vấn đề nhất giá TSTT, các tác giả có đưa ra các khái niệm về nhất giá TSTT. Và khái niệm về nhất giá quy định SHCN có thể có như sau.

Theo ý kiến của tác giả Đặng Thị Thu Nga đã cho rằng: nhất giá TSTT có thể hiểu là hoạt động xây dựng giá trị và đưa ra giá của một TSTT có thể tất cả những gì xác định, làm căn cứ cho các hoạt động giao dịch mua, bán TSTT có trên thị trường.¹²

Tác giả Đào Thị Dung lại cho rằng: nhất giá TSTT có thể hiểu là việc tính giá trị thị trường của TSTT như sáng chế, nhãn hiệu... trong đó, giá trị thị trường của TSTT là sự tính toán thu nhập tiềm năng của sản phẩm hoặc dịch vụ sản phẩm TSTT đó. Tóm lại, giá trị của TSTT có thể xác định bằng lợi ích kinh tế trong tương lai do TSTT đó mang lại về quy định về thị trường hiện tại. Quan niệm này phù hợp với tiêu chuẩn nhất giá Việt Nam. Theo đó, giá trị mà hoạt động nhất giá hàng hóa là giá trị thị trường của TSTT, tức là mức giá có tính sự mua bán trên thị trường vào thị trường nhất giá, giá của một bên là người mua sản phẩm và một bên là người bán sản phẩm, trong một giao dịch mua bán khách quan và

¹¹ Lê Thị Huệ (2015), *Phân tích các yếu tố quy định hữu trí tuệ có ảnh hưởng tới kết quả hoạt động nhất giá nhãn hiệu và Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Hà Nội.

¹² Đặng Thị Thu Nga (2014), *Nhất giá tài sản trí tuệ theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội.

l p, trong i u ki n th ng m i bình th ng.¹³

T ch c SHTT th gi i (WIPO) a ra quan ni m nh giá TSTT là m t quá trình có ý th c nh m xác nh giá tr ti n t ti m n c a TSTT ó d a trên các ph ng pháp hi n có c s d ng trong vi c nh giá các tài s n h u hình.¹⁴

Các quan i m trên suy cho cùng u nh m a ra m t cách chính xác khái ni m v nh giá quy n SHTT (nh giá quy n SHCN có th c hi u t ng t), u cho r ng nh giá TSTT nh m xác nh giá tr tìm ra giá c c a tài s n trong m t t p h p gi nh các i u ki n trên th tr ng nh t nh.

T nh ng quan i m trên, ta có th rút ra khái ni m nh giá quy n SHCN nh sau: *nh giá quy n SHCN là quá trình ti n hành ho t ng xác nh giá tr quy n SHCN, t ó a ra m t m c giá dành cho i t ng ó t i m t th i i m xác nh d a trên các ph ng pháp xác nh, làm c s cho các ho t ng c a giao d ch i t ng quy n SHCN ó trên th tr ng.*

Ngoài ra, c ng c n l u ý thêm r ng vi c nh giá quy n SHCN th ng b nh h ng b i nhi u y u t khác bao g m th i gian, nhu c u, m c ích nh giá và nh ng k n ng àm phán c a các bên.

1.2.2.2. c i m nh giá quy n s h u công nghi p

Quy n SHCN là m t lo i tài s n c bi t, vì th nên ho t ng nh giá quy n SHCN c ng mang nh ng c i m riêng bi t sau ây:

- *Th nh t, quy n SHCN là tài s n vô hình do ó không th d a vào các c i m v t ch t nh giá c*

Theo Tiêu chu n Th m nh giá s 13 v Th m nh giá tài s n vô hình, t i m c 3.1 c a Tiêu chu n Th m nh giá quy nh “*Tài s n vô hình: là tài s n không có hình thái v t ch t và có kh n ng t o ra các quy n, l ích kinh t*”.

Vì là tài s n vô hình t c là tài s n không có hình thái v t ch t nên khi nh giá, ch th ti n hành ho t ng nh giá không th nào th y c hình m u chung c a tài s n vô hình, không th d a vào hình thái v t ch t gi ng nh tài s n h u hình

¹³ ào Th Dung (2016), *Pháp lu t v góp v n b ng quy n s h u trí tu t i Vi t Nam. Th c ti n pháp lý và ph ng h ng hoàn thi n*, Lu n v n th c s, Hà N i.

¹⁴ World Intellectual Property Organization, *Valuation of Intellectual Property: What, Why and How*, WIPO Magazine Issue No. 05, 2003, page 5-9.

nh giá c mà ph i d a vào các ph ng pháp nh giá dành riêng cho tài s n vô hình trong tr ng h p này là s d ng các ph ng pháp nh giá quy n SHCN ti n hành nh giá (ví d nh tài s n h u hình là m t xe máy, khi nh giá xe máy bán, ch th nh giá d a vào hình dáng c a xe m i hay c , b máy c a xe có còn ho t ng t t không, xe có m u mã n m nào... t t c nh ng i m này có th nh n th y c b ng m t khi nhìn vào tài s n ho c qua ki m tra tài s n. Còn i v i BMKD, thu c i t ng quy n SHCN, khi nh giá tài s n này, ch th nh giá không th d a vào hình thái v t ch t gi ng nh bên tài s n h u hình nào vì nó là tài s n vô hình, không th nhìn th y c nh ng nó có th em l i m t s quy n và l i ích nh t nh cho ng i s h u, và nh giá ta dùng các ph ng pháp nh giá dành riêng cho tài s n vô hình).

- *Th hai*, vì c nh giá quy n SHCN không ch d a trên giá tr c a chúng t i th i i m hi n t i mà còn ph i ánh giá d a trên nh ng ti m n ng, tính kinh t mà lo i tài s n ó s t o ra trong t ng lai. Khi nh giá quy n SHCN, chúng ta không ch nhìn t hi n t i nh giá, mà còn ph i nhìn vào t ng lai khi nh ng i t ng quy n SHCN này v n còn khai thác c t t, t c sau khi ã chuy n giao i t ng quy n SHCN (sáng ch , KDCN, thi t k b trí m ch tích h p bán d n, tên th ng m i, nhãn hi u, ch d n a lý, BMKD) thì trong t ng lai, ti m n ng, giá tr c a i t ng này v n còn v n nguyên ho c v n có th em l i ti m n ng khai thác, s d ng cho ng i nh n. Chính vì th khi nh giá quy n SHCN c n ph i d a trên nh ng ti m n ng khai thác trong t ng lai mà i t ng em l i.

- *Th ba*, nh giá quy n SHCN còn ph i tính n các kh u hao giá tr tài s n b i s hao mòn vô hình do s phát tri n c a khoa h c k thu t, s c nh tranh trên th tr ng và s a chu ng c a th tr ng s d n n vì c suy gi m giá tr c a chúng: Trong t ng lai, v i s phát tri n nhanh chóng c a h th ng th ng m i hóa toàn c u, s bùng n công ngh thông tin ã kích thích nhu c u c a ng i tiêu dùng t ng lên nhanh chóng và ngày càng a d ng, và khi xã h i ngày càng phát tri n, con ng i ngày càng thông minh, hi n i, sáng t o không ng ng ngh , khi th i i ti p c n khoa h c k thu t tiên ti n i v i con ng i không còn xa l , lúc này t t y u s

hình thành và phát triển môi trường khoa học kỹ thuật hiện đại. Điều này đòi hỏi phải có các tài sản có tính đồng bộ và hỗ trợ lẫn nhau để hình thành trình độ, công nghệ và chu trình sản phẩm mang tính đồng bộ. Vì vậy, công nghệ tài sản đồng bộ và hỗ trợ lẫn nhau là một trong những yếu tố quan trọng để hình thành và phát triển môi trường khoa học kỹ thuật hiện đại.

1.2.2.3. Phương pháp định giá quy định của công nghệ

Giá trị của quy định SHCN dựa trên lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai, vì vậy việc xác định giá trị của quy định SHCN gặp nhiều khó khăn và phức tạp. Các nhà kinh tế đã nghiên cứu tìm ra các phương pháp định giá quy định SHCN phù hợp, tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có kết luận về phương pháp định giá nào là phù hợp và chính xác nhất. Nhìn chung, đã có nhiều phương pháp định giá khác nhau cho hoạt động nghiên cứu, tuy nhiên chỉ có ba phương pháp định giá sau đây được công nhận phổ biến trong hoạt động nghiên cứu quy định SHCN trong đó có định giá quy định SHCN:

- Phương pháp tính toán chi phí: là phương pháp định giá dựa trên các chi phí đầu tư vào quy định SHCN tương đương với quy định SHCN cần nghiên cứu để tính giá trị thực của quy định SHCN cần nghiên cứu. Số đồng phương pháp này quy định SHCN sẽ được định giá dựa vào hai loại chi phí đó là chi phí tái sản xuất và chi phí thay thế.¹⁵

- Phương pháp tính toán thu nhập: Là phương pháp định giá dựa trên việc tính toán giá trị quy định SHCN trên cơ sở lợi ích kinh tế mà quy định đó mang lại. Phương pháp này tập trung vào việc đánh giá khả năng sinh lợi của quy định SHCN. Nguyên lý cơ bản là giá trị của quy định SHCN có thể đo bằng giá trị hiện tại của lợi ích ròng về mặt tài chính là quy định SHCN có thể đầu tư thu nhập.¹⁶

- Phương pháp tính toán thiệt hại: Là phương pháp định giá dựa trên cơ sở phân tích mức giá của các quy định SHCN tương đương với quy định SHCN cần nghiên cứu.

¹⁵ Đặng Thị Thu Nga (2014), *Định giá tài sản trí tuệ theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội.

¹⁶ Đặng Thị Thu Nga (2014), *Định giá tài sản trí tuệ theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội.

giao dịch thành công hoặc mua, bán trên thị trường vào thời điểm nh giá hoặc gần với thời điểm nh giá để tính giá trị thị trường của tài sản cần nh giá. Áp dụng phương pháp này sẽ rất thuận lợi vì nó không thể thi trong điều kiện Việt Nam vì các doanh nghiệp khó khăn trong việc tìm kiếm các giao dịch liên quan đến quyền SHCN tương tự trên thị trường.¹⁷

Trên đây là ba phương pháp đã nêu để thực hiện các nghiệp vụ nh giá thị trường công nhận và công phù hợp với tình hình thị trường khoa học công nghệ hiện tại.

1.2.2.4. Vai trò của nh giá trong chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp

Hoạt động nh giá có vai trò quan trọng trong việc thực hiện mô hình hoá TSTT nói chung và chuyển giao quyền SHCN nói riêng. Trong hoạt động chuyển giao quyền SHCN thì hoạt động nh giá là cần thiết, xác định giá trị chuyển giao. Tác động của nghiệp vụ nh giá có những vai trò sau:

- Giúp chủ sở hữu quyền SHCN xác định giá trị tài sản vô hình mà chủ sở hữu nắm giữ.
- Giúp doanh nghiệp quản lý tài sản là quyền SHCN một cách có hiệu quả và thuận tiện.
- Tạo ra một tiêu chuẩn hữu ích và là cơ sở để đàm phán trong trường hợp chuyển giao TSTT.
- Giúp doanh nghiệp khẳng định vị thế, uy tín trên thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các quyền SHCN một cách thuận lợi.
- Giúp doanh nghiệp có những quy tắc sách, chính sách và kế hoạch kinh doanh phù hợp khi mà quyền SHCN mà doanh nghiệp sở hữu có một giá trị nhất định trên thị trường.

1.2.3. Các hình thức chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp

1.2.3.1. Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Theo Luật SHTT, khái niệm chuyển nhượng quyền SHCN được quy định tại khoản 1 điều 138 như sau: “Chuyển nhượng quyền SHCN là việc chuyển nhượng quyền SHCN”

¹⁷ Đặng Thị Thu Nga (2014), *Nh giá tài sản trí tuệ theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội.

SHCN chuyển giao quyền sở hữu cá nhân cho tổ chức, cá nhân khác”. Đây là một hình thức bán tất quyền SHCN để lý do kinh tế làm nên sự sinh hoạt pháp lý ban đầu của việc chuyển nhượng quyền SHCN là chuyển toàn bộ quyền sở hữu và toàn bộ quyền sử dụng SHCN để chuyển giao cho chủ sở hữu mới, xác lập nên một cách thức mới.

Thứ nhất, về cách thức chuyển nhượng quyền SHCN, toàn bộ quyền của chủ sở hữu sẽ được chuyển giao toàn bộ cho chủ sở hữu mới (cá nhân, tổ chức nhận chuyển giao). Đó là chuyển nhượng các quyền khác sử dụng đất SHCN, quyền sử dụng và quyền cho thuê đất SHCN. Về việc chuyển nhượng các quyền khác sử dụng đất chỉ là chủ sở hữu có thể trực tiếp sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh như: sản xuất sản phẩm; lưu thông, quảng cáo, chào hàng, tàng trữ lưu thông sản phẩm; Nhập khẩu sản phẩm có hình dáng bên ngoài là KDCN để pháp luật bảo hộ hoặc các quyền khác sử dụng đất SHCN.

Vì vậy, khi chuyển nhượng quyền SHCN, chuyển nhượng các quyền khác của chuyển nhượng, do đó, bên nhận chuyển giao sẽ tự nhiên có quyền chuyển nhượng các quyền khác sử dụng đất SHCN. Trong trường hợp xảy ra hành vi xâm phạm quyền SHCN, bên nhận chuyển giao mới là chủ thể có quyền khởi kiện, yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ quyền SHCN. Trường hợp bên chuyển giao phát hiện hành vi xâm phạm không thể khởi kiện.

Ví dụ, trong trường hợp Ông Phạm Văn Hát trong ví dụ 1.2.2 chuyển nhượng quyền SHCN để việc sáng chế máy gieo hạt cá nhân cho Công ty A. Chủ sở hữu sáng chế đặt tên công ty A. Công ty hoàn toàn các quyền chuyển nhượng các quyền khác sử dụng đất SHCN, quyền sử dụng và quyền cho thuê đất. Trường hợp Công ty B Việt Nam có các hành vi sản xuất sản phẩm tương tự cá Ông Hát, Công ty A là chủ thể có quyền khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại mà không phải là Ông Hát. Ngoài ra, Công ty A có thể chuyển nhượng quyền sử dụng sáng chế cho các tác cá nhân khai thác tài sản trí tuệ sáng chế.

Thứ hai, về các nghĩa vụ chuyển nhượng. Khi chuyển nhượng quyền SHCN toàn bộ

nghe và cách sử dụng vốn SHCN cũng chuyển giao cho chủ sở hữu. Ví dụ: nghe và sử dụng sáng chế (chủ sở hữu sáng chế có nghe và sản xuất sản phẩm công nghệ hoặc áp dụng quy trình công nghệ đáp ứng nhu cầu quốc phòng an ninh,...); nghe và sử dụng nhãn hiệu (chủ sở hữu nhãn hiệu có nghe và sử dụng liên tục nhãn hiệu đó) hoặc nghe và trả thù lao cho tác giả sáng chế, KDCN, thi t_k bố trí (chủ sở hữu sáng chế, KDCN, thi t_k bố trí có nghe và trả thù lao cho tác giả). Ngoài ra, chủ sở hữu quyền SHCN còn có nghe và nộp phí duy trì và bảo hộ vốn SHCN và nghe và này cũng chuyển giao trong việc chuyển nhượng quyền SHCN¹⁸.

Thứ ba, về cách chủ sở hữu quyền SHCN xác lập khi áp dụng quyền lợi kinh tế. Pháp luật Việt Nam có quy định về việc chuyển nhượng quyền SHCN về việc nhãn hiệu như sau: “Quy định về việc nhãn hiệu chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân áp dụng các quyền lợi về việc có quyền đăng ký nhãn hiệu”¹⁹. Điều này thể hiện bản chất khi chuyển nhượng quyền SHCN thì bên nhận quyền trở thành chủ sở hữu phải áp dụng quyền lợi kinh tế. Ngoài ra, chuyển nhượng quyền về việc nhãn hiệu không gây ra sự nhầm lẫn về tính, nguồn gốc của hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu. Áp dụng hai điều kiện trên, về cách chủ sở hữu về việc nhãn hiệu của bên nhận chuyển giao mới chính thức xác lập.

Về việc chuyển nhượng tên thương mại, quyền về việc tên thương mại chỉ chuyển nhượng cùng với việc chuyển nhượng toàn bộ các kinh doanh và hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó.

¹⁸ Trần Khánh Ly (2015), *Chuyển giao quyền sử dụng các loại sở hữu công nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam*.

¹⁹ Xem thêm điều khoản 5 điều 139 Luật SHTT

1.2.3.2. Chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp

Li-xăng (license) bắt nguồn từ tiếng Latin “Licentia”, tức là sự cho phép, sự quy định và hạn chế các sử dụng nông nghiệp trong môi trường nông nghiệp thông thường trên thị trường. Anh, M, ... c. Li-xăng chính là hành vi pháp lý giao kết hợp đồng trên cơ sở sở hữu các đất nông nghiệp SHCN hoặc các bí quyết kỹ thuật cho phép chuyển nhượng khác sử dụng quy định SHCN là sáng chế, giải pháp hữu ích, KDCN hoặc nhãn hiệu. Bản chất của hợp đồng li-xăng là sự thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ trên cơ sở tổ chức, cá nhân giữ là bên chuyển giao quyền cho phép tổ chức, cá nhân khác giữ là bên nhận chuyển giao quyền sử dụng trong phạm vi lãnh thổ nhất định và trong thời hạn nhất định các sáng chế, giải pháp hữu ích, KDCN, nhãn hiệu hàng hóa hoặc các bí quyết kỹ thuật đang được quy định hoặc sử dụng cá nhân giao. Về bản chất của SHCN cũng công nhận khái niệm li-xăng vì hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp SHCN cũng chính là hợp đồng li-xăng SHCN theo khoản 2 điều 47 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCHN²⁰.

Do tính vô hình của đất nông nghiệp SHCN nên việc chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp SHCN gặp rất nhiều khó khăn và gây khó khăn cho các quan nhà nước trong việc quản lý chuyển nhượng quyền sử dụng. Mặt khác, hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp SHCN dễ xảy ra tranh chấp vì vậy hình thức của chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp SHCN phải có lập thành văn bản, tạo ra các pháp lý vững chắc.

Việc chuyển giao quyền SHCN có thể thực hiện thông qua các hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp SHCN khác nhau. Nhìn nhận khái quát nhất về các dạng hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng sẽ tìm hiểu cách phân loại các loại hình hợp đồng li-xăng.

Thứ nhất, các văn bản vào phạm vi quyền cá nhân chuyển giao bao gồm hợp đồng quy định và hợp đồng không quy định.

Hợp đồng sử dụng quy định là hợp đồng mà theo đó trong phạm vi và thời hạn chuyển giao, bên chuyển giao quyền sử dụng quy định các quy định đất nông nghiệp

²⁰ Xem thêm tại Thông tư số 01/2007/TT-BKHCHN ngày 14/2/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về SHCN.

SHCN. Trong thị trường hối đoái, bên chuyển quyền không có ký kết các hợp đồng sđng i t ng SHCN với bất kỳ bên thứ ba nào và chỉ có sđng i t ng SHCN ón u c phép c a bên c chuyển quyền. Như vậy, i v i h p ng c quy n, ch duy nh t bên c chuyển quyền sđng i t ng SHCN trong thị trường hối đoái hợp tác giữa các bên có thể nhận khác. Bên c chuyển giao c ng có thể chuyển quyền sđng i t ng SHCN cho chủ thể khác trong thị trường hối đoái hợp tác nếu không c nh o t chuyển nhượng s h u cho chủ thể khác.

Hợp đồng không c quy n là đ ng h p ng mà theo ó bên chuyển quyền v a chuyển quyền sđng i t ng SHCN cho bên c chuyển quyền trong phạm vi và thời gian chuyển giao; đ ng th i v n có quyền sđng i t ng SHCN ó và còn có thể chuyển quyền sđng i t ng SHCN cho bên thứ ba trong thị trường hối đoái hợp tác. Trong trường hợp này, nếu chủ thể cùng khai thác, sđng i t ng SHCN theo phạm vi, m c và cho nh ng m c ích khác nhau mà không làm nh h ng n l i ích c a các chủ thể khác.

Thứ hai, c n c vào chủ thể là bên chuyển quyền trong hợp đồng, có hợp đồng c b n và hợp đồng th c p không c b n.

Hợp đồng c b n là đ ng h p ng trong ó bên chuyển quyền chính là chủ s h u i t ng SHCN. C n c chuyển quyền sđng i t ng trong hợp đồng là quyền SHCN c xác l p theo v n b ng b o h ho c do c ng i khác chuyển quyền s h u i t ng SHCN h p pháp.

Hợp đồng th c p không c b n là đ ng h p ng trong ó bên chuyển quyền sđng i t ng không phải là chủ s h u i t ng SHCN mà là người c chuyển giao quyền sđng i t ng c quy n theo m t h p ng khác và c phép chuyển quyền sđng i t ng cho bên thứ ba. Hợp đồng sđng i t ng SHCN th c p luôn là hợp đồng có tính chất phái sinh, nó chỉ phát sinh sau khi m t h p ng sđng i t ng c quy n i t ng SHCN c giao kết và có giá trị pháp lý. C n c chuyển quyền sđng i t ng là hợp đồng sđng i t ng c quy n ã c giao kết với chủ s h u i t ng

SHCN²¹.

Thứ ba, cần vào ý chí của bên chuyển quyền thì có hai dạng hợp đồng là li-xingt nguy n và li-xingt b t bu c.

Li-xingt nguy n là li-xingt c p theo th a thu n gi a bên chuyển quyền và bên c chuyển quyền s d ng i t ng SHCN. Ý chí của các bên tham gia hợp đồng là quan trọng nhất, quyết định nội dung hợp đồng. Các bên do th a thu n v s l ng, n i dung, ph m vi chuyển quyền s d ng i t ng SHCN mi n là th a thu n này không vi phạm i u c m c a pháp luật.

Li-xingt b t bu c là li-xingt c p theo quy t nh c a c quan nhà n c có th m quyền trong m t s tr ng h p nh t nh mà không c n có s ng ý c a ch s h u i t ng SHCN.

Tùy thuộc vào mục đích thực tế đặt ra trong hợp đồng mà các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng li-xingt l a ch n nh ng lo i h p ng phù h p. M i lo i h p ng u có nh ng u và nh c i m nh t nh mà các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng c n hi u rõ các y u t c a h p ng cân b ng l i ích c a các bên tham gia.

Chuyển quyền s d ng i t ng SHCN có những nét c tr ng và h u qu pháp lý riêng biệt so v i hình th c chuyển nhượng quyền SHCN, các c tr ng nói trên bi u hi n đ i các y u t sau:

Cần vào t cách chủ thể, i v i chuyển nhượng quyền SHCN, toàn b quyền c a ch s h u s c chuyển giao, t cách ch s h u s thay i. ó là quyền ng n c m ng i khác s d ng i t ng SHCN, quyền s d ng và quyền nh o t i t ng SHCN. Trong khi ó chuyển quyền s d ng i t ng SHCN không làm m t i các quyền c a ch s h u i t ng SHCN mà ch s h u quyền SHCN ch cho phép bên nh n chuyển giao s d ng c th c hi n nh ng hành vi s d ng i t ng SHCN theo quy nh pháp luật. Vì c bên c chuyển quyền s d ng th c hi n

²¹ Trần Ngọc Bích (2008), *Giáo trình Luật sư h u trí tu Vi t Nam*, Nxb Công an nhân dân, trang 199.

các hành vi s d ng i t ng SHCN không làm nh h ng n quy n s h u c a ch s h u i t ng SHCN.

C n c vào ngh a v c a ch th . N u nh khi chuy n nh ng quy n SHCN toàn b ngh a v c a ch s h u i v i i t ng SHCN c ng c chuy n giao cho ch s h u m i. Ngoài ra, ch s h u quy n SHCN còn có ngh a v n p l phí duy trì v n b ng b o h i t ng SHCN và ngh a v này c ng c chuy n giao trong vi c chuy n nh ng quy n SHCN. Còn i v i chuy n quy n s d ng i t ng SHCN thì ch s h u v n ph i th c hi n nh ng ngh a v ó và ph i duy trì hi u l c v n b ng b o h (trong tr ng h p chuy n giao sáng ch) và n u gia h n thì ch s h u i t ng SHCN s ph i là ng i gia h n ch không ph i là ng i c chuy n giao quy n s d ng. Trong tr ng h p chuy n giao c quy n s d ng i v i sáng ch thì ngh a v s d ng sáng ch c chuy n giao cho bên nh n c quy n s d ng.

C n c vào i u ki n chuy n giao. Hình th c chuy n giao quy n s d ng i t ng SHCN ít yêu c u h n. N u nh pháp lu t Vi t Nam có quy nh i v i tr ng h p chuy n nh ng quy n SHCN i v i nhãn hi u nh sau: “*Quy n i v i nhãn hi u ch c chuy n nh ng cho các t ch c, cá nhân áp ng các i u ki n i v i ng i có quy n ng ký nhãn hi u ó*” thì i v i hình th c chuy n quy n s d ng không có quy nh yêu c u nh trên. m b o yêu c u v hình th c, m b o khai thác nhãn hi u pháp lu t quy nh: “*Bên c chuy n quy n s d ng nhãn hi u có ngh a v ghi ch d n trên hàng hoá, bao bì hàng hoá v vi c hàng hoá ó c s n xu t theo h p ng s d ng nhãn hi u*”²².

²² Xem thêm t i kho n 4 i u 152 Lu t SHTT

TIÊU CHUẨN 1

SHCN của các nước phát triển công nghệ và phát triển bền vững, nhiệm vụ của chúng ta là tiếp thu và áp dụng SHCN một cách có chọn lọc, phù hợp với điều kiện và năng lực của Việt Nam. Trong đó, chuyển giao quy trình SHCN là một cách thức khai thác hiệu quả các SHCN. Chuyển giao quy trình công nghệ là một yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh kinh tế, khuyến khích và phát triển doanh nghiệp trên thị trường. Trong chương trình này, tác giả đã giới thiệu quy trình các vấn đề sau:

1. Chuyển giao quy trình SHCN là là việc chuyển giao quy trình SHCN chuyển giao quy trình của mình cho tổ chức, cá nhân khác hoặc cho phép tổ chức, cá nhân sử dụng SHCN thu được phí vì quyền sử dụng của mình;

2. SHCN của hoạt động chuyển giao quy trình SHCN chỉ có thể là quy trình hữu ích về sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, tên thương mại và BMD. Quy trình của SHCN bao gồm các quy trình: sử dụng, cho phép người khác sử dụng SHCN; nhượng quyền SHCN khác sử dụng SHCN; nhượng quyền SHCN;

3. Giá trị quy trình SHCN là hoạt động cần thiết trong chuyển giao quy trình SHCN, gồm có 3 phương pháp định giá là: Phương pháp tiếp cận chi phí, phương pháp tiếp cận thu nhập và phương pháp tiếp cận thị trường;

4. Chuyển giao quy trình SHCN bao gồm hai hình thức: chuyển nhượng quy trình SHCN và chuyển quyền sử dụng quy trình SHCN.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHỆ P

2.1. Quy định pháp luật về chuyển giao quyền sở hữu công nghệ p

Như đã trình bày, chuyển giao quyền SHCN bao gồm hai hình thức: chuyển nhượng quyền SHCN và chuyển quyền sáng tạo quyền SHCN. Trong mục này, tác giả luận văn trình bày quy định pháp luật về chuyển giao quyền SHCN theo bố cục trên:

2.1.1. Quy định pháp luật về chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ p

Chuyển nhượng quyền SHCN theo pháp luật quốc tế có nhiều quy định khác nhau. Công ước Paris về bảo hộ SHCN 1883, sau nhiều lần và lần gần đây nhất là tại Stockholm vào năm 1967, từng sửa đổi năm 1979 là văn bản ưu tiên có phần hình thức này.

Điều 6 quater của Công ước Paris có phần về chuyển nhượng nhãn hiệu. Mục đích của quy định về chuyển nhượng nhãn hiệu không chỉ chuyển giao toàn bộ hoạt động kinh doanh nghiệp sở hữu nhãn hiệu đó song còn có mục đích khác là công nhận giá trị pháp lý của việc chuyển nhượng phần thu vào việc chuyển giao toàn bộ hoạt động kinh doanh nghiệp. Trong trường hợp luật pháp quốc gia có quy định về chuyển nhượng nhãn hiệu phần thu vào chuyển giao toàn bộ doanh nghiệp thì công ước công nhận giá trị pháp lý của việc chuyển nhượng này khi chuyển giao nhãn hiệu cùng với chuyển toàn bộ doanh nghiệp.

Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa quy định về việc chuyển giao nhãn hiệu quốc tế, kết quả thay đổi theo cách sử dụng điều 9bis. Điều 9ter của thỏa ước quy định về chuyển giao nhãn hiệu đăng ký quốc tế về lĩnh vực thương mại hàng hóa, dịch vụ hoặc tổ chức thành viên của tổ chức.

Điều 12 của thỏa ước La Hay về đăng ký quốc tế KDCN quy định về việc ghi nhãn và công bố các thay đổi về quyền sở hữu KDCN đăng ký quốc tế theo quy định. Việc ghi nhãn và công bố các thay đổi về quyền sở hữu KDCN đăng ký quốc tế theo quy định do Văn phòng quốc tế thực hiện. Việc chuyển nhượng

quy n s h u KDCN theo ng ký qu c t ch c th c hi n khi KDCN ã c ng ký qu c t t i m t h o c h m t s qu c gia là thành viên th a c Lahay.

i v i chuy n nh ng quy n s h u nhân hi u Hi p nh TRIPS quy nh ch s h u nhân hi u có quy n t quy t xem vi c chuy n nh ng nhân hi u có hay không chuy n nh ng c s kinh doanh.

Là thành viên c a các Công c, hi p nh, th a c trên, pháp lu t Vi t Nam c ng có nhi u quy nh t ng ng. Trong ph m vi nghiên c u c a lu n v n, tác gi s i sâu tìm hi u quy nh pháp lu t v chuy n nh ng quy n SHCN.

2.1.1.1. H p ng chuy n nh ng quy n s h u công nghi p

H p ng chuy n nh ng quy n SHCN là s th a thu n gi a các bên d i hình th c h p ng b ng v n b n, theo ó, ch s h u quy n SHCN chuy n giao quy n s h u c a mình cho cá nhân, t ch c khác. Khi phân tích v h p ng chuy n nh ng quy n SHCN c n chú ý các n i dung sau:

a. V ch th h p ng chuy n nh ng quy n s h u công nghi p

Ch th c a h p ng chuy n nh ng quy n SHCN bao g m các bên sau:

Th nh t, bên chuy n giao quy n SHCN là ch s h u i t ng SHCN, cá nhân, t ch c c c quan nhà n c có th m quy n c p v n b ng b o h i v i i t ng SHCN (v n b ng b o h v n còn hi u l c) và có nh c u khai thác i t ng SHCN thông qua hình th c chuy n nh ng. Ví d ch s h u sáng ch , KDCN có quy n chuy n giao quy n s h u sáng ch , KDCN cho ng i khác. Trong tr ng h p i t ng quy n SHCN c b o h t ng nh BMKD, nhân hi u n i ti ng, ... thì ch s h u ch c n nêu ra mình là ch s h u quy n SHCN. Khi có tranh ch p, ch s h u quy n SHCN các i t ng SHCN c b o h t ng này m i c n ph i ch ng minh c n c xác l p.

Th hai, bên nh n chuy n giao quy n SHCN. Bên nh n chuy n giao quy n là t ch c, cá nhân có nhu c u s d ng, khai thác các i t ng SHCN. Thông qua h p ng chuy n nh ng quy n SHCN, bên nh n chuy n nh ng tr thành ch s h u i v i i t ng SHCN có y các quy n s d ng, khai thác và nh o t các i t ng SHCN trong ph m vi b o h ng th i có ngh a v tr phí chuy n giao cho bên

chuyển giao.

Điều kiện hình thức chuyển nhượng quyền SHCN tùy thuộc vào các điều kiện cụ thể mà pháp luật quy định các điều kiện trở thành chủ sở hữu điều kiện công nghiệp. Các điều kiện SHCN là sáng chế, giải pháp hữu ích, thi t kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, BMD thì luật SHTT không quy định các điều kiện về bên nhận chuyển nhượng. Điều kiện SHCN là tên thương mại, nhãn hiệu thì luật SHTT quy định các điều kiện về chuyển giao. Tên thương mại chỉ có chuyển nhượng cùng với việc chuyển nhượng toàn bộ cơ sở kinh doanh và hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó. Nhãn hiệu chỉ có chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện về việc có quyền đăng ký nhãn hiệu đó và không gây ra nhầm lẫn về tính, nguồn gốc của hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu. Các biện pháp về việc chi trả lệ phí không được phép chuyển giao.

b. Về việc đăng ký chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Điều kiện của hợp đồng chuyển nhượng quyền SHCN chính là điều kiện SHCN đó. Tuy nhiên, quyền sở hữu chi trả lệ phí không thể trở thành điều kiện của hợp đồng chuyển nhượng quyền SHCN. Chi trả lệ phí là tài sản công thu của chủ sở hữu nhà nước, Nhà nước trao quyền sử dụng chi trả lệ phí cho tổ chức, cá nhân tiến hành việc sản xuất sản phẩm mang chi trả lệ phí để phân phối và sản phẩm đó ra thị trường. Nhà nước trực tiếp thực hiện quy định quản lý chi trả lệ phí hoặc trao quyền quản lý chi trả lệ phí cho tổ chức đi đăng ký quyền lợi của tất cả các tổ chức, cá nhân về trao quyền sử dụng chi trả lệ phí. Khoản 2 điều 139 Luật SHTT quy định quyền về việc chi trả lệ phí không được chuyển nhượng.

Như vậy, điều kiện của hợp đồng chuyển nhượng quyền SHCN chỉ có thể là quyền sở hữu về sáng chế, KDCN, thi t kế bố trí, nhãn hiệu, tên thương mại và BMD. Quyền sở hữu các điều kiện SHCN bao gồm các quy định: sử dụng, cho phép người khác sử dụng điều kiện SHCN; đăng ký khác sử dụng điều kiện sở hữu công nghiệp; hoặc điều kiện SHCN.

c. Về nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Điều kiện pháp lý xác lập đòi hỏi phải có ít nhất hai bên tham gia thỏa

thuần vụ lẫn nhau. Hợp đồng chuyển nhượng quyền SHCN phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật SHTT như sau:

- + Tên, địa chỉ và địa điểm chuyển nhượng và bên chuyển nhượng;
- + Căn cứ chuyển nhượng;
- + Giá chuyển nhượng;
- + Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng và bên tiếp nhận chuyển nhượng.

Trong nội dung các Bên ký kết hợp đồng phải nêu rõ tên và địa chỉ của Bên giao và Bên nhận, tên và chức vụ của người đại diện của Bên (nếu có).

Trong nội dung căn cứ chuyển nhượng phải ghi rõ nội dung cách thức sử dụng đất SHCN của bên giao. Hợp đồng cần xác định rõ tên, số, ngày cấp và thời hạn bảo hộ của văn bản bảo hộ thực quyền sử dụng đất của bên giao. Trong trường hợp đất SHCN thuộc bảo hộ thì bên chuyển nhượng cần nêu ra mình là chủ sử dụng đất SHCN, nếu có tranh chấp phát sinh nghĩa vụ chứng minh thực quyền bên giao.

Trong nội dung giá chuyển nhượng phải quy định khoản tiền mà Bên nhận phải thanh toán cho Bên giao trở thành chủ sử dụng đất SHCN theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong nội dung quyền và nghĩa vụ của bên. Các bên có quyền thỏa thuận các quyền và nghĩa vụ của bên liên quan lẫn nhau và nếu có điều kiện không trái với quy định pháp luật.

2.1.1.2. Hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng công nghiệp

Ngoài nội dung hình thức và nội dung, nội dung trong nội dung điều kiện chuyển nhượng quyền SHCN có hiệu lực là hợp đồng giao kết phải ghi rõ vị trí quan nhà nước có thẩm quyền. Hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền SHCN gồm 01 bộ tài liệu sau đây:

- + 02 bản Tờ khai ký hợp đồng chuyển nhượng quyền SHCN, làm theo mẫu
- + 01 bản hợp đồng (bản gốc hoặc bản sao công chứng theo quy định); nếu hợp đồng làm bằng ngôn ngữ khác thì phải kèm theo bản dịch hợp

ng ra tỉ lệ Vĩt; h p ng có nhi u trang thì t ng trang ph i có ch ký xác nh n c a các bên ho c óng d u giáp lai;

+ B n g c v n b ng b o h ;

+ V n b n ng ý c a các ng ch s h u v vi c chuy n nh ng quy n SHCN, n u quy n SHCN t ng ng thu c s h u chung;

+ Gi y y quy n (n u n p h s thông qua i di n);

+ B n sao ch ng t n p phí, l phí (tr ng h p n p phí, l phí qua d ch v b u chính ho c n p tr c ti p vào tài kho n c a C c SHTT);

+ i v i h s ng ký h p ng chuy n nh ng nhữn hi u t p th , nhữn hi u ch ng nh n, ngoài các tài li u nêu trên, c n có thêm các tài li u sau ây:

(i) Quy ch s d ng nhữn hi u t p th , quy ch s d ng nhữn hi u ch ng nh n c a Bên nh n chuy n nh ng theo quy nh;

(ii) Tài li u ch ng minh quy n n p n c a bên nh n chuy n nh ng i v i nhữn hi u ch ng nh n, nhữn hi u t p th theo quy nh.

Trong tr ng h p này, C c SHTT th m nh l i yêu c u v quy n n p n và quy ch s d ng nhữn hi u. Ng i n p n p h i n p phí th m nh n ngoài các kho n phí, l phí i v i h s ng ký h p ng chuy n nh ng quy n SHCN theo quy nh.

Trong tr ng h p h s ng ký h p ng chuy n giao quy n SHCN không có các thi u sót, C c SHTT ra quy t nh ghi nh n chuy n nh ng quy n SHCN vào S ng ký qu c gia v chuy n giao quy n SHCN; Công b quy t nh ghi nh n chuy n nh ng quy n SHCN và quy t nh c p Gi y ch ng nh n ng ký h p ng chuy n quy n s d ng i t ng SHCN trên Công báo SHCN trong th i h n 02 tháng k t ngày ký quy t nh.

2.1.2. Quy nh pháp lu t v chuy n quy n s d ng quy n s h u công nghi p

2.1.2.1. H p ng chuy n quy n s d ng quy n s h u công nghi p

H p ng quy n s d ng quy n SHCN là s th a thu n gi a các bên d i hình th c h p ng b ng v n b n, theo ó ch s h u i t ng SHCN (bên chuy n

quy n) cho phép t ch c, cá nhân khác (bên c chuy n quy n) s d ng i t ng SHCN thu c ph m vi quy n s d ng c a mình.

a. V ch th c a h p ng chuy n quy n s d ng

Ch th c a h p ng chuy n quy n s d ng i t ng SHCN g m các bên:

Th nh t, Bên chuy n quy n s d ng là cá nhân, t ch c có quy n s d ng i t ng SHCN và có nhu c u khai thác i t ng SHCN thông qua hình th c chuy n quy n s d ng i t ng SHCN. Bên chuy n quy n có th là:

Ch s h u quy n SHCN là ng i c c quan nhà n c có th m quy n c p v n b ng b o h i v i các i t ng SHCN (v n b ng b o h v n còn hi u l c) ho c ng i c xác l p quy n i v i các i t ng SHCN theo c ch b o h t ng. T ng t hình th c chuy n nh ng quy n SHCN, ch s h u i t ng SHCN có quy n chuy n quy n s d ng cho ng i khác c n c ch ng minh thông qua v n b ng b o h . Trong tr ng h p i t ng quy n SHCN c b o h t ng nh BMKD, nhân hi u n i t ng, ... thì ch s h u ch c n nêu ra mình là ch s h u quy n SHCN. Khi có tranh ch p, ch s h u quy n SHCN các i t ng SHCN c b o h t ng này m i c n ph i ch ng minh c n c xác l p.

Ng i c ch s h u chuy n quy n s d ng i t ng SHCN và c phép cho bên th ba theo h p ng li- x ng th c p. Trong tr ng h p này, n u h p ng chuy n quy n s c p trao quy n s d ng c quy n cho bên c chuy n quy n, thì ng i có c quy n s d ng i t ng SHCN có nh ng c quy n gi ng nh ch s h u i t ng SHCN, tr quy n nh oat i t ng SHCN.

Thông th ng ng i n m c quy n s d ng i t ng SHCN có quy n chuy n quy n s d ng i t ng cho ng i khác, tr tr ng h p pháp lu t quy nh không c chuy n giao. Ví d , i t ng SHCN là bí m t qu c gia, ...

Th hai, Bên c chuy n quy n s d ng. Bên c chuy n quy n s d ng là cá nhân, t ch c có nhu c u s d ng, khai thác các i t ng SHCN. Thông qua h p ng chuy n quy n s d ng i t ng SHCN, bên nh n chuy n quy n s d ng c phép khai thác các i t ng trong ph m vi, th i h n mà các bên th a thu n, ng th i có ngh a v tr phí cho bên chuy n quy n theo th a thu n. i v i các

ít ếng SHCN là các gì ếp pháp k thu t nh sáng ch , KDCN, thi t k b trí và BMKD thì pháp lu t Vi t Nam không có nh ng quy nh i v i bên c chuy n quy n. Vì v y có ngh a r ng b t k cá nhân, t ch c nào có nhu c u s d ng, khai thác nh ng ít ếng SHCN này u có th th a thu n v i bên chuy n quy n s d ng c c p quy n s d ng ít ếng SHCN thông qua h p ng li- x ng. Tuy nhiên, i v i ít ếng SHCN là các ch d n th ng m i nh nh h i u thì pháp lu t Vi t Nam c ng nh pháp lu t qu c t u có quy nh v i u ki n tr thành ch th có th tr thành bên c chuy n quy n s d ng trong h p ng li- x ng ít ếng SHCN. Bên c chuy n quy n s d ng nh h i u ph i có ngh a v ghi ch d n trên hàng hóa, bao bì hàng hóa v v i c hàng hóa ó c s n xu t theo h p ng s d ng nh h i u²³.

Các bên trong h p ng này có th y quy n cho các t ch c i di n SHCN thay m t mình tham gia giao k t và th c hi n các th t c liên quan n v i c ng ký h p ng chuy n quy n s d ng ít ếng SHCN. T ch c i di n SHCN là bên th ba i di n cho bên chuy n quy n h o c bên c chuy n quy n khi giao k t h p ng. Bên chuy n quy n h o c bên c chuy n quy n n u y quy n cho các t ch c i di n SHCN giao k t và ng kí h p ng có ngh a v tr thù lao cho t ch c này và h p ng có s tham gia c a bên th ba ph i c ng ký v i c quan nh n c có th m quy n.

b. V i t ếng c a h p ng chuy n quy n s d ng

ít ếng c a h p ng chuy n quy n s d ng ít ếng SHCN chính là quy n s d ng ít ếng SHCN mà không ph i chính là quy n SHCN ó nh hình th c chuy n nh ng. T ng t nh hình th c chuy n nh ng, quy n s d ng ch d n a lý không th tr thành ít ếng c a h p ng chuy n quy n s d ng ít ếng SHCN. Do ch d n a lý là tài s n công thu c s h u nh n c, nh n c trao quy n s d ng ch d n a lý cho t ch c, cá nhân t i n hành v i c s n xu t s n ph m mang ch d n a lý t i a ph ng t ng ng và a s n ph m ó ra th tr ng. Ngoài ra i v i hình th c chuy n quy n s d ng, tên th ng m i c ng

²³ Xem thêm t i i u 142 Lu t SHTT

không trở thành đối tượng của hợp đồng chuyển nhượng. Vì vì tên thương mại thương hiệu sử dụng để xưng danh, thể hiện quyền sở hữu trong các giấy tờ, giao dịch, biên bản, sổ nhập, ... của mình trong lĩnh vực kinh doanh mà không chuyển giao cho chủ thể khác. Mọi hành vi sử dụng dấu hiệu trùng hoặc tương tự với tên thương mại đã sử dụng trước gây nhầm lẫn về chất sản xuất, kinh doanh đều coi là xâm phạm quyền vì vì tên thương mại.

Tóm lại, các đối tượng của hợp đồng chuyển nhượng có thể là quyền sử dụng vì vì sáng chế, KDCN, thi công bố trí, nhãn hiệu (trên nhãn hiệu tự do không thể chuyển giao cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tập thể chủ sở hữu nhãn hiệu) và BMDK.

Thứ nhất, quyền sử dụng vì vì sáng chế. Sáng chế là giải pháp kỹ thuật áp dụng trong kỹ thuật và các quan hệ nhân có thể quy định về bản quyền cho chủ sở hữu sáng chế. Mọi sáng chế được bảo hộ quyền SHCN đều áp dụng các tiêu chí về tính mới, trình độ sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghệ.

Sáng chế phát triển từ lĩnh vực trong các ngành công nghiệp trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, ... và đem lại lợi ích thiết thực cho cuộc sống. Vì vậy hợp đồng chuyển nhượng vì vì sáng chế là hợp đồng phải bị hạn chế trong các đối tượng của hợp đồng chuyển nhượng vì vì sáng chế SHCN. Khoản 1 điều 124 Luật SHTT quy định về các hành vi sử dụng sáng chế như sau:

- Sản xuất sản phẩm được bảo hộ;
- Áp dụng quy trình được bảo hộ;
- Khai thác công dụng của sản phẩm được bảo hộ hoặc sản phẩm sản xuất theo quy trình được bảo hộ;
- Lưu thông, quảng cáo, chào hàng, tặng thưởng lưu thông sản phẩm;
- Nhập khẩu các sản phẩm được bảo hộ hoặc sản phẩm sản xuất theo quy trình được bảo hộ.

Chủ sở hữu quyền SHCN vì vì sáng chế có các quyền thể hiện như

hành vi nêu trên cho vi c s d ng sáng ch c a mình. Chuy n quy n s d ng i v i sáng ch là vi c ch s h u sáng ch ho c ng i c ch s h u chuy n quy n s d ng sáng ch và cho phép chuy n quy n s d ng cho bên th ba cho phép các t ch c, cá nhân khác th c hi n nh ng hành vi trên.

Theo c i m chung c a quy n SHCN ã trình bày t i Ch 1, thì quy n s d ng sáng ch c gi i h n trong ph m vi v th i gian và không gian c b o h . Gi i h n v không gian b o h c a sáng ch c ng nh i v i các i t ng SHCN khác là trong lãnh th Vi t Nam. Gi i h n v th i gian b o h i v i sáng ch là 20 n m k t ngày n p n. Vì v y vi c chuy n quy n s d ng sáng ch ch c th c hi n trong ph m vi không gian và th i gian nói trên.

Th hai, quy n s d ng KDCN. KDCN là hình dáng bên ngoài c a s n ph m c th hi n b ng hình kh i, ng nét, màu s c ho c s k th p c a nh ng y u t này. B o h quy n SHCN i v i KDCN c n áp ng i u ki n v tính m i, tính sáng t o và kh n ng áp d ng công nghi p.

KDCN có ch c n ng th m m , h p d n th hi u ng i tiêu dùng b ng tính c áo, v p, s b t m t,.. và KDCN mang ch c n ng nh t nh i v i s n ph m mang KDCN. Thi t k KDCN c a v chai n c Lavie có m t i m nh n ó là các ng vi n nh trên chai. Chi ti t này không nh ng t o ra s c h p d n ng i tiêu dùng v m t th m m c a chai n c Lavie mà còn có ch c n ng giúp ng i c m, n m chai n c này d dàng h n, khó b tr n tu t. KDCN liên quan n r t nhi u lo i s n ph m công nghi p, th i trang và th công, t các thi t b y t , k thu t n ng h , trang s c,.. Các s n ph m c a ra th tr ng mang KDCN giúp các doanh nghi p tiêu th s n ph m nhi u h n b i ch c n ng c a nó²⁴.

i v i KDCN, vi c chuy n quy n s d ng c th c hi n thông qua vi c bên chuy n quy n cho phép bên c chuy n quy n th c hi n các hành vi theo quy nh t i kho n 2, i u 124 Lu t SHTT nh sau:

- S n xu t s n ph m có hình dáng bên ngoài là KDCN c b o h ;
- Lu thông, qu ng cáo, chào hàng, tàng tr l u thông s n ph m có hình

²⁴Tr n Khánh Ly (2015), Chuy n giao quy n s d ng các i t ng s h u công nghi p theo quy nh pháp lu t Vi t Nam.

dáng bên ngoài là KDCN c b o h ;

- Nh p kh u s n ph m có hình dáng bên ngoài là KDCN c b o h .

Ch s h u quy n SHCN i v i KDCN có c quy n s d ng và chuy n quy n s d ng KDCN theo các hành vi c th nêu trên. Ch s h u KDCN c ng có quy n cho phép ng i khác chuy n quy n s d ng KDCN theo h p ng li- x ng th c p.

Ch th có quy n chuy n quy n s d ng i v i KDCN có th chuy n giao nh ng hành vi nêu trên trong ph m vi b o h c a v n b ng b o h KDCN. Không gian b o h KDCN c ng c gi i h n trong lãnh th V i t Nam nh các i t ng SHCN khác. Gi i h n v th i gian b o h i v i KDCN là 5 n m k t ngày n p n và có th gia h n hai l n liên ti p, m i l n 5 n m.

Th ba, quy n s d ng i v i thi t k b trí. Thi t k b trí là c u trúc không gian c a các ph n t m ch và m i liên k t các ph n t ó trong m ch tích h p bán d n. Thi t k b trí c b o h quy n SHCN n u áp ng hai i u ki n v tính nguyên g c và tính th ng m i. Ngày nay, thi t k b trí tr nên ph bi n trong cu c s ng, là nguyên lý u s n xu t các m ch, các công c máy móc. Vi c cho phép ng i khác s d ng thi t k b trí m ch c a ch s h u thông qua h p ng li-x ng s em l i cho công vi c kinh doanh c a ch s h u thêm doanh thu là m t cách ph bi n c a các công ty khai thác c quy n thi t k b trí.

Theo quy nh c a pháp lu t V i t Nam, ch s h u quy n SHCN i v i thi t k b trí có c quy n cho phép cá nhân t ch c khác s d ng thi t k b trí d i nh ng hành vi c th. Theo kho n 3 i u 124 Lu t SHTT, s d ng thi t k b trí là th c hi n các hành vi sau:

- Sao chép thi t k b trí; s n xu t m ch tích h p bán d n theo thi t k b trí c b o h ;

- Bán, cho thuê, qu ng cáo, chào hàng ho c tàng tr các b n sao thi t k b trí, m ch tích h p bán d n s n xu t theo thi t k b trí ho c hàng hoá ch a m ch tích h p bán d n s n xu t theo thi t k b trí c b o h ;

- Nh p kh u b n sao thi t k b trí, m ch tích h p bán d n s n xu t theo thi t

kiểu bố trí hoặc hàng hoá chưa tích hợp bán dần sản xuất theo thị trường bố trí
cboh.

Trong tình hình sáng chế và KDCN, việc chuyển quyền sở hữu đối với thị trường
bố trí công nghệ cho các hộ trên lãnh thổ nội phát sinh quyền SHCN đối với
thị trường bố trí. Theo pháp luật Việt Nam thì hoạt động này cho các hộ trên
lãnh thổ Việt Nam. Về hình thức chuyển quyền sở hữu thị trường bố trí công nghệ
thúc vào thì hình thức agency công nhận ký kết tích hợp bán dần.

Thứ nhất, quyền sở hữu nhãn hiệu. Về việc chuyển quyền sở hữu nhãn hiệu,
bên chuyển quyền sở hữu có một số lợi ích như sau: mở rộng các thị trường tiêu thụ
các sản phẩm, dịch vụ của mình mà không phải tốn nhiều công sức đầu tư xây dựng
mạng lưới chi nhánh, văn phòng đi đến tận nơi người tiêu dùng; tăng doanh thu cho bên
chuyển giao; nhãn hiệu có quy mô bán hàng rộng và các nhu cầu tiêu dùng
bất ổn,... Bên chuyển quyền sở hữu sẽ có những lợi ích rất lớn về việc các sản
phẩm của mình được phép gắn nhãn hiệu của các nhu cầu tiêu dùng bất ổn.

Chức vụ nhãn hiệu có các quyền sở hữu và chuyển quyền sở hữu nhãn
hiệu dưới các hành vi sau²⁵:

- Gắn nhãn hiệu vào bao bì, lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phần tín hiệu
kinh doanh, phần tín hiệu dịch vụ, giấy tờ giao dịch trong hoạt động kinh doanh;
- Lưu thông, chào bán, quảng cáo bán, tàng trữ bán hàng hoá mang
nhãn hiệu cboh;
- Nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu cboh.

Công nhận các thị trường quyền SHCN khác thì quyền sở hữu nhãn hiệu
có ghi rõ trong phạm vi về thời gian và không gian cboh. Không gian
bỏ qua của nhãn hiệu là trong lãnh thổ Việt Nam. Ghi rõ về thời gian bỏ qua
đối với nhãn hiệu là 10 năm kể từ ngày nộp đơn, có thể gia hạn nhiều lần liên tiếp, mỗi
lần 10 năm.

Trong hình thức quyền sở hữu nhãn hiệu, pháp luật Việt Nam có quy định về hình
thức việc chuyển quyền sở hữu nhãn hiệu như sau:

²⁵ Xem thêm điều khoản 5 của Điều 124 Luật SHTT

- Quy định nhận hối phiếu không chuyển giao cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của chủ sở hữu hối phiếu đó.

- Bên chuyển quy định nhận hối phiếu có nghĩa vụ ghi chép trên hàng hoá, bao bì hàng hoá và vé hàng hoá đó sản xuất theo hình thức quy định nhận hối phiếu.

Thứ năm, quy định BMKD. BMKD là thông tin thu nhập hoạt động tài chính trí tuệ, chia sẻ lợi nhuận và có khả năng sinh lợi trong kinh doanh. Pháp luật nước ta hiện nay thể hiện nội dung quy định SHCN về BMKD như áp dụng cụ thể sau:

- Không phải là hối phiếu thông thường và không đăng ký;

- Khi sản xuất trong kinh doanh sản xuất cho người không phải BMKD thì số vốn người không nắm giữ hoặc không sản xuất BMKD đó;

- Chủ sở hữu bỏ mặt bằng các biện pháp cần thiết BMKD đó không chia sẻ lợi nhuận và không đăng ký.

BMKD mang lợi ích tranh chấp và thu lợi nhuận nên nên thẩm quyền quản lý của BMKD trong kinh doanh thương mại, vì chủ sở hữu quy định SHCN về BMKD luôn muốn thúc đẩy hoạt động chuyển quy định BMKD. Pháp luật Việt Nam quy định về chuyển quy định về BMKD là việc chủ sở hữu quy định về BMKD cho phép tổ chức, cá nhân khác sản xuất BMKD để thực hiện các hành vi sau²⁶:

- Áp dụng BMKD sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ, thương mại hàng hoá;

- Bán, quảng cáo bán, tặng trả bán, nhượng quyền sản phẩm sản xuất do áp dụng BMKD.

Khác với các loại SHCN được bố trí trên các sản phẩm bỏ họ cá nhân có thể quy định, BMKD được bố trí trên các mặt cách hình pháp BMKD và thực hiện việc bỏ mặt BMKD đó. Theo đó, BMKD được bố trí vô thời hạn và nó kéo dài đến khi nào BMKD chia sẻ lợi nhuận ra

²⁶ Xem thêm tài khoản 4 điều 124 Luật SHTT

công chúng. Vì vậy, hợp đồng chuyển quyền sở hữu BMKD có thể chuyển quyền vô điều kiện và trong lãnh thổ Việt Nam.

c. Về nội dung của hợp đồng chuyển quyền sở hữu công nghệ:

Hợp đồng sở hữu trí tuệ SHCN phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên và địa chỉ của bên chuyển quyền và bên nhận chuyển quyền;
- Các điều kiện giao quyền sở hữu;
- Đơn giá;
- Phạm vi chuyển giao, giới hạn quyền sở hữu, giới hạn lãnh thổ;
- Thời hạn hợp đồng;
- Giá chuyển giao quyền sở hữu;
- Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển quyền và bên nhận chuyển quyền.

Điều khoản về các Bên ký kết hợp đồng phải nêu rõ tên và địa chỉ của Bên giao và Bên nhận, tên và chức vụ của người đại diện Bên (nếu có).

Điều khoản về các điều kiện chuyển quyền phải xác định rõ cách chuyển quyền sở hữu trí tuệ SHCN của bên giao. Hợp đồng cần xác định rõ tên, số, ngày cấp và thời hạn bảo hộ của văn bản bảo hộ thực quyền sở hữu của bên giao (nếu quyền SHCN liên quan đến các trí tuệ SHCN phát sinh trên các sản phẩm bảo hộ). Trong trường hợp trí tuệ SHCN có bảo hộ thời hạn thì bên chuyển quyền cần nêu rõ mình là chủ sở hữu trí tuệ SHCN, nếu có tranh chấp phát sinh, nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên giao. Nếu bên chuyển quyền là người nhận chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ SHCN thì cần phải xác định rõ cách của bên chuyển quyền bằng các thông tin: tên, ngày ký, số ngày ký và thời hạn hiệu lực của hợp đồng chuyển quyền sở hữu cấp trên mà quá quyền sở hữu trí tuệ SHCN được cấp cho bên chuyển quyền.

Điều khoản về đơn giá hợp đồng. Trong các nội dung của hợp đồng chuyển quyền sở hữu trí tuệ SHCN phải quy định rõ đơn giá hợp đồng cần số. Đó là hợp đồng li-xăng quyền hay không có quyền, hợp đồng thặng dư hay là hợp đồng chuyển giao trực tiếp giá của chủ sở hữu quyền SHCN về bên nhận chuyển giao quyền sở hữu. Các đơn giá hợp đồng chuyển quyền sở hữu trí tuệ

SHCN đã trình bày tại Công ước của Liên Hợp Quốc.

Điều khoản về phạm vi hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đất đai SHCN. Phạm vi chuyển giao quyền sử dụng đất đai SHCN bao gồm: phạm vi và giới hạn các hành vi sử dụng đất đai chuyển giao và phạm vi lãnh thổ mà người chuyển giao có quyền khai thác đất đai sử dụng chuyển giao quyền sử dụng.

Thứ nhất, giới hạn về các hành vi sử dụng đất đai chuyển giao quyền sử dụng đất đai. Giới hạn về hành vi sử dụng đất đai chủ yếu là về việc chuyển giao quyền sử dụng đất đai cho phép bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai (tức là hành vi sử dụng đất đai thu được quyền của bên giao). Bên chuyển nhượng là chủ thể pháp nhân, do vậy hợp đồng sử dụng đất đai SHCN, các chủ thể do chủ thể pháp nhân về hành vi chuyển giao quyền sử dụng đất đai. Vì vậy, khi chuyển giao quyền sử dụng đất đai SHCN, bên chuyển giao không nhất thiết phải chuyển giao toàn bộ quyền sử dụng đất đai SHCN mà có thể chuyển nhượng quyền theo thỏa thuận.

Thứ hai, phạm vi lãnh thổ mà người chuyển giao có quyền khai thác đất đai SHCN chuyển giao quyền sử dụng đất đai. Đất đai SHCN chủ yếu nằm trong lãnh thổ quốc gia nội địa SHCN phát sinh ra trong hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đất đai thì việc chuyển giao quyền sử dụng đất đai có thể thể hiện trong phạm vi hợp đồng, miễn là không vi phạm phạm vi lãnh thổ.

Điều khoản về thời hạn của hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đất đai SHCN. Các bên thỏa thuận thời hạn liên quan đến mục đích chuyển giao và việc tối đa hóa lợi ích trong thời gian sử dụng còn giá trị. Các bên phải xác định thời hạn mà bên chuyển giao quyền sử dụng đất đai SHCN theo hợp đồng. Thời hạn của hợp đồng phải tuân thủ thời hạn của đất đai SHCN hoặc nếu là hợp đồng chuyển giao thì phải tuân thủ thời hạn của hợp đồng chuyển giao chuyển giao quyền trên thực tế.

Điều khoản giá chuyển giao và phương thức thanh toán. Chuyển giao quyền sử dụng đất đai SHCN, bên nhận chuyển giao phải trả cho bên chuyển giao một khoản phí chuyển giao. Phí chuyển giao quyền sử dụng đất đai do các bên thỏa thuận trên cơ sở tính hiệu quả kinh tế mà bên chuyển giao thu được từ hoạt động khai

thác i t ng SHCN. N u các bên th a thu n chuy n quy n s d ng m i n phí thì h p ng ghi rõ bên c chuy n quy n không tr phí s d ng. xác nh m c phí chuy n quy n h p lý, các bên th ng nh giá i t ng SHCN thông qua các ph ng th c nh ti p c n d a trên chi phí, ti p c n d a trên th tr ng, ti p c n d a trên thu nh p. M c dù ã có các ph ng th c ti p c n, tuy nhiên pháp lu t SHTT ch a có quy nh c th v nh giá quy n SHCN.

i u kho n v ph ng th c thanh toán do các bên th a thu n và các bên c ng có th th a thu n v th i h n, ph ng ti n, cách th c thanh toán. Bên c chuy n quy n có th thanh toán m t l n hay nhi u l n tùy thu c vào h p ng.

i u kho n v quy n và ngh a v m i bên. Các bên có quy n th a thu n các quy n và ngh a v m i bên i v i nhau v i i u ki n không trái v i quy nh pháp lu t²⁷.

Th nh t, quy n và ngh a v bên chuy n quy n s d ng i t ng SHCN có th quy nh các n i dung c b n nh sau:

i v i quy n c a bên chuy n quy n bao g m:

- + Nh n phí chuy n quy n theo m c và cách th c do các bên th a thu n;
- + Bên chuy n quy n s d ng i t ng SHCN có quy n ki m tra ch t l ng hàng hóa ch a i t ng SHCN c a bên c chuy n quy n n m m c ích m b o hàng hóa c s n xu t có ch t l ng hàng hóa nh mình s n xu t.

i v i ngh a v c a bên chuy n quy n bao g m:

- + Ch c chuy n quy n s d ng i t ng trong ph m vi c pháp lu t b o h và trong th i gian b o h ;
- + ng ký h p ng theo th a thu n trong h p ng;
- + N p thu chuy n quy n s d ng theo pháp lu t;
- + B o m vi c chuy n quy n s d ng không gây tranh ch p v i bên th ba.

Th hai, quy n và ngh a v bên c chuy n quy n s d ng i t ng SHCN có th bao g m nh ng quy nh c b n sau:

²⁷ Nguy n Thanh Tùng (2013) *Chuy n giao quy n s d ng nhân hi u theo pháp lu t Vi t Nam. Lu n v n th c s lu th c*, Khoa Lu t, i h c Qu c gia Hà N i, trang 57.

Điều kiện quy định của bên chuyển quyền bao gồm:

- + Sản phẩm tín dụng SHCN của quy định hoặc không của quy định trong phạm vi, thời hạn và điều kiện trong hợp đồng chuyển quyền sản phẩm;
- + Chuyển giao quyền sản phẩm đã nhận từ bên chuyển quyền cho bên thứ ba của bên giao quyền sản phẩm cho phép;
- + Yêu cầu bên chuyển giao quyền sản phẩm thể hiện các biện pháp khắt khe ngăn ngừa chi phí các hành vi xâm phạm từ bên thứ ba.

Điều kiện giao dịch của bên chuyển quyền bao gồm:

- + Công ký hợp đồng của người có thẩm quyền;
- + Trách nhiệm chuyển quyền sản phẩm cho bên giao theo mức và phương thức thanh toán đã thỏa thuận;
- + Chi phí kiểm tra và chi phí đăng ký hàng hóa, dịch vụ;
- + Ghi chép trên sản phẩm, bao bì sản phẩm rõ ràng sản phẩm của sản xuất theo hợp đồng chuyển quyền sản phẩm điều kiện chuyển quyền sản phẩm nhận hiu.

Điều kiện về hiu của hợp đồng. Hiu của hợp đồng chuyển quyền sản phẩm tín dụng SHCN theo thỏa thuận của các bên tham gia hợp đồng này chỉ có giá trị pháp lý điều kiện bên thứ ba khi đã công ký tại Cục SHTT.

2.1.2.2. Điều kiện hạn chế trong chuyển quyền sản phẩm hàng hóa công nghiệp

Thứ nhất, quyền sản phẩm nhận hiu từ pháp lý không của chuyển giao cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của chủ sở hữu nhận hiu từ pháp lý.

Nhận hiu từ pháp lý là nhận hiu dùng phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhận hiu từ pháp lý với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức.

Khác với nhận hiu thông thường nhận hiu từ pháp lý thu về tất cả các thành viên của tổ chức. Hiện nay rất nhiều nhận hiu từ pháp lý của bộ hành cho các sản phẩm của địa phương như: gạo Bát Tràng, gạo Bình Dương, gạo Trà Bồng.... Việt Nam là một quốc gia có nhiều làng nghề truyền thống, nhiều sản phẩm địa phương, vì vậy, việc xây dựng nhận hiu từ pháp lý cho các làng nghề

giúp ích rất nhiều cho người dân các vùng này phát triển sản xuất, cải thiện đời sống.

Các hội viên của nhân hình xuất phát từ các phép sáng tạo và khai thác nhân hình xuất phát từ những hình ảnh không có phép chuyển nhượng quyền sáng tạo nhân hình xuất phát cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của chính hình nhân hình xuất phát đó. Khi một chủ thể mua sáng tạo nhân hình xuất phát thì phải kết nạp vào tổ chức chính hình nhân hình xuất phát đó²⁸.

Thứ hai, bên chuyển nhượng quyền sáng tạo nhân hình có nghĩa vụ ghi chép trên hàng hóa, bao bì hàng hóa và víc hàng hóa các sản phẩm theo hình ảnh sáng tạo nhân hình.

Mục đích của quy định là bên chuyển nhượng quyền sáng tạo nhân hình phải ghi chép trên hàng hóa và bao bì hàng hóa và víc hàng hóa các sản phẩm theo hình ảnh sáng tạo nhân hình là nhằm tránh sự nhầm lẫn giữa nhãn hàng hóa do bên chuyển nhượng quyền sáng tạo sáng tạo SHCN sản xuất với nhãn hàng hóa do bên chuyển nhượng quyền sáng tạo sáng tạo của chủ thể công nghiệp sản xuất. Khi có bất kỳ khi nào vì chủ thể nhãn hàng hóa có thể dễ dàng truy nguồn trách nhiệm.

Ví dụ ghi chép trên hàng hóa, bao bì hàng hóa và víc hàng hóa đó các sản phẩm theo hình ảnh sáng tạo nhân hình của nhãn hàng hóa có thể bị nhầm lẫn cho những người tiêu dùng đang tin tưởng vào nhân hình đó, thậm chí có thể nhầm lẫn nhãn hàng hóa của bên chuyển nhượng quyền sáng tạo sáng tạo của chủ thể công nghiệp sản xuất của bên chuyển nhượng quyền sáng tạo sáng tạo SHCN.

Thứ ba, trong trường hợp quy định sáng tạo theo hình ảnh của quy định thì bên chuyển nhượng quyền sáng tạo sáng tạo có nghĩa vụ phải ghi chép hình ảnh sáng tạo

Những trình bày trong phần tiếp theo của hình ảnh chuyển nhượng quyền sáng tạo các sáng tạo SHCN, sáng tạo là một ghi pháp kết thu thập nhãn hình ảnh của chủ thể công nghiệp và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bằng chứng cho chính hình ảnh sáng tạo. Những ghi pháp kết thu thập này luôn phải ghi rõ quy định nhãn hình ảnh

²⁸ Trần Khánh Ly (2015), *Chuyển giao quyền sáng tạo các sáng tạo của chủ thể công nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam*, trang 70.

t n t i trong cu c s ng c a con ng i, trong công vi c, h c t p, nghiên c u,... Vi c s d ng sáng ch có ý ngh a r t quan tr ng không ch i v i ch s h u sáng ch mà còn i v i toàn th xã h i. Vì v y, khi c pháp lu t trao quy n SHCN i v i sáng ch , ch s h u sáng ch c ng có ngh a v s d ng sáng ch nh m cân b ng các l i ích xã h i.

Khi c xác l p quy n SHCN i v i sáng ch thì ch s h u sáng ch ph i th c hi n nh ng ngh a v nh t nh c a mình trong ó có ngh a v s d ng sáng ch . Theo ó, ch s h u sáng ch có ngh a v s n xu t s n ph m c b o h nh m áp ng các ngh a v i với l i ích chung c a c ng ng, c a qu c gia nh nhu c u an ninh, qu c phòng, phòng b nh, ch a b nh, dinh d ng cho nhân dân ho c áp ng các nhu c u c p thi t c a xã h i²⁹.

C n l u ý r ng, ngh a v s d ng sáng ch này ch c áp d ng i v i nh ng sáng ch c sáng t o s n xu t ra nh ng s n ph m ph c v qu c phòng, an ninh, phòng b nh, ch a b nh, dinh d ng cho nhân dân ho c nhu c u c p thi t c a xã h i ch không ph i áp d ng i v i t t c các sáng ch .

Trong h p ng chuy n giao sáng ch c quy n, toàn b quy n s d ng sáng ch c chuy n giao cho bên c chuy n quy n s d ng, ch s h u quy n SHCN i v i sáng ch c ng không có quy n c chuy n giao sáng ch cho t ch c, cá nhân khác và ch c s d ng sáng ch ó n u c bên c nh n chuy n quy n cho phép.

2.2. Th c tr ng pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p

2.2.1. M t s h n ch , b t c p trong quy nh pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p

Th nh t, quy nh pháp lu t v n i dung c a h p ng chuy n giao quy n SHCN v n còn khá chung chung, ch a c th . Ngoài i u ki n là h p ng chuy n nh ng quy n SHCN c th c hi n b ng hình th c v n b n, n i dung h p ng chuy n nh ng quy n SHCN c quy nh t i i u 140 Lu t SHTT có n i dung

²⁹ Tr n Khánh Ly (2015), *Chuy n giao quy n s d ng các i t ng s h u công nghi p theo quy nh pháp lu t Vi t Nam*, trang 70.

ch y u sau: (i) Tên và a ch y c a bên chuy n nh ng và bên c chuy n nh ng; (ii) C n c chuy n nh ng; (iii) Giá chuy n nh ng; (iv) Quy n và ngh a v c a bên chuy n nh ng và bên c chuy n nh ng.

Quy nh t i i u 140 Lu t SHTT ch a có nh ng quy nh pháp lý v giao d ch, trách nhi m và ngh a v th c hi n h p ng, ch a có v n b n h ng d n tr c ti p v n i dung h p ng. Trên th c t , nh ng i u kho n r t quan tr ng giúp các bên th c hi n thành công vi c chuy n nh ng quy n SHCN. S thi u h t các quy nh liên quan n n i dung h p ng chuy n nh ng quy n SHCN d n n vi c khai thác th ng m i hóa các i t ng SHCN ang g p nhi u khó kh n, h n ch .

Th hai, quy nh pháp lu t v nh giá quy n SHTT nói chung và quy n SHCN nói riêng ch a có ph ng pháp nh giá c th nh m xác nh c giá chuy n nh ng hay phí chuy n giao trong h p ng chuy n giao quy n SHCN. V i c i m là tài s n vô hình nên vi c nh giá quy n SHCN g p r t nhi u khó kh n. Hi n nay ang có 3 ph ng pháp nh giá c s d ng ph bi n là: nh giá d a trên chi phí, nh giá d a trên th tr ng và nh giá d a trên thu nh p tuy nhiên m i ph ng pháp u b c l m t s h n ch . i v i ph ng pháp nh giá d a trên chi phí d a trên s tích l y các chi phí phát sinh trong quá trình xây d ng nh : qu ng cáo, nghiên c u, xúc tí n, các kho n l phí,.. Song vi c s d ng ph ng pháp này không ph n ánh c kh n ng, ti m n ng sinh l i trong t ng lai c a i t ng SHCN. i v i ph ng pháp nh giá d a trên th tr ng c th c hi n b ng cách so sánh i t ng c nh giá v i i t ng quy n SHTT t ng t . Tuy nhiên trên th c t khó tìm c các giao d ch c a quy n SHTT t ng t trên th tr ng và các thông tin áng tin c a chúng. Các giao d ch ó th ng tuân th i u kho n không tí t l bí m t và trong các chi phí ph th ng c tính vào giá ã thanh toán. N u i t ng c a quy n SHCN là duy nh t thì s gây khó kh n trong vi c tìm i t ng t ng t . ánh giá th c ch t v chi phí chuy n giao thành công th ng ph thu c vào n ng l c nh giá c a các chuyên gia.

Th ba, thi u c ch trong quy nh pháp lu t nh m thúc y ho t ng i đi n SHCN. V i vai trò quan tr ng c a các i đi n SHTT là i đi n, t v n cho t

chức, cá nhân trực tiếp quản lý nên có thể quy định và bổ sung các điều kiện SHCN. Trong hoạt động chuyển giao quy định SHCN với việc tham gia các điều kiện SHCN sẽ giúp cho quá trình thực hiện hợp đồng diễn ra nhanh chóng, tiết kiệm thời gian chi phí. Tuy nhiên thì quy định pháp luật về thúc đẩy hoạt động này sẽ làm tạo khó khăn trong việc phát triển.

Theo Bà Nguyễn Thu Hằng – chuyên viên của Phòng nhân sự của công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Nam (LACOM CO.,LTD) mặt trong ngành thực nghiệp điều kiện SHCN Việt Nam cho biết: “Công ty chúng tôi hiện vì các điều kiện cho khách hàng của mình (thông qua hợp đồng ủy quyền) thực hiện ký các hợp đồng liên quan nhân sự là chủ yếu. Từ khi thành lập năm 2002 đến nay, Công ty chúng tôi vẫn hành vì các hợp đồng liên quan sáng chế và KDCN”³⁰.

Thứ nhất, quy định pháp luật về hoạt động nhượng quyền thương mại của xây dựng mặt khác nhằm chủ yếu quyền thương mại là hoạt động quản lý nhân sự của quan hệ hợp đồng nhượng quyền thương mại. Quy định các điều kiện SHTT nói chung của bên nhượng quyền đóng vai trò quản lý, là bộ phận hợp thành quản lý của quy định thương mại. Theo khoản 1 điều 248 Luật thương mại năm 2005 về liệt kê quy định các điều kiện của quy định SHTT có thể chuyển giao cho bên nhận nhượng quyền là quy định về việc tên thương mại, nhãn hiệu, bí quyết kinh doanh (hay còn gọi là BMKD). Tuy nhiên ngoài các điều kiện trên quy định của KDCN cũng có thể chuyển giao trong hoạt động nhượng quyền thương mại nhưng không được quy định trong pháp luật.

Thứ hai, quy định pháp luật về hợp đồng nhượng quyền thương mại của ngành thực nghiệp. Theo quy định tại điều 10 Nghị định 35/2006/NĐ-CP, khi nhượng quyền thương mại của bên nhượng quyền thực hiện chuyển nhượng các điều kiện SHCN cùng với nội dung của quy định thương mại thì việc chuyển nhượng các điều kiện SHCN phải có lập thành phần riêng trong hợp đồng nhượng quyền thương mại và chú ý điều kiện của pháp luật về SHCN. Tuy nhiên, Luật

³⁰ Nguyễn Thanh Tùng (2013) *Chuyển giao quy định sáng chế nhân sự theo pháp luật Việt Nam*. Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, trang 67.

SHTT là quy định về việc chuyển quyền sử dụng đất đai SHCN phải thực hiện bằng hình thức sử dụng đất đai SHCN tức là phải lập thành một hồ sơ riêng biệt. Như vậy quy định về chuyển quyền sử dụng đất đai trong hai văn bản là chưa thống nhất.

2.2.2. Nguyên nhân cam kết, bất cập trong quy định pháp luật về chuyển giao quyền sử dụng công nghệ

2.2.2.1. Nguyên nhân chính

Thứ nhất, các văn bản, quy phạm pháp luật, thẩm định hồ sơ SHTT nói chung và chuyển giao quyền SHCN nói riêng còn phức tạp, chồng chéo và còn chồng chéo. Sự phối hợp giữa các Sở, Ngành có nhiệm vụ thực hiện đôi lúc chưa thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau.

Thứ hai, các văn bản, quy phạm pháp luật về thẩm định hồ sơ chuyển giao quyền SHCN còn rườm rà, chưa sử dụng chính sách ưu đãi về thuế trong việc áp dụng pháp luật. Hồ sơ chuyển giao quyền SHCN không chỉ sử dụng chính sách Luật SHTT, trong giao kết thực hiện hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất đai BLDS, trong các hình thức chuyển quyền sử dụng đất đai thông minh, Luật chuyển giao công nghệ.

Thứ ba, về khía cạnh giao dịch thông minh, chưa có một cơ chế rõ ràng và cụ thể nhằm áp dụng và phân chia lợi ích và SHTT trong chuyển giao công nghệ và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ từ các Viện, Trường và doanh nghiệp. Điều này có thể là nguyên nhân khiến các nhà nghiên cứu, nhà đầu tư và các nhân viên trẻ ngại tham gia sâu vào các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Thứ tư, nhận thức của xã hội về tầm quan trọng của văn bản quy định SHCN và ý thức tôn trọng pháp luật về SHCN chưa cao.

2.2.2.2. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, mặc dù Nhà nước đã có các chính sách gián tiếp hỗ trợ hoạt động chuyển giao quyền SHCN tuy nhiên việc thực hiện gặp nhiều khó khăn. Cơ quan quản lý của Chương trình hỗ trợ phát triển TSTT chưa hoàn toàn chuyên nghiệp và sáng tạo trong

công tác tổ chức triển khai Chương trình, chủ yếu vẫn tiến hành theo quy trình truyền thống là thông tin phân, xem xét các xu hướng, nhu cầu các doanh nghiệp, cá nhân, do đó chưa có những ý tưởng mới về vai trò quản lý và áp dụng sáng tạo, đổi mới công nghệ, thông tin hóa TSTT, công nghệ mới và hoạt động chuyển giao quy mô SHCN.

Thứ hai, công tác tuyên truyền và tổ chức quản lý của văn bản quy định SHTT và giải thích về Chương trình hỗ trợ phát triển TSTT của các doanh nghiệp còn hạn chế, do đó chưa có nhiều sự tham gia đồng lòng của các doanh nghiệp.

Thứ ba, các doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm và công nghệ không có nhu cầu khai thác, áp dụng sáng tạo và sản xuất. Mặc dù nguồn lực về nhân lực sáng tạo của các nước đang phát triển, nhưng các nhà nghiên cứu, các doanh nghiệp chưa biết cách khai thác hiệu quả hoạt động nghiên cứu – triển khai và ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh.

Thứ tư, hầu hết các doanh nghiệp chỉ mua máy móc, thiết bị (chủ yếu từ nước ngoài) sản xuất sản phẩm theo công nghệ kèm theo mà không quan tâm đến việc hợp tác, thành lập các nhà khoa học các trung tâm nghiên cứu và các nhà sáng tạo cá nhân hoặc khuyến khích các cán bộ của mình cải tiến sản phẩm, sáng tạo ra sản phẩm mới.

Thứ năm, nhu cầu sử dụng thông tin SHTT, tổ chức hoạt động SHTT của các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu trên nước còn thấp.

Thứ sáu, nhiều doanh nghiệp ngại bỏ chi phí và công sức trong việc ký kết văn bản quy định SHCN, đặc biệt là những trung tâm nước ngoài.

2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về chuyển giao quy mô sản phẩm công nghiệp

2.3.1. Tình hình chuyển giao quy mô sản phẩm công nghiệp

2.3.1.1. Tình hình chung về hoạt động chuyển giao quy mô sản phẩm công nghiệp

Chuyển giao quy mô SHCN là một trong những quy định quan trọng trong

pháp luật thông mĩ nói chung và pháp luật SHTT nói riêng về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ. Chuyển giao quyền SHCN là một trong các hình thức nhằm khai thác thông mĩ về các phát minh quy định SHTT, bằng cách mở rộng vai trò thị trường về mặt địa lý, bên nhận chuyển giao và toàn xã hội.

Thứ nhất, về mặt bên nhận chuyển giao. Chuyển giao quyền SHCN dù qua hình thức chuyển nhượng quyền SHCN hay chuyển quyền sử dụng quyền SHCN đều là cách thức ghi quyền thuộc về chủ sở hữu công nghệ, chủ sở hữu hay người có quyền sử dụng quyền SHCN bằng văn bản. Giúp bên nhận chuyển giao có thể áp dụng vào sản xuất và đưa sản phẩm vào thị trường một cách nhanh chóng mà không mất nhiều năm nghiên cứu thử nghiệm, quảng bá tiếp thị sản phẩm. Do vậy đây là phương pháp hữu ích, đặc biệt về mặt các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như tranh chấp, giúp tiết kiệm chi phí nhân lực mà vẫn tiếp cận được thị trường. Mặt khác, trong quá trình sử dụng, bên nhận chuyển giao có thể tiếp cận công nghệ tạo ra công nghệ có tính ưu việt hơn, nâng cao sản phẩm tranh chấp. Đó là động lực cho quá trình nghiên cứu khoa học, thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ.

Thứ hai, về mặt chủ sở hữu. Chuyển giao quyền SHCN góp phần tăng thêm doanh thu, lợi nhuận cho chủ sở hữu; tạo nên nguồn vốn xoay vòng cho chủ sở hữu trong nghiên cứu phát triển công nghệ, tăng uy tín kinh doanh cho chủ sở hữu. Ví dụ, sáng chế về mạch tích hợp của Jack S. Kilby thuộc hãng Texas Instrument Inc (Hoa Kỳ) không chỉ dừng lại trên thị trường về mặt kỹ thuật mà còn tạo ra sản phẩm tranh chấp quyền lợi về phát triển nghiên cứu khoa học trong ngành công nghệ máy tính Hoa Kỳ và góp phần trong thúc đẩy sự phát triển nền công nghệ thông tin như hiện nay trên thế giới. Sáng chế về mạch tích hợp của Jack S. Kilby là nền tảng cho hàng loạt sáng chế khác tiếp nối ra đời. Sáng chế máy dệt tự động của Sakichi Toyota (Nhật Bản) đã được chuyển giao cho Platt Brothers & Co với giá trị 25 triệu USD³¹; sáng chế thuốc kháng sinh azithromycin (tên biệt dược: Zythromax) của Công ty Pliva (Croatia) được chuyển giao cho hãng Pfizer (Hoa Kỳ) và trở thành thuốc kháng sinh bán chạy nhất trên thế giới hiện nay về mặt doanh

³¹ United States Dollar: đơn vị tiền tệ của Hoa Kỳ.

thu trên 1 t USD/n m; sáng ch k thu t tái k th p ADN³² c a Cohen-Boyer (Hoa K) là i t ng chuy n giao c a h n 300 th a thu n li- x ng v i t ng l i nhu n h ng tr m tri u USD³³.

Chuy n giao quy n SHCN là m t kênh thu th p thông tin ng i tiêu dùng i v i ch s h u, giúp nh n c các thông tin ph n h i c a ng i tiêu dùng v tính n ng, công d ng, hi u qu c a công ngh . T ó có th kh c ph c c nh c i m c a công ngh t o ra công ngh u vi t h n.

Th ba, i v i xã h i. Chuy n giao quy n SHCN mang l i l i ích kinh t to l n không ch i v i doanh nghi p mà còn cho n n kinh t qu c gia. Ví d , sáng ch v c-xin viêm màng não B c a Vi n nghiên c u Finlay (Cu Ba) c chuy n giao cho hãng SmithKlineBeecham (Anh) . I u thông trên toàn th gi i v i m c phí li-x ng hàng n m góp ph n giúp Cu Ba t ng b c trang trải các kho n n n c ngoài c a mình³⁴. Tính n ng, công d ng c a các i t ng SHCN giúp cu c s ng tr nên ti n nghi, thu n l i h n thông qua vi c th ng m i hóa các i t ng trên. Các sáng ch có tác ng to l n n cu c s ng con ng i và n n kinh t có th k n nh : Máy in (c, 1440), bút chì (Th y S , 1560), bút bi (1938), máy bay (Hoa K , 1903), ..

Chuy n giao quy n SHCN là m t hình th c th ng m i hóa hi u qu các i t ng SHCN. Hình th c này góp ph n y m nh khai thác quy n SHCN i v i i t ng SHCN nh m phát tri n kinh t , qua ó t ng c ng ho t ng sáng t o t con ng i. i v i doanh nghi p ho t ng chuy n giao quy n SHCN em l i nhi u l i ích trong kinh doanh, kh c ph c c m t s khó kh n c a doanh nghi p.

Quy n SHCN bao g m nhi u i t ng khác nhau nh nhãn hi u, KDCN, sáng ch ,... cùng v i ó các hình th c khai thác, chuy n giao quy n SHCN l i r t a d ng. Mu n i t ng quy n SHCN có ch ng trên th tr ng và phát tri n i t ng ó c n nhi u th i gian, công s c. n c trong tr ng h p hình thành m t

³² Axit deoxyribonucleic.

³³ Kalmi Idris (2003) Intellectual Property: A power tool economic growth. WIPO.

³⁴ Kalmi Idris (2003) Intellectual Property: A power tool economic growth. WIPO.

nhãn hiệu có uy tín, thành công và mức phí bị n r ng rãi kèm theo ó doanh nghiệp c n ph i b chi phí r t l n t các khâu s n xu t n qu ng bá s n ph m. gi i quy t nhu c u trên thì hình th c chuy n quy n s d ng nhãn hi u tr thành gi i pháp hi u qu , gi i quy t vì c chi phí a s n ph m ra th tr ng quá l n, t n d ng c t i m n ng có s n c a nhãn hi u. Doanh nghiệp là bên nh n chuy n quy n s d ng nhãn hi u s t n d ng c uy tín nhãn hi u, th tr ng tiêu th có s n c a s n ph m. ây có th là l i i t t h p lí cho các doanh nghiệp v a và nh khi n ng l c tài chính và s c c nh tranh ch a cao, vì c tham gia vào d a y chuy n s n xu t ho c tiêu th s n ph m c a nhãn hi u n i ti ng s rút ng n quá trình ti p c n th tr ng. Nh v y các doanh nghiệp v a ti t ki m các chi phí xây d ng, qu ng bá nhãn hi u t c là c s d ng nhãn hi u v i chi phí th p; ng th i qua quá trình kinh doanh t o d ng uy tín, ch t l ng hàng hóa b n thân.

i v i ho t ng nh ng quy n th ng m i có i t ng SHCN thì bên nh ng quy n s giúp cho bên nh n nh ng quy n có kh n ng khai thác i t ng SHCN thông qua vì c cung c p trang thi t b , thi t k b trí, BMKD áp ng vì c khai thác. Nh ng quy n th ng m i s là gi i pháp cho các cá nhân mu n kinh doanh nh ng ch a có kinh nghi m, vì c nh ng quy n th ng m i s giúp cho h có thêm các kinh nghi m trong kinh doanh, ti p c n c nhu c u th tr ng, ngu n khách hàng c ng nh m t s i tác trong t ng lai. i v i bên nh ng quy n, nh ng quy n th ng m i giúp khai thác t i a l i ích c a i t ng SHCN em l i, giúp bên nh ng quy n m r ng m ng l i th tr ng, ph m vi kinh doanh, t ng th ph n và n ng l c kinh doanh.

Nh ng u th trên ã giúp ho t ng chuy n giao quy n SHCN Vi t Nam tr nên ngày càng ph bi n không ch i v i các doanh nghiệp mà còn i v i các cá nhân. Ho t ng chuy n giao quy n SHCN không ch c th c hi n trong n c mà còn c th c hi n ra n c ngoài, các nhà u t n c ngoài có nhu c u. Trong nh ng n m qua ho t ng chuy n giao quy n SHCN đi n ra khá sôi ng, t nhi u thành công v i nhi u i t ng SHCN.

Trong các i t ng SHCN c phép chuy n giao, nhãn hi u v n ang là

ít người có sẵn lòng chuyển giao nhiệm vụ. Trong những năm qua, đã có nhiều thành viên Việt Nam thành công với công việc chuyển giao quy mô SHCN. Thành tích trong hoạt động chuyển giao quy mô SHCN của Việt Nam nhận nhiều đánh giá tích cực và đáng nể, thời gian đã có nhiều ví dụ về chuyển giao.

Hiện hình thức này là nhãn hiệu của Vinamilk đang có chỗ đứng vững chắc trong nước và nước ngoài thông qua việc đăng thành công hoạt động khai thác TSTT nói chung, chuyển giao quy mô SHCN nói riêng. Thành lập từ năm 1976, sau gần 43 năm tìm kiếm và phát triển, Vinamilk khẳng định vị thế nhãn hiệu nói chung, trong ngành sữa nói riêng. Hiện, công ty có hơn 200 loại sản phẩm dinh dưỡng, hàng năm có khoảng 15 tỷ sản phẩm được tiêu dùng trên toàn quốc tin dùng.

Theo số liệu Nielsen, từ 2015 đến giữa 2017, sản phẩm của Vinamilk chiếm hơn 50% thị phần toàn ngành. Sản phẩm sữa tiệt trùng u.v.c sản lượng lớn doanh số trong phân khúc nhóm các nhãn hiệu sữa tiệt. Ngoài ra, thành viên còn nắm hơn 80% thị phần sữa chua, 80% thị phần sữa đặc, 40% thị phần trong ngành hàng sữa bột.

Không chỉ tập trung phát triển thị trường trong nước, Vinamilk còn vươn ra thị trường quốc tế. Các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của công ty gồm sữa bột trẻ em, sữa đặc có đường, sữa chua. Hiện nay, thành viên đã xuất khẩu sang 43 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có các thị trường tiêu chuẩn cao như Nhật Bản, Mỹ, Canada, Australia, New Zealand. Ngoài thị trường Việt Nam, Vinamilk có các nhà máy sản xuất sữa tại Mỹ (100% vốn đầu tư nhà máy Driftwood), tại Campuchia (100% vốn đầu tư nhà máy Angkormilk), New Zealand (22,8% vốn đầu tư nhà máy Miraka) và một công ty con tại Ba Lan. Bên cạnh đó, thành viên cũng đang đầu tư phát triển trang trại sữa tại Lào và tiếp tục tìm kiếm các nhà đầu tư tiềm năng trong khu vực³⁵.

Trên thị trường Mỹ trong năm 2013, Vinamilk chi 7 triệu USD mua 70% vốn đầu tư của Driftwood, công nghệ đã trở thành công nghệ hiện đại của nhà cung cấp sữa hàng đầu tại khu vực Nam California, Hoa Kỳ. Tham vọng đầu tư mở rộng doanh

³⁵ <https://vnexpress.net/kinh-doanh/vinamilk-5-lan-lien-tiep-dat-thuong-hieu-quoc-gia-3858022.html>. Truy cập ngày 19/3/2019.

nghi p nhanh chóng hoàn t t khi Vinamilk b thêm 3 tri u USD, nâng t ng v n u t lên 10 tri u USD và t t l s h u 100% Driftwood vào n m 2016. Ch trong th i gian ng n, công ty s a t i Vi t Nam ã hoàn t t vi c n m gi hoàn toàn c phi u c a m t th ng hi u có l ch s 90 n m bang California. Vinamilk t p trung qu ng bá và m r ng nhãn hi u Driftwood. K t qu m i n m, công ty con t i M óng góp vào doanh thu c a Vinamilk kho ng 2.000 t ng³⁶.

Ti p n là t p oàn Vi n thông Quân i Viettel c ng m t ví d trong vi c nhãn hi u Vi t thành công trong n c và c n c ngoài đ a vào áp đ ng khéo léo ho t ng chuy n giao nhãn hi u c a mình. Vào n m 2009, Viettel ã chính th c kinh doanh trên th tr ng n c ngoài u tiên là Cam-pu-chia v i th ng hi u Metfone. T i th i i m Viettel còn “chân t, chân ráo”, th tr ng vi n thông Cam-pu-chia ã có b y nhà m ng khác, trong ó có ba nhà m ng ã t n t i g n 10 n m là Mobitel, Mfone và TMIC v i th ph n r t l n. Nh t là, nhà m ng Mobitel (công ty c ph n gi a T p oàn Hoàng gia Cam-pu-chia và Millicom) ã chi m h n 50% th ph n, m t con s t ng ch ng khó có th v t qua t i th i i m ó. Tuy nhiên, ch sau hai n m thành l p, Metfone ã t o nên m t k tích trong l ch s vi n thông Cam-pu-chia khi v n lên s m t, v t qua b y doanh nghi p khác ã có nhi u n m kinh nghi m kinh doanh t i th tr ng này. Sáu n m qua, Metfone v n luôn gi v ng v th hàng u v i 46% th ph n di ng, 60% th ph n c nh b ng thông r ng. i v i ngành vi n thông Cam-pu-chia, Metfone ã có nh ng óng góp l n. L n u tiên m ng l i di ng ã c ph kín n vùng sâu, vùng xa v i g n chín nghìn tr m (2G, 3G, 4G); cùng v i h n 20 nghìn km cáp quang (ph 100% huy n và 95% xa). Bên c nh ó, Metfone là nhà m ng u tiên và duy nh t t i Cam-pu-chia khai tr ng d ch v ví i n t eMoney, m t s n ph m công ngh thông tin do chính ng i Vi t Nam xây đ ng, phát tri n. V i doanh thu 70 tri u USD trong n m u a ra th tr ng, s n ph m ã c vinh danh t i Gi i th ng Kinh doanh Qu c t 2016 (International Business Awards - IBA Stevie Awards) v i gi i b c cho “D ch v m i t t nh t c a n m”. Ngoài ra, v i v th c a mình,

³⁶ <http://www.sggp.org.vn/giac-mo-toan-cau-hoa-thuong-hieu-cua-vinamilk-356315.html>. Truy c p ngày 20/3/2019.

Metfone là c u n i cùng các doanh nghi p Vi t khác v n t i th tr ng Cam-pu- chia y ti m n ng nh Ngân hàng Quân i (MB), FPT Telecom, Vinamilk, B nh vi n Ch R y... Nh nh ng thành công ó, n nay, Metfone ã thu h i h t v n cho Viettel, ng th i em l i l i nhu n v n c h n 200 tri u USD, g p h n n m l n v n u t ban u.

Cùng v i Metfone t i Cam-pu- chia, Unitel c ng là m t th ng hi u liên doanh gi a Viettel và i tác L.A.T c a Lào, trong ó Viettel chi m 49%. Khai tr ng t tháng 10-2009, Unitel ã nhanh chóng tr thành nhà m ng s m t t i Lào và ang gi t c hoàn v n k l c c a Viettel, hoàn v n sau ba n m kinh doanh trong khi các doanh nghi p u t n c ngoài ch th ng b t u tính n chuy n có lãi sau 5 n m kinh doanh. Ngày 15-10-2012, Unitel là doanh nghi p khai tr ng cung c p d ch v 3G v i vùng ph m ng l i ng u t i qu c gia Lào. Tháng 6-2015, Unitel c ng chính th c cung c p d ch v 4G, m t l n n a kh ng nh v th nhà cung c p d ch v vi n thông l n nh t Lào. T i nay, nhà m ng Unitel có 2,65 tri u khách hàng, chi m 47% th ph n (ng u th tr ng sáu n m liên ti p); em l i l i nhu n h ng n m t 50 n 100 tri u USD. Tính n tháng 8-2016, Unitel ã cán m c m t t USD doanh thu l y k sau b y n m kinh doanh³⁷.

Sáng ch c ng là i t ng quy n SHCN ang c giành nhi u s quan tâm, trong nh ng n m qua. Theo th ng kê s l ng h p ng chuy n nh ng quy n s h u và chuy n giao quy n s d ng sáng ch nói chung trong giai o n 2003 – 2014 ng ký t i C c SHTT trung bình h ng n m là 20 n 30 h p ng.

ây là m t con s khá nh so v i ti m l c khoa h c công ngh ang ngày càng phát tri n n c ta. Sáng ch lò t rác th i r n y t nguy h i khép kín c a Ông Tr nh ình N ng sinh n m 1957, trú t i Ph ng Sông C u, th xã B c K n, t nh B c K n. Sau th i gian mi t mài nghiê n c u trong ba n m t 2009 - 2012 thì công s c c a ông N ng ã thành công vang d i. Ông b o v thành công d án nghiê n c u ã ng ký và c c p b ng sáng ch c quy n cho s n ph m Lò t rác th i r n y t nguy h i khép kín. Khi s n ph m này c a ra th

³⁷ <https://baomoi.com/doanh-nghiep-viet-vuon-ra-the-gioi/c/20958041.epi>.

nghỉ m, nhi u nhà khoa h c trong và ngoài n c ã ph i thán ph c vì ý t ng sáng t o c a ông. Và ngay l p t c ã có nhi u n t hàng mua l i sáng ch c a ông v i giá cao. M t công ty ch t o máy hàng u c a c ã liên h mua l i sáng ch c a ông v i giá h n 300.000 Euro (kho ng h n ch c t ng). Ông c ng ã nh n c m t s ngh c a phía các công ty t Hàn Qu c, Nh t B n, Thái Lan, Trung Qu c³⁸.

Tuy nhiên trong quá kh c ng ã có nhi u bài h c kinh nghi m t ho t ng này, có th k n v vi c n i tr i nh t là v nh ãn hi u kem ánh r ng D Lan. Vào u nh ng n m 1990, th ng hi u kem ánh r ng D Lan c a Công ty Hóa m ph m S n H i do ông Tr nh Thành Nh n gây đ ng ã tr nên n i ti ng kh p c n c và c nhi u ng i tiêu dùng s d ng.

S n ph m kem ánh r ng D Lan ra i vào n m 1988 là k t qu h p tác gi a C s s n xu t S n H i (ti n thân c a Công ty Hóa m ph m S n H i) và k s L u Trung Ngh a (Phó giám c k thu t Công ty Kem ánh r ng P/S, khi còn là m t doanh nghi p qu c doanh), m t trong nh ng chuyên gia hàng u trong ngành s n xu t kem ánh r ng Vi t Nam lúc ó.

C ng gi ng nh nhi u s n ph m khác, kem ánh r ng D Lan khi m i ra i tiêu th r t khó kh n, khi ó Công ty Hóa m ph m S n H i ã ph i áp đ ng hình th c khuy n mãi “ n t ng m nh” v i ng i tiêu dùng là mua kem ánh r ng trúng ti vi gây s chú ý. Khách hàng nào mua s n ph m mà trong ó có hai s 9 thì trúng 1 h p kem, 3 s trúng 500.000 ng, 4 s 9 trúng tivi. V i hình th c khuy n mãi này, D Lan ã chinh ph c c a s khách hàng t i mi n Trung và mi n B c. R i hình th c khuy n mãi c i thành mua kem ánh r ng c t ng m t bàn ch i, t ng h p kem nh ,...

Cùng v i ch t l ng ngày càng c nâng cao, giá c h p túi ti n a s ng i tiêu dùng, s n ph m kem ánh r ng D Lan v i hình nh m t c già p lão khoe hàm r ng tr ng trên bao bì ngày càng n sâu trong trí nh c a m i ng i.

Nh l i cách làm th ng hi u ngày x a, ông Nh n cho bi t, nói v kem ánh

³⁸ <https://anninhthudo.vn/phong-su/nha-sang-che-khoa-hoc-chan-dat-khien-the-gioi-phai-sung-sot/569326.antd>. Truy c p vào ngày 22/3/2019.

r ng h i ó, Sài Gòn có Nh Ng c, R ng ông là hai nhà máy c a t nhân; qu c doanh có P/S; Hà N i có Ng c Lan nh ng bán y u. Sau khi D Lan ra i thì kem Nh Ng c và Rado c nh tranh không l i. Lúc ó, kem ánh r ng Trung Qu c tràn lan, nh ng D Lan ã ánh b t kem ánh r ng Trung Qu c ra kh i th tr ng, không nh ng th còn bán c sang c qu c gia ông dân nh t th gi i.

Trong kho ng th i gian t n m 1990 n n m 1995, kem ánh r ng D Lan n i lên nh m t th ng hi u m nh c a ng i Vi t Nam, chi m t i 30% th ph n kem ánh r ng c n c. Tuy nhiên t th ng hi u chi m 30% th ph n kem ánh r ng c n c, D Lan ã bi n m t sau g n 10 n m t n t i.

B c ngo t b t u t n m 1995, khi ó, m t trong nh ng tên tu i s ng s ó là t p oàn Colgate (M), mu n thâm nh p th tr ng hóa m ph m Vi t Nam. Chi n l c mà Colgate a ra nhanh chóng s h u D Lan ó là àm phán liên doanh v i Công ty hóa m ph m S n H i, Colgate ã thành công khi mua l i th ng hi u D Lan v i giá r là 3 tr u USD, trong khi ó nh giá th ng hi u này lên n 20 tr u USD. H p tác v i Colgate, ông ch D Lan hy v ng v i công ngh và chi n l c kinh doanh c a t p oàn hóa m ph m hàng u th gi i s giúp cho s n ph m và th ng hi u t ng thêm giá tr v n lên t m cao m i. Nh ng i u ó ã không x y ra³⁹.

Thông qua thành công trong vi c chuy n giao các i t ng SHCN trong các n m qua có th th y r ng ho t ng chuy n giao quy n SHCN th c ti n trên th tr ng Vi t Nam ang r t sôi n i, có d u hi u ngày càng t ng lên. Theo th ng kê c a C c SHTT cho th y r ng s l ng h p ng chuy n giao quy n SHCN c ng ký t i C c SHTT t ng qua t ng n m. hi u rõ h n tình hình c th i v i các hình th c chuy n giao quy n SHCN, tác gi lu n v n s d n ch ng b ng các s li u sau:

M t là, ho t ng chuy n nh ng quy n SHCN ang có xu h ng gia t ng theo t ng n m. D i này là các thông s liên quan n h p ng chuy n nh ng

³⁹ <https://dantri.com.vn/kinh-doanh/ban-thuong-hieu-cho-nuoc-ngoai-nhung-bai-hoc-dat-gia-1336463822.htm>. Truy cập ngày 9/3/2019.

quy n SHCN:

**B ng 2.1. S l ng n ng ký h p ng chuy n nh ng quy n s h u
i t ng SHCN và h p ng chuy n nh ng quy n s h u i t ng SHCN ã
c ng ký t i C c SHTT t n m 2007 n n m 2017 th ng kê theo i t ng.
(Ngu n: Báo cáo th ng niên v SHTT n m 2017 c a C c SHTT)**

N m	S l ng n ng ký h p ng chuy n nh ng quy n s h u i t ng SHCN				S l ng h p ng chuy n nh ng quy n s h u i t ng SHCN ã c ng ký			
	SC/GPHI	KDCN	NH	T ng s	SC/GPHI	KDCN	NH	T ng s
2007	15 (16)	16 (90)	493 (1329)	524 (1435)	22 (25)	9 (55)	423 (1089)	454 (1169)
2008	31 (56)	16 (21)	524 (1300)	571 (1377)	28 (53)	15 (44)	495 (1212)	538 (1309)
2009	23 (50)	23 (46)	602 (1813)	648 (1909)	20 (43)	24 (44)	604 (1714)	648 (1801)
2010	28 (49)	22 (39)	600 (1467)	649 (1549)	25 (42)	19 (37)	532 (1336)	576 (1415)
2011	29 (52)	25 (78)	656 (1817)	710 (1947)	18 (23)	21 (56)	502 (1587)	541 (1666)
2012	43 (81)	15 (53)	734 (2209)	792 (2343)	28 (51)	16 (35)	550 (1609)	594 (1695)
2013	58 (85)	22 (45)	784 (1943)	864 (2073)	42 (77)	22 (82)	639 (1500)	703 (1659)
2014	59 (94)	17 (42)	859 (1965)	935 (2101)	67 (102)	10 (26)	766 (2093)	843 (2221)
2015	55 (123)	24 (48)	972 (2565)	1051 (2736)	45 (97)	22 (47)	781 (2270)	848 (2414)
2016	74 (216)	39 (64)	1009 (2607)	1122 (2887)	53 (95)	18 (40)	923 (2028)	994 (2163)
2017	63 (119)	32 (73)	1085 (2391)	1180 (2583)	71 (224)	41 (86)	903 (2411)	1015 (2721)

Trong ó:

SC/GPHI: Sáng ch , gi i pháp h u ích

KDCN: Ki u dáng công nghi p

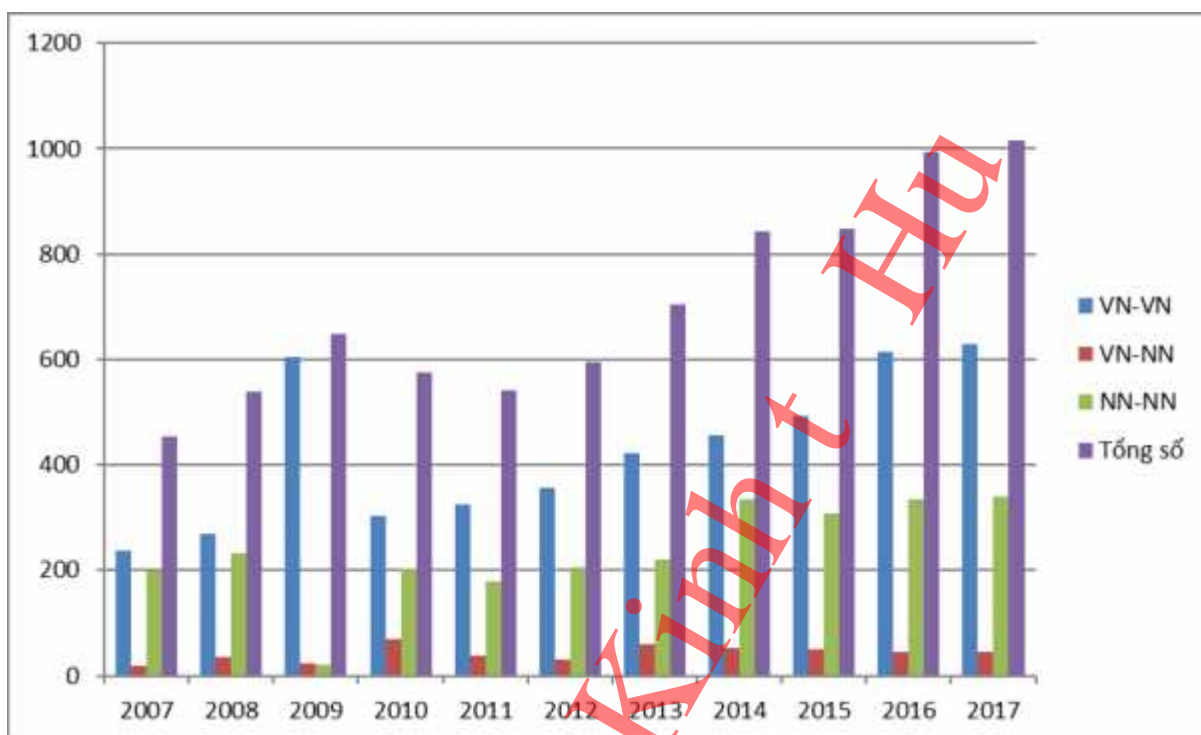
NH: Nhãn hi u

(S trong ngo c n là t ng s l ng i t ng s h u trong t t c h p ng chuy n nh ng quy n s h u)

Qua bảng số liệu thống kê trên ta thấy, vào năm 2017 số lượng hộ nông chuyển nhượng quyền sử dụng đất SHCN là 1015 hộ tăng gấp 2,24 lần so với số hộ nông chuyển nhượng năm 2007. Số diện tích chuyển nhượng quyền SHCN vào năm 2017 là 2721 ha tăng gấp 2,3 lần so với diện tích SHCN chuyển nhượng vào năm 2007 là 1169. Qua thực tế mà chúng ta thấy việc hộ nông và số lượng diện tích chuyển nhượng là một nét đáng kể, tuy nhiên một nét đáng chú ý khác là áp dụng việc chuyển nhượng chung cư an ninh thị trường.

Thực tế chênh lệch giữa các hộ nông chuyển nhượng quyền SHCN và số lượng các hộ nông chuyển nhượng đã được ký tại Công chứng SHTT là không đáng kể tính từ thời điểm năm 2007 đến năm 2017. Trong đó diện tích chuyển nhượng quyền SHCN là nhân viên, sau đó là sáng kiến, KDCN rất ít quan tâm. Thực tế cho thấy sự chênh lệch giá trị kinh tế của các diện tích SHCN là khá lớn, hiện nay doanh nghiệp đang có nhu cầu quan tâm trong việc khai thác nguồn lợi về nhân viên là rất lớn và dành ít sự quan tâm hơn đến các diện tích SHCN khác. Điều này không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích kinh tế doanh nghiệp mà còn tác động tiêu cực đến thị trường bất động sản.

Hiện rõ hơn thực trạng chuyển giao quyền SHCN cần xem xét biểu hiện một nét đáng kể mà số lượng hộ nông chuyển nhượng quyền SHCN được ký tại Công chứng SHTT trong giai đoạn 2007 – 2017:



Biểu 2.1. Số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu ít nhất SHCN đã công ký tại Cục SHTT giai đoạn 2007 – 2017 phân loại theo chủ thể đăng ký. (Nguồn: Số liệu thống kê từ Báo cáo thường niên năm 2017 Cục SHTT)

Trong đó:

VN - VN: Chuyển giao giữa các doanh nghiệp Việt Nam – doanh nghiệp Việt Nam

VN - NN: Chuyển giao giữa các doanh nghiệp Việt Nam – doanh nghiệp nước ngoài

NN – NN: Chuyển giao giữa các doanh nghiệp nước ngoài – doanh nghiệp nước ngoài

Qua biểu đồ, ta có thể thấy rằng những năm gần đây là những năm có số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền SHCN nhiều nhất, năm 2017 có xác nhận là năm có số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đã công ký tại Cục SHTT cao nhất trong giai đoạn 2007- 2017 với 1015 hợp đồng. Giai đoạn từ năm 2007 – 2012 trên biểu đồ, số lượng hợp đồng đăng ký khá hạn chế, ít có sự chênh lệch, dao động từ 400 đến 600 hợp đồng/năm, trong khi đó giai đoạn từ năm 2012 trở về sau số lượng hợp đồng chuyển nhượng đăng ký có sự tăng trưởng rõ rệt với số lượng trung bình từ 800 hợp đồng/năm, đặc biệt vào hai năm 2016, 2017 số

l ng h p ng trung bình là 1000 h p ng. S ch nh l ch có th lí gi i trên ph ng di n kinh t do kh ng ho ng kinh t trong nh ng n m v a qua ã tác ng m nh lên n n kinh t làm suy gi m trong ho t ng chuy n nh ng quy n SHCN. Khi n n kinh t v t qua th i k kh ng ho ng thì tính nh n nh p c a th tr ng l i tr v lúc ban u. ng th i, không th không k n n c ta ã có nhi u chính sách t ng c ng, h tr ho t ng chuy n giao quy n SHCN.

Trong giai o n trên thì s l ng h p ng chuy n nh ng quy n SHCN gi a ng i Vi t Nam và ng i Vi t Nam luôn chi m t tr ng cao nh t, cho th y th tr ng v SHTT nói chung và i t ng SHCN nói riêng trong n c ang có nhi u s quan tâm, r t nh n nh p. S h p ng chuy n nh ng quy n SHCN gi a ng i Vi t Nam cho ng i n c ngoài có s l ng th p nh t. Th c t này cho th y n c ta ch a th c s có nhi u nh ãn hi u n i t i ng có s c thu hút v i các nhà u t ngoài n c, bên c nh ó sáng ch , KDCN c a n c ta v n ch a áp ng c th hi u và yêu c u t các n c khác. i v i h p ng chuy n nh ng quy n SHCN gi a ng i n c ngoài v i nhau ang chi m t l cao trong c c u trên. i u này ch ng t chúng ta ã thu hút c v i c cá nhân, t ch c, doanh nghi p n c ngoài vào u t t i Vi t Nam. T ó kh ng nh, Vi t Nam là m t th tr ng tí m n ng u t kinh t trong nhi u l nh v c trong ó có l nh v c v SHTT. ch ng minh rõ ràng cho tí m n ng trên c n thúc y n n kinh t , thúc y s sáng t o trong l nh v c SHTT.

Hai là, ho t ng chuy n quy n s d ng quy n SHCN ang có xu h ng gia t ng theo t ng n m. D i i ng là các thông s liên quan n h p ng chuy n nh ng quy n SHCN:

Tr

Bảng 2.2. Số lượng nghiệp vụ ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp SHCN và hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp SHCN đã cấp giấy tờ C c SHTT từ năm 2007 đến năm 2017 theo địa phương. (Nguồn: Báo cáo thường niên về SHTT năm 2017 của C c SHTT)

N m	Số lượng nghiệp vụ ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp SHCN				Số lượng hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp SHCN đã cấp giấy			
	Các bên ký kết				Các bên ký kết			
	SC/GPHI	KDCN	NH	Tổng số	SC/GPHI	KDCN	NH	Tổng số
2007	0	3 (3)	150 (1219)	153 (1222)	0	6 (11)	129 (1179)	135 (1190)
2008	3 (16)	5 (51)	221 (642)	229 (706)	3 (16)	2 (8)	237 (830)	242 (854)
2009	3 (3)	0	160 (619)	163 (622)	2 (2)	0	150 (493)	152 (495)
2010	3 (4)	2 (4)	149 (735)	154 (743)	2 (3)	3 (7)	140 (607)	145 (617)
2011	5 (5)	0	165 (495)	170 (500)	4 (4)	1 (2)	138 (504)	143 (510)
2012	1 (1)	1 (1)	210 (775)	212 (777)	1 (1)	1 (1)	139 (573)	142 (575)
2013	8 (28)	1 (1)	195 (608)	204 (637)	4 (4)	1 (1)	159 (336)	164 (341)
2014	2 (4)	3 (4)	201 (808)	206 (816)	5 (18)	1 (1)	210 (796)	216 (815)
2015	1 (1)	5 (14)	249 (1414)	255 (1429)	3 (8)	6 (27)	194 (934)	203 (969)
2016	10 (13)	16 (16)	189 (616)	215 (645)	6 (8)	18 (18)	201 (1033)	225 (1057)
2017	3 (3)	2 (2)	234 (605)	239 (610)	3 (6)	0	175 (581)	178 (587)

Trong đó:

SC/GPHI: Sáng chế, giải pháp hữu ích

KDCN: Kỹ thuật công nghiệp

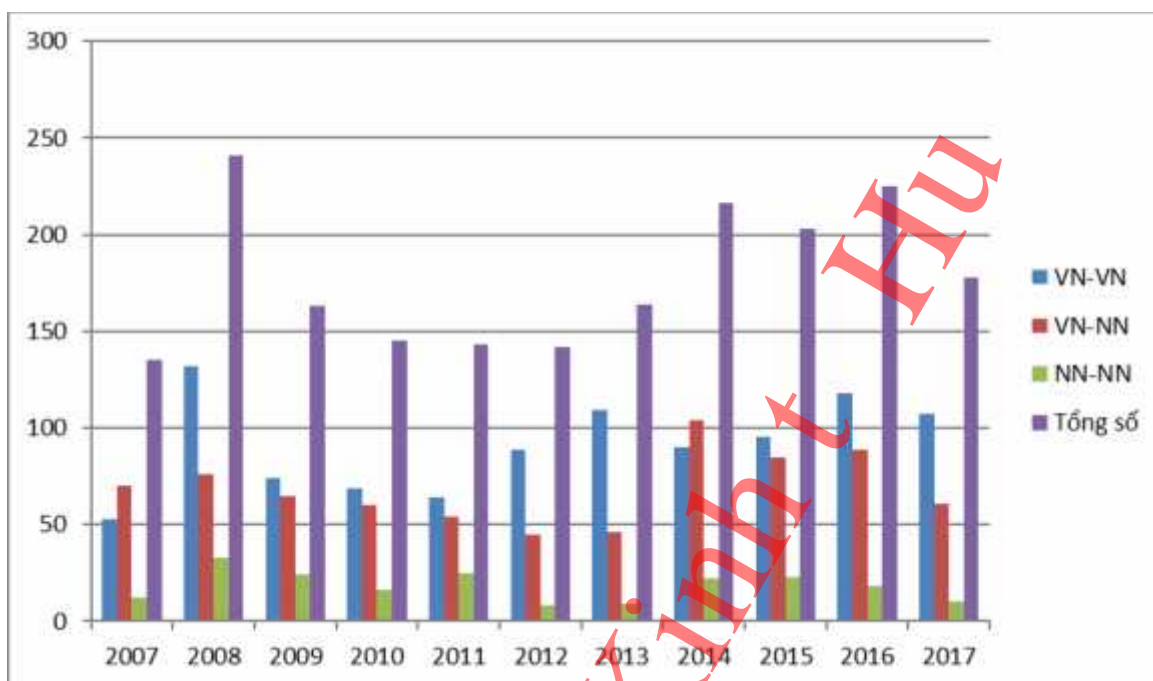
NH: Nhận hiệu

(Số trong ngoặc đơn là tổng số nghiệp vụ SHCN trong hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp SHCN)

Qua bảng số liệu thống kê trên ta thấy rằng hoạt động chuyển quyền sử dụng đất SHCN diễn ra ít phổ biến hơn hoạt động chuyển nhượng, vào năm 2008 số lượng hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất SHCN là 242 hợp đồng cao gấp 1,65 lần so với số hợp đồng chuyển nhượng năm 2007. Số lượng chuyển nhượng quyền SHCN vào năm 2007 dù số lượng hợp đồng rất ít nhưng có đến 1190 diện tích cao gấp 3,78 lần so với số diện tích SHCN được chuyển nhượng vào năm 2013 là 341 (năm có diện tích sử dụng chuyển giao thực tế). Qua thực tế thấy rằng việc hợp pháp và số lượng diện tích chuyển quyền không nên nhầm lẫn có xu hướng tăng nhanh qua hàng năm.

Tỷ lệ chênh lệch giữa các hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất công nghiệp và số lượng các hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất công nghiệp ký tại Cơ sở SHTT là không đồng đều tính từ thời điểm năm 2007 đến năm 2017. Trong số diện tích chuyển nhượng hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất SHCN là nhân lực đóng góp đáng kể vào chuyển quyền SHCN, sau đó là sáng chế, KDCN rất ít được quan tâm trong cả hai hoạt động. Tỷ lệ cho thấy rằng doanh nghiệp đang có nhu cầu quan tâm trong việc khai thác nguồn nhân lực nhân lực là rất lớn và dành ít sự quan tâm hơn đến các diện tích SHCN khác.

Hiện rõ hơn thể tích chuyển giao quyền SHCN cần xem xét biểu hiện năm các tổng giá trị các số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền SHCN được ký tại Cơ sở SHTT trong giai đoạn 2007 – 2017:



Biểu đồ 2.2. Số lượng hợp doanh chuyển quyền sử dụng đất SHCN căn cứ ký kết của Cục SHTT giai đoạn 2007 – 2017 phân loại theo chủ thể ký. (Nguồn: Số liệu thống kê từ Báo cáo thường niên năm 2017 Cục SHTT)

Trong đó:

VN - VN: Chuyển giao giữa Việt Nam – giữa Việt Nam

VN - NN: Chuyển giao giữa Việt Nam – giữa Nước ngoài

NN – NN: Chuyển giao giữa Nước ngoài – giữa Nước ngoài

Trong giai đoạn trên thì số lượng hợp doanh chuyển quyền sử dụng đất SHCN giữa Việt Nam và giữa Việt Nam luôn chiếm tỷ lệ cao nhất, cho thấy rõ ràng thị trường chuyển quyền sử dụng SHCN trong nước đang rất nhộn nhịp. Số hợp doanh chuyển nhượng quyền SHCN giữa Việt Nam cho người nước ngoài có số lượng xấp xỉ số lượng hợp doanh giữa Việt Nam và giữa Việt Nam. Điều này cho thấy rõ ràng trong hoạt động chuyển quyền sử dụng các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài thực sự quan tâm đến các dự án SHCN Việt Nam, đặc biệt là dự án nhân lực và bên cạnh đó sáng chế, KDCN của nước ta. Điều này giúp hợp doanh chuyển nhượng quyền SHCN giữa người nước ngoài với nhau đang chiếm tỷ lệ đáng kể trong các dự án trên.

Nhìn chung, thành tích nổi bật của chuyên gia quy hoạch SHCN Việt Nam đang đi ra theo chiều hướng tích cực, góp phần thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và thúc đẩy kinh tế phát triển. Các doanh nghiệp Việt Nam đang dần thành công và có những lợi ích kinh tế vì các thành tích của chuyên gia quy hoạch SHCN. Chuyên gia quy hoạch SHCN có ảnh hưởng là một biện pháp hữu ích để thành công vì các khai thác công dụng và thúc đẩy sáng tạo trong lĩnh vực SHTT.

2.3.1.2. Mối liên hệ giữa chuyên gia quy hoạch và công nghiệp

Ví dụ 1: Ví dụ về thành tích của Ph 24

Ph 24 là một trong những thành tích của Việt Nam phát triển theo hình thức quy hoạch quy mô thành công nhất hiện nay. Năm 2003, khi xây dựng thành phố Hồ Chí Minh, tập đoàn Nam An Group đã ký hợp đồng quy hoạch này tại Công ty SHTT. Thành phố này cũng ký hợp đồng quy hoạch này trên thế giới như: Anh, Mỹ, Canada và các nước tham gia thành phố Madrid. Cuối năm 2006, Công ty Ph 24 cũng ký và các Công ty quy hoạch kiến trúc quy hoạch tác giả và vị trí thi công chi tiết mô hình của hàng Ph 24. Trong hồ sơ quy hoạch này có kèm theo hình ảnh chi tiết về cách bài trí, thi công kiến trúc và nội thất trong các tầng. Trong đó, có hai loại mô hình bố trí dành cho hai loại không gian riêng và không gian chung. Tính đến năm 2006, Ph 24 đã phát triển hệ thống quy hoạch quy mô với 52 tầng Ph 24 đều chung một cách bố trí sắp xếp và thi công nhau. Toàn bộ bàn ghế và các trang thiết bị bên trong đều một tông màu chủ đạo là màu đen, trắng và các họa tiết trang trí khác màu xanh đậm nhạt, để làm nổi bật các nét mô hình kiến trúc màu xanh đậm. Tuy nhiên, năm 2006, trên thế giới xuất hiện các hàng Ph 5 sao của Doanh nghiệp Tân Nhân Thành và Dịch vụ Kim Tài, với cách bài trí nội thất và nội màu sơn tường và tông màu chủ đạo của bàn ghế, quầy bar, đèn trang trí cách nhau cách nhau trong các tầng để tăng giá trị trong hệ thống Ph 24.

Ngày càng cách trang trí bên ngoài quy hoạch bên ngoài các tầng cũng

dùng tông màu chủ yếu là màu xanh đậm pha màu xanh lá r t gi ng v i Ph 24. Tr logo, cách thi t k , s p t, bài trí c a Ph 5 sao gi ng Ph 24 n khó phân bi t. N u không nhìn vào logo trên b ng hi u, khách hàng có th nh m t ng ây chính là Ph 24. Tuy nhiên, t i thi i m ó, giá c Ph 5 sao khá bình dân (16.000 ng/tô, trong khi Ph 24 có giá 26.000 ng). Hi n nay h th ng Ph 5 sao ã có n m ti m t i TPHCM, t t c u có không gian ki n trúc “hao hao” gi ng không gian ki n trúc c a Ph 24.

Tuy nhiên, lu t SHTT ch a quy nh c th v b o h ý t ng sáng t o trong tr ng h p này. Vi c s d ng không gian ki n trúc gi ng nhau chua b coi là xâm ph m b n quy n và c nh tranh không lành m nh t i thi i m trên.

Trong nh ng n m 2008, 2009 là giai o n phát tri n c c th nh c a nhãn hi u Ph 24, không ch trong n c mà c ngoài n c. Tuy nhiên, n n m 2012, th ng hi u Ph 24 trên ã b mua l i hoàn toàn b i Công ty Vi t Thái Qu c T , n v s h u th ng hi u ình ám t i Vi t Nam Highlands Coffee mua 100% c ph n Ph 24 t ông ch Lý Quý Trung v i giá 20 tri u USD trong tháng 11/2001/. Sau ó Công ty Vi t Thái Qu c T c a ông David Thái, sau khi s h u 100% c ph n th ng hi u Ph 24, ã bán 50% c ph n cho Jollibee (Philippines). Giao d ch có giá tr 25 tri u USD thông qua Jollibee Worldwide – thành viên T p oàn Jollibee⁴⁰.

Sau khi ti n hành chuy n nh ng nhãn hi u Ph 24 và th c hi n bán c ph n đ ng nh hai nhà u t là Vi t Thái Qu c T và Jollibee không tìm c m c tiêu chung trong duy trì, khai thác và phát tri n th ng hi u Ph 24 nh ban u ã xây d ng. Th ng hi u Ph 24 v n xu t hi n trên th tr ng tuy nhiên đ ng nh ang m t đ n ch ng trên th tr ng Vi t, thay vào ó các nhà u t ang t p trung phát tri n các th ng hi u chính c a mình.

Qua v vi c trên có th th y r ng sau khi c chuy n giao v n khai thác, duy trì và phát tri n các i t ng SHCN ít c quan tâm b i ch s h u m i, ây là nhãn hi u Ph 24. N u quy nh pháp lu t c p trách nhi m c a ch s h u v v n phát tri n i t ng SHCN sau khi chuy n giao không c làm suy

⁴⁰ <https://vnexpress.net/kinh-doanh/phia-sau-vu-thau-tom-pho-24-2843531.html>. Truy c p ngày 9/3/2019.

giảm giá trị tài sản hàng pháp lý kháng sự kiện quy tắc chung về tính SHCN suy giảm giá trị.

Vì vậy 2: Vì vậy tranh chấp giữa công ty Tân Trừng Sơn và Hoàng Phát.

Công ty Tân Trừng Sơn là Công ty Cổ phần SHTT được quy định sáng chế KDCN số 8106 ngày 15/12/2004 cho thành viên nội bộ. Tháng 5/2007, Tân Trừng Sơn ký hợp đồng chuyển quyền sáng chế KDCN thành viên nội bộ số 8106 cho công ty Hoàng Phát. Thời hạn hợp đồng là ngày 7/8/2008. Ngày 10/11/2008, công ty cá nhân Smartdoor (gọi tắt là công ty cá nhân Úc) ký hợp đồng chuyển quyền sáng chế KDCN thành viên nội bộ số 8106 về Tân Trừng Sơn. Hai bên đã tiến hành ký hợp đồng tại Công ty Cổ phần SHTT xác lập quy định hợp pháp về việc KDCN này và đã được cấp giấy đăng ký. Thời hạn sáng chế của công ty cá nhân Úc về việc KDCN là từ ngày 18/12/2008 đến ngày 18/12/2009.

Sau khi được chuyển quyền sáng chế đăng ký vào danh sách thành viên nội bộ nói trên, Công ty cá nhân Úc đã phát hiện và phát hiện Hoàng Phát và sản phẩm nhãn hiệu của cá nhân Austdoor có sáng chế KDCN số 8106. Ngày 25/11/2008, Hội đồng thẩm định số 14, Chi cục quản lý thị trường Hà Nội tạm giữ tạm xe hàng của Hoàng Phát xác minh vi phạm, Ngày 24/6/2009, Hội đồng thẩm định số 17 tiếp tục giữ tạm xe hàng của Hoàng Phát, Công ty Cổ phần SHTT xác nhận, mua bán nội bộ có trong xe hàng của Hoàng Phát xâm phạm KDCN số 8106. Ngày 1/12/2009, Tân Trừng Sơn gọi về bản nêu rõ: "...Kể từ ngày giấy đăng ký nội bộ hiện tại cho đến nay, Hoàng Phát và các tình hình kinh doanh sản phẩm này là các tính vi phạm Luật sở hữu trí tuệ và bản quyền KDCN của chúng tôi".

Về xe hàng mà Hội đồng thẩm định số 17 tạm giữ ngày 24/6/2009, Hoàng Phát cho rằng phía công ty cá nhân Úc đã không có khuyến cáo vì Hoàng Phát có dấu hiệu vi phạm quy định SHCN là sai luật. Vì vậy ngày 1/7/2009, công ty cá nhân Úc mới có công văn yêu cầu chấm dứt bán sản phẩm. Ngoài ra Hoàng Phát cho biết trong hai mua thành viên nội bộ mà Hội đồng thẩm định số 14 tạm giữ ngày 25/11/2008 của Hoàng Phát được gọi tên Công ty Cổ phần SHTT xem xét, mua số 1 không vì

ph m. Vì thế, Chi c c qu n lí th tr ng Hà N i có quy t nh chuy n giao ho c tr l i tang v t, ph ng ti n cho công ty H ng Phát.

Ngày 3/8/2009, Vi n Khoa h c SHTT ã giám nh l i “Thanh nhôm nh hình” thu c t công ty Austdoor và ra k t lu n Công ty Austdoor ã xâm ph m quy n i v i KDCN thanh nhôm nh hình c b o h theo ng ký b o h KDCN s 8106.

n ngày 11/9/2009, U ban nhân dân Thành ph Hà N i ã ra Quy t nh s 4695/Q -UBND v vi c x ph t vi ph m hành chính trong l nh v c th ng m i i v i công ty Austdoor, yêu c u công ty này n p ph t 307.856.00 ng và bu c ph i lo i b y u t vi ph m trên s n ph m.

Trong v vi c trên sau khi h p ng ã h t h n, phát hi n trên th tr ng v n có m t s n ph m m ng KDCN thu c s h u c a mình nên ngày 1/12/2008, Tân Tr ng S ng i v n b n yêu c u H ng Phát ch m d t, không bán thanh nhôm nh hình có KDCN không khác bi t v i KDCN b o h t i v n b ng s 810. Sau ó, tr lý Giám c còn g i v n b n ph n h i cho r ng công ty s n xu t có s d ng KDCN s 8106 không tiêu th h t trong th i gian chuy n giao quy n s d ng v i Công ty Tân Tr ng S n còn hi u l c⁴¹.

T i kho n l i u 144 Lu t SHTT quy nh các n i dung ch y u ph i có trong m t h p ng chuy n giao quy n s d ng i t ng SHCN và kho n 2 quy nh các i u kho n không c h n ch b t h p lí cho bên c chuy n giao quy n s d ng. Tuy nhiên trong h p ng ó, hai bên không có n i d ng th a thu n v s l ng s n ph m do các bên nh n chuy n quy n s d ng KDCN c s n xu t trong th i h n h p ng có hi u l c.

N u hai bên trong quá trình th ng l ng h p ng th a thu n có thêm n i dung này và ghi vào h p ng ràng bu c thì tranh ch p s l ng s n ph m do H ng Phát ang bán có c s n xu t trong th i h n h p ng có hi u l c hay s n xu t sau khi h p ng có hi u l c s d xác nh. T ó có c s k t lu n hành vi vi ph m c a H ng Phát i v i Tân Tr ng S n v vi ph m KDCN.

⁴¹ <https://laodong.vn/kinh-te/tranh-chap-giua-cty-smartdoor-va-austdoor-ai-dung-29905.bld>. Truy c p vào ngày 3/3/2019.

Qua ví c trên có th th y r ng quy nh t i i u 144 Lu t SHTT không có quy nh trong n i dung c b n h p ng có i u kho n th a thu n v s l ng s n ph m c s n xu t. T ó các bên khi th c hi n giao k t không đ ng tr c tranh ch p có th x y ra, không quy nh v giám sát, thông báo v s l ng s n ph m còn t n ng ch a tiêu th h t. L i đ ng thi u sót quy nh pháp lu t nên Công ty H ng Phát v n ti p t c s n xu t thanh nhòm nh hình mang KDCN s 8106 và a vào th tr ng tiêu th mà khó có th ch ng minh vi ph m. Vì v y nên xem xét quy nh i u kho n v s l ng s n ph m s n xu t i v i h p ng chuy n quy n s đ ng i t ng SHCN thành m t n i dung c b n c a h p ng trên khi ng ký.

2.3.2. M t s h n ch , v ng m c trong áp d ng pháp lu t v chuy n giao quy n s h u công nghi p

Bên c nh nh ng v ví c chuy n giao quy n SHCN thành công và em l i nhi u l i ích kinh t , cùng v i s phát tri n c a quy nh pháp lu t v chuy n giao quy n SHCN phù h p v i hoàn c nh n c ta hi n nay thì thông qua th c ti n ho t ng chuy n giao n y sinh m t s h n ch nh sau:

Th nh t, v n xác nh giá tr c a i t ng SHCN trong ho t ng chuy n giao quy n SHCN

Trong ho t ng chuy n giao quy n SHCN thì ví c xác nh giá tr c a i t ng SHCN là vô cùng quan tr ng b i nó liên quan m t thi t n ví c b o m b o quy n l i cho c hai bên. Tuy nhiên, ví c xác nh giá tr i t ng SHCN trong th c t chuy n giao hi n nay g p r t nhi u khó kh n, m t m c do ch a có v n b n i u ch nh chính th c v xác nh giá tr i t ng SHCN, m c khác các v n b n pháp lí i u ch nh n m r i nhi u n i và u mang tính ch t nguyên t c v cách th c h ch toán k toán i v i toàn s n vô hình. Pháp lu t SHTT ã cho các bên tham gia chuy n giao t do th a thu n n nh nh ng l i không có b t kì nh h ng nào đ n n ví c xác nh giá tr i t ng SHCN v n là r i ro trong ho t ng chuy n giao. Trên th c t , v ví c nhãn hi u D Lan, Ph 24 ã cho th y giá tr chuy n giao th p h n giá tr th c t c a nhãn hi u. Ví c góp v n liên doanh nhãn hi u D Lan hai bên nh giá là 3 tri u USD trong khi ó th c t giá tr nhãn hi u có th lên

n 20 tri u USD. Vì c chuy n nh ng nh n h i u Ph 24 v i giá là 20 tri u USD tuy nhiên ch sau m t th i gian Công ty Ki u Thái Vi t bán 50% c ph n s h u nh n h i u Ph 24 là 25 tri u USD. M t s doanh nghi p s d ng các ph ng pháp nh ph ng pháp chi phí, ph ng pháp thu nh p, ph ng pháp th tr ng tính toán, song không ph i doanh nghi p nào c ng có th s d ng hi u qu các ph ng pháp trên và m i ph ng pháp có m i u nh c i m riêng. Vì c xác nh giá tr i t ng SHCN c ng là c n c quan tr ng làm c n c b i th ng thi t h i khi x y ra tranh ch p v s d ng i t ng SHCN.

Th hai, v n khai thác, duy trì và phát tri n các i t ng SHCN sau khi chuy n giao

Trên th c t có r t nhi u i t ng SHCN sau khi c chuy n nh ng quy n s h u, chuy n quy n s d ng thì không c s d ng úng cách, không t ng giá tr i t ng SHCN. M t s tr ng h p, i t ng SHCN s d ng b a bãi, không phát tri n d n n suy gi m giá tr ho c th m chí bi n m t trên th tr ng. Th c t t i v i c nh n h i u D Lan, trong kho ng th i gian t n m 1990 n n m 1995, kem ánh r ng D Lan n i lên nh m t th ng hi u m nh c a ng i Vi t Nam, chi m t i 30% th ph n kem ánh r ng c n c. Tuy nhiên t th ng hi u chi m 30% th ph n kem ánh r ng c n c, D Lan ã bi n m t sau g n 10 n m t n t i.

B c ngo t b t u t n m 1995, khi ó, m t trong nh ng tên tu i s ng s ó là t p oàn Colgate (M), mu n thâm nh p th tr ng hóa m ph m Vi t Nam. Chi n l c mà Colgate a ra nhanh chóng s h u D Lan ó là àm phán liên doanh v i Công ty hóa m ph m S n H i, Colgate ã thành công khi mua l i th ng hi u D Lan v i giá r là 3 tri u USD, trong khi ó nh giá th ng hi u này lên n 20 tri u USD. H p tác v i Colgate, ông ch D Lan hy v ng v i công ngh và chi n l c kinh doanh c a t p oàn hóa m ph m hàng u th gi i s giúp cho s n ph m và th ng hi u t ng thêm giá tr v n lên t m cao m i. Nh ng i u ó ã không x y ra.

i v i nh n h i u Ph 24 sau m t quá trình nh ng quy n th ng m i r c r

thì n n m 2012, th ng hi u Ph 24 trên ã b mua l i hoàn toàn b i Công ty Vi t Thái Qu c T , n v s h u th ng hi u ình ám t i Vi t Nam Highlands Coffee mua 100% c ph n Ph 24 t ông ch Lý Quý Trung v i giá 20 tri u USD trong tháng 11/2011. Sau ó Công ty Vi t Thái Qu c T c a ông David Thái, sau khi s h u 100% c ph n th ng hi u Ph 24, ã bán 50% c ph n cho Jollibee (Philippines). Giao d ch có giá tr 25 tri u USD thông qua Jollibee Worldwide – thành viên T p oàn Jollibee⁴².

Sau khi ti n hành chuy n nh ng nhãn hi u Ph 24 và th c hi n bán c ph n d ng nh hai nhà u t là Vi t Thái Qu c T và Jollibee không tìm c m c tiêu chung trong duy trì, khai thác và phát tri n th ng hi u Ph 24 nh ban u ã xây d ng. Th ng hi u Ph 24 v n xu t hi n trên th tr ng tuy nhiên d ng nh ang m t d n ch ng trên th tr ng Vi t, thay vào ó d ng nh các nhà u t ang t p trung phát tri n các th ng hi u chính c a mình.

Nguyên nhân c a các v vi c này th ng là doanh nghi p không th ng ít quan tâm n v n khai thác, s d ng và phát tri n i t ng SHCN sau khi c chuy n giao, các doanh nghi p trên th tr giá r t t cho hành vi c a mình.

ây là bài h c cho các doanh nghi p rút kinh nghi m khi kinh doanh c n có nh ng chi n l c duy trì phát tri n nhãn hi u và các i t ng SHCN nói chung. Bên c nh ó, pháp lu t n c ta v n ch a có quy nh v v n này.

Th ba, v n s d ng i t ng quy n SHCN sau khi h t h n h p ng chuy n quy n s d ng

Theo nguyên t c sau khi h t h n h p ng chuy n quy n s d ng i t ng SHCN, bên nh n chuy n quy n s không còn quy n khai thác, s d ng i t ng SHCN. Tuy nhiên nhi u cá nhân, t ch c sau khi h t h n h p ng l i d ng các s h c a bên chuy n giao mà ti p t c s d ng i t ng SHCN không c s cho phép c a bên chuy n giao. i n hình là trong v vi c tranh ch p gi a công ty c a cu n Úc và công ty H ng Phát, trong th i gian àm phán và gia h n h p ng sau khi h p ng h t h n v n ti p t c s d ng KDCN s 8106. Nguyên nhân s phát

⁴² <https://vnexpress.net/kinh-doanh/phia-sau-vu-thau-tom-pho-24-2843531.html>. Truy c p ngày 9/3/2017.

sinh ra h u qu sau khi h t h n h p ng bên nh n chuy n quy n v n ti p t c s n xu t s n ph m, d ch v , hàng hóa có mang i t ng SHCN. Lúc ó trên th tr ng s xu t hi n nhi u s n ph m gi ng nhau, t ng t gây nh m l n cho khách hàng khó phân bi t, vì c xác nh hành vi vi ph m c ng r t khó kh n do khó xác nh chính xác th i i m hàng hóa vào th tr ng.

Th t , v n gi i quy t tranh ch p trong quan h h p ng chuy n giao i t ng SHCN

Trong quá trình th c hi n h p ng chuy n giao i t ng SHCN thì tranh ch p có th x y ra b t k lúc nào. Vì c gi i quy t tranh ch p v h p ng chuy n giao i t ng SHCN th ng ph c t p h n các h p ng thông th ng vì i t ng c a h p ng này c bi t là tài s n vô hình, khó xác nh. T ó yêu c u vì c gi i quy t tranh ch p c n ph i c n tr ng, chính xác và nhanh chóng. T i v vì c tranh ch p c a Công ty c a cu n Úc và H ng Phát, tranh ch p phát sinh t n m 2008, sau nhi u l n g i n yêu c u, giám nh và có s can thi p thì vào n m 2009 nh ng t ng r ng câu chuy n ã “ngã m ” tuy nhiên trên th c t tranh ch p này v n ti p t c. Công ty Austdoor kh i ki n quy t nh hành chính n n m 2012 v vì c m i k t thúc. Tuy nhiên th c ti n gi i quy t tranh ch p này t i n c ta ch a t hi u qu cao, có nhi u nguyên nhân đ n n v n này mà ch y u là do xác nh hành vi vi ph m; ph ng pháp, c n c xác nh,.. Trình c a i ng tham gia gi i quy t c a Tòa án v l nh v c SHTT còn nhi u h n ch vì ây là l nh v c m i và khó n c ta, tòa chuyên trách v SHTT ch a có t ng tính chuyên nghi p và chính xác trong quá trình xét x .

TI U K T CH NG 2

Hì n nay, vì c khuy n khích phát tri n kinh t thông qua hình th c chuy n giao quy n SHCN r t c n thi t, nh m áp ng nhu c u phát tri n kinh t c ng nh thúc y th c hi n s nghi p công nghi p hóa hi n i hóa t n c. Trên th gi i hi n nay, k c các n c phát tri n và các n c ang phát tri n ang giành s quan tâm n SHTT nói chung và chuy n giao quy n SHCN nói riêng. ây là m t thách th c l n cho n c ta c n i u ch nh quy nh pháp lu t phù h p v i ho t ng này và nâng cao hi u qu trong vì c chuy n giao.

Ch ng 2 c a Lu n v n, tác gi ã gi i quy t m t s v n sau:

1. H th ng hoá các quy nh pháp lu t v chuy n giao quy n SHCN, trong ó làm rõ quy nh v chuy n nh ng và chuy n quy n s d ng quy n SHCN;

2. Phân tích và ch ra 05 i m h n ch , b t c p trong quy nh c a pháp lu t v chuy n giao quy n SHCN;

3. Th c ti n ho t ng chuy n giao quy n SHCN t i Vi t Nam đi n ra khá sôi n i, v i nhi u i t ng c chuy n giao, ch y u là nhãn hi u và sáng ch . M t s tr ng h p i n hình nh : nhãn hi u kem ánh r ng D Lan, nhãn hi u ph 24, nhãn hi u s a Vinamilk, nhãn hi u m ng vi n thông Viettel, sáng ch KDCN s 8106 ngày 15/12/2004 cho thanh nhòm nh hình.

4. Phân tích và làm rõ 04 i m h n ch , v ng m c trong áp d ng pháp lu t v chuy n giao quy n SHCN.

CHƯƠNG 3

MỐI QUAN HỆ GIỮA VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỚI CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

3.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp

3.1.1. Nhu cầu từ phía nhà nước

Pháp luật nước ta đang từng bước hoàn thiện và phát triển tuy nhiên vẫn còn gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc áp dụng công nghệ vào quản lý của nhà nước trên các lĩnh vực pháp luật hiện hành. Chúng ta đã có nhiều biện pháp từng ngày khắc phục các điểm yếu này thông qua các chương trình, các cuộc cải cách pháp luật, trong đó không thể không nhắc tới các cải cách pháp luật về sở hữu trí tuệ trên thế giới.

SHCN là một lĩnh vực không phải là thế mạnh của Việt Nam nên pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung và pháp luật về chuyển giao quyền SHCN là một vấn đề rất khó khăn. Minh chứng là Việt Nam luôn ceding và thay đổi luật phù hợp với thực tiễn xảy ra trên thế giới. Chính vì sự mềm dẻo của lĩnh vực SHCN cùng với sự phát triển không ngừng của hoạt động chuyển giao quyền SHCN nên nhà nước luôn có nhu cầu hoàn thiện pháp luật về hoạt động chuyển giao quyền SHCN. Các bên có môi trường pháp luật thông thoáng mà vẫn an toàn thể hiện các giao dịch.

Áp dụng yêu cầu trong tình hình thay đổi liên tục trên thế giới nên phía nhà nước luôn ban hành các văn bản để luật kịp thời hoàn thiện hệ thống pháp luật về chuyển giao quyền SHCN. Do đó, nhu cầu hoàn thiện pháp luật về chuyển giao quyền SHCN luôn là nhu cầu bức thiết của Nhà nước Việt Nam. Vì mong muốn tạo ra môi trường pháp lý hữu ích cho các bên tham gia quan hệ này.

3.1.2. Nhu cầu từ các chủ thể tham gia chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp

Trong quan hệ chuyển giao quyền SHCN có hai bên chủ thể tham gia đó là

bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao. Các chính sách giao dịch này các bên phải dựa trên cơ sở các pháp luật hiện hành nhằm bảo vệ chính sách hữu ích nhằm thúc đẩy sự phát triển của hoạt động chuyển giao quy định SHCN. Vì vậy, hai bên chốt trong hoạt động chuyển giao quy định SHCN thì vẫn hoàn thiện pháp luật là hết sức cần thiết vì hoạt động giao dịch này là TSTT, mặt lợi tài sản vô hình khó khăn giá trên thị trường cùng với sự phát triển không ngừng trong quan hệ liên quan đến chuyển giao quy định SHCN nhất là trong thời kỳ cách mạng công nghiệp lần thứ ba hiện nay. Chuyển giao quy định SHCN các chính sách dựa trên hợp đồng chuyển giao quy định SHCN. Trong quan hệ hợp đồng, quy định của bên này là nghĩa vụ của bên kia và ngược lại. Do vậy, mối quan hệ này phát triển không ngừng để dần dần hình thành và phát sinh mối quan hệ pháp luật tự nguyện. Chính vì lý do trên mà việc hoàn thiện pháp luật là nhu cầu của các bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao quy định SHCN.

3.1.3. Nhu cầu từ phía xã hội

Trong thời điểm hiện nay, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào cuộc sống đã trở thành nhu cầu tự nhiên của mọi người dân. Dù vậy, cần thấy rằng, việc chuyển giao quy định SHCN có thể dần dần hình thành lý do cho ngành tiêu dùng nói riêng và cho toàn xã hội nói chung. Áp dụng khoa học công nghệ trong cuộc sống giúp cho xã hội ngày càng phát triển và tạo ra những suất lợi nhàn rỗi như so với trước kia. Mặt tiêu dùng dần dần hình thành xã hội ngày càng hiện đại nên áp dụng công nghệ trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống, đặc biệt là trong y học cũng chỉ là nhu cầu sống còn của mọi người. Trong phạm vi công nghệ nói chung, quy định SHCN đóng vai trò quan trọng và chi phối sâu sắc. Vì vậy, ngành nghề và việc chuyển giao quy định SHCN có thể tác động sâu sắc đến các lĩnh vực trong đời sống kinh tế xã hội. Chính vì vậy việc hoàn thiện pháp luật về hoạt động chuyển giao quy định SHCN cũng là hoàn thiện nhu cầu của xã hội về công nghệ.

3.2. Phân tích hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về chuyển giao quy định sở hữu công nghiệp

3.2.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm tạo ra khung pháp lý đầy đủ

và hoàn chỉnh cho hoạt động chuyển giao quy định của công nghệ

Hiện nay, hệ thống pháp luật về hoạt động chuyển giao quy định SHCN vẫn chưa có quy định cụ thể, rõ ràng, các quy định của hoạt động chuyển giao quy định SHCN có quy định trong các văn bản thuộc các lĩnh vực khác nhau. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong các quy định của pháp luật chuyển giao quy định SHCN, khiến cho việc áp dụng pháp luật trong hoạt động này chưa có tính thống nhất, còn gặp nhiều bất cập, khó khăn, vướng mắc, làm cho thủ tục khoa học và công nghệ chậm phát triển. Vì thế nhiệm vụ cấp thiết trước mắt của ngành luật, hoàn chỉnh trong quy định về chuyển giao quy định SHCN là cần có một khung pháp lý hoàn thiện để ưu tiên, đây chính là ưu tiên tiên quyết đáp ứng các yêu cầu về sự hài hòa và chính xác trong hoạt động chuyển giao quy định SHCN.

3.2.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về các phương thức chuyển giao quy định của công nghệ khi áp dụng vào thực tiễn

Pháp luật về chuyển giao quy định SHCN tuy có quy định rất nhiều các văn bản thuộc các lĩnh vực khác nhau nhưng vẫn góp phần khắc phục các nhược điểm, bất cập trước đây, giúp cho hoạt động chuyển giao diễn ra một cách có hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành về chuyển giao quy định SHCN vẫn còn nhiều bất cập, kém khi thi khi áp dụng quy định của pháp luật vào thực tiễn. Vấn đề này đòi hỏi các quy định pháp luật về chuyển giao cần tiếp tục hoàn thiện, khắc phục các nhược điểm mâu thuẫn trong các văn bản, sự bất hợp lý trong các phương pháp định giá, nhượng bộ trong quy định của pháp luật về chuyển giao, và nội dung của hợp đồng chuyển giao quy định SHCN.

Khắc phục, hạn chế tác động hoàn thiện pháp luật về chuyển giao quy định SHCN, trên cơ sở nghiên cứu pháp luật SHTT của các nước tiên tiến trên thế giới (ví dụ như tham khảo pháp luật về SHTT của các nước Mỹ, Nhật, Trung...), những ưu điểm mà hiện nay có nền công nghệ vô cùng phát triển và những tập đoàn đa quốc gia phát triển, có nền khoa học kỹ thuật tiên tiến trên cơ sở chú trọng phát

triển quy hoạch SHTT). Tuy nhiên, các chi và chính sách nên hay giúp hoàn thiện hệ thống pháp luật của SHTT nói chung và chuyển giao quy hoạch SHCN nói riêng.

3.2.3. Hoàn thiện các quy định pháp luật về chuyển giao quy hoạch và công nghệ phù hợp với chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước

Trong Quyết định 418/QĐ-TTg về Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020 của Thủ tướng Chính phủ có đề cập trong nhiệm vụ quan trọng phát triển khoa học và công nghệ là “*Phát triển hệ thống khoa học và công nghệ gắn với thực thi pháp luật về SHTT nhằm thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ, khuyến khích sáng tạo khoa học và công nghệ*”. Làm cơ sở này thì hệ thống pháp luật Việt Nam phải hoàn chỉnh, trong đó phải bao gồm hoàn chỉnh quy định về hoạt động chuyển giao quy hoạch SHCN, có như thế mới thúc đẩy các phát triển của hệ thống khoa học và công nghệ trong nước. Trong Quyết định 418/QĐ-TTg cũng đã đề cập các giải pháp chủ yếu tại Mục IV, điểm 1 Quyết định 418/QĐ-TTg, một trong các giải pháp chủ yếu mà quy định này đề cập là phát triển hệ thống khoa học và công nghệ gắn với việc thực thi quy định SHTT; ngoài ra cần tích cực, chủ động hình thành và phát triển khoa học và công nghệ. Vì thế hệ thống khoa học và công nghệ tại Việt Nam ngày càng phát triển hơn nữa thì cần phải nhanh chóng hoàn thiện quy định pháp luật, trong đó cần phải hoàn thiện quy định pháp luật về chuyển giao quy hoạch SHCN, chủ yếu mới giúp khắc phục những mâu thuẫn, bất cập do không có quy định pháp luật gây nên cho hoạt động này.

3.3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chuyển giao quy hoạch và công nghệ

Thứ nhất, chi tiết quy định pháp luật về nội dung của hợp đồng chuyển giao quy hoạch SHCN

Điểm 1 về nội dung hợp đồng chuyển nhượng quy hoạch SHCN của quy định tại Luật SHTT có nội dung cơ bản thể hiện như sau. Nội dung chi tiết bao gồm

các yếu tố: Tên và địa chỉ của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng; Căn cứ chuyển nhượng; Giá chuyển nhượng; Quy định và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Cần nhanh chóng có văn bản hướng dẫn trực tiếp về nội dung hợp đồng chuyển nhượng bất động sản SHCN, bổ sung thêm những quy định pháp lý về giao dịch, trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện hợp đồng. Những điều khoản rất quan trọng giúp các bên thực hiện thành công việc chuyển nhượng quy định SHCN.

Điều kiện nội dung hợp đồng chuyển nhượng bất động sản SHCN cần bổ sung thêm quy định về số lượng sản phẩm cần xuất theo hợp đồng liên quan bất động sản SHCN. Điều khoản này không quy định về thời hạn chuyển nhượng sản phẩm cần xuất qua hợp đồng mà điều khoản này có thể thu về các bên tham gia. Điều khoản này cần hợp đồng nhằm hạn chế việc bên chuyển nhượng số bất động sản SHCN mà dù đã hết thời hạn chấp nhận hợp đồng của công ty của Úc và của Úc và Công ty Phát triển đã trình bày trên.

Thứ hai, cần nhanh chóng ban hành một văn bản quy phạm pháp luật thống nhất điều chỉnh về việc phân định các quy định pháp luật nói chung và bất động sản SHCN nói riêng. Làm việc này cần thiết phải tiếp cận và thống nhất lại các quy định hiện hành rải rác trong các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành có liên quan nhằm xác định giá trị quy định pháp luật nói chung và giá trị quy định SHCN nói riêng. Bên cạnh đó cần có sự thống nhất giữa Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật này, tránh trường hợp chồng chéo giữa các văn bản. Các quy định này rất có ý nghĩa tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi tham gia vào hoạt động chuyển nhượng quy định SHCN cũng như giúp doanh nghiệp đánh giá thực chất giá trị của bất động sản SHCN trong hoạt động chuyển nhượng.

Thứ ba, Cần có sự khuyến cáo cần thiết cho các doanh nghiệp về việc các Tập đoàn nước ngoài, các công ty quốc gia sau khi liên doanh với doanh nghiệp Việt Nam, mua lại quy định bất động sản SHCN riêng các bất động sản SHCN nên ưu tiên và bảo vệ lợi ích trên sân nhà. Theo đó các doanh nghiệp

Vì t Nam c n có nh ng i sách duy trì, b o v và phát tri n các i t ng SHCN khi tham gia liên doanh hay i tác n c ngoài ã mua quy n s d ng nhữn hi u c a mình. Bên c nh ó các doanh nghi p tr c khi tham gia liên doanh nên tham kh o ý ki n c a các chuyên gia t v n ã a ra quy t nh ùng n.

Th t, c n có quy nh c th v vi c bên c chuy n quy n s d ng có ngh a v s d ng theo h ng phát tri n các i t ng SHCN và không có các hành vi làm suy gi m i giá tr , uy tín c a i t ng SHCN tr ng h p r i vào y u t khách quan. Quy nh này s giúp h n ch c th c ti n nhi u i t ng SHCN sau khi c chuy n quy n s d ng thì b bên c chuy n quy n s d ng m t cách b a bãi i t ng SHCN. Quy nh m b o s bao quát c a quy nh pháp lu t trong ho t ng chuy n giao i t ng SHCN.

Th n m, hoàn thi n quy nh pháp lu t v ho t ng nh ng quy n th ng m i, xây d ng m t khái ni m chu n v quy n th ng m i là i t ng quan tr ng nh t c a quan h h p ng nh ng quy n th ng m i. Theo ó kho n l i u 248 Lu t th ng m i n m 2005 ã li t kê quy n s d ng các i t ng c a quy n SHTT có th chuy n giao cho bên nh n nh ng quy n là quy n s d ng i v i tên th ng m i, nhữn hi u, bí quy t kinh doanh (hay còn l i là BMKD), c n b sung i t ng quy n s d ng KDCN c ng có th chuy n giao trong ho t ng nh ng quy n th ng m i.

Th sáu, th ng nh t quy nh pháp lu t v l p h p ng nh ng quy n th ng m i gi a Lu t th ng m i và Lu t SHTT. Theo quy nh t i i u 10 Ngh nh 35/2006/N -CP, khi nh ng quy n th ng m i n u bên nh ng chuy n th c hi n chuy n quy n s d ng các i t ng SHCN cùng v i n i dung c a quy n th ng m i thì vi c chuy n quy n s d ng các i t ng SHCN ph i c l p thành ph n riêng trong h p ng nh ng quy n th ng m i và ch u s i u ch nh c a pháp lu t v SHCN. Tuy nhiên Lu t SHTT l i quy nh v vi c chuy n quy n s d ng i t ng SHCN ph i c th c hi n b ng h p ng s d ng i t ng SHCN t c là ph i l p thành m t h p ng riêng bi t. Nh v y quy nh c n th ng nh t theo h ng vi c chuy n quy n s d ng các i t ng SHCN ph i c l p

thành phần riêng trong hợp đồng nhúng quy định những mặt và đây là cơ sở xem xét ký theo pháp luật SHTT sau này.

3.4. Mối liên hệ nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp

Thứ nhất, Nhà nước cần xây dựng các chương trình, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng chính sách sản xuất kinh doanh quản lý và hoạt động tổng hợp, xác lập các vị trí SHCN; hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cá nhân trong việc tổng hợp, xác lập các vị trí SHCN ký ra nước ngoài. Đồng thời xây dựng bộ phận chuyên trách, cán bộ chuyên trách có kiến thức chuyên môn sâu về SHCN.

Thứ hai, tăng cường thông tin về vị trí SHCN trên toàn xã hội. Thông tin về vị trí SHCN là yếu tố quan trọng giúp cho quá trình thực hiện hợp đồng diễn ra nhanh chóng, tiết kiệm thời gian chi phí. Bên pháp luật chính là thúc đẩy hoạt động diễn tiến SHCN. Tăng cường khai thác, áp dụng thông tin sáng chế và bảo hộ, khai thác sáng chế giúp các doanh nghiệp tăng sức cạnh tranh trên thị trường Việt Nam.

Thứ ba, thành lập Tòa án chuyên trách về giải quyết các vụ án liên quan đến SHTT. Thực tiễn giải quyết các Tòa án nước ta cho thấy kiến thức về SHTT của cán bộ xét xử còn hạn chế bởi thực tế SHTT là một lĩnh vực mới xuất hiện không lâu nên chưa tận dụng tối đa trong lĩnh vực này. Vì vậy sự gặp gỡ khó khăn trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án liên quan đến SHTT nói chung và chuyển giao quyền SHCN nói riêng. Bởi vì hầu hết các thẩm phán hiện nay chưa trang bị đầy đủ các kiến thức liên quan đến quy định SHTT, đặc biệt là các kiến thức chuyên sâu. Thành lập Tòa án chuyên trách sẽ tăng tính chuyên sâu, giải quyết nhanh chóng các vụ việc SHTT.

Thứ tư, phải bền vững trên các phương tiện thông tin để chúng ta nhìn nhận chung, chính sách của Trung ương và địa phương khuyến khích phong trào sáng tạo. Đồng thời xuyên suốt các cuộc thi, hội nghị, triển lãm giải thi đấu các công trình sáng tạo, các sáng chế, giải pháp hữu ích. Có bên pháp luật giúp đỡ và tạo điều kiện cho các tác giả, các tác phẩm tác giả có sáng chế, giải pháp hữu ích trong

vì c t ch c các H i th o, các H i ngh chuyên , các H i thi, Tri n lãm... các tác gi có d p báo cáo các công trình c a mình v i khách hàng nh m chuy n giao r ng rãi vào s n xu t và i s ng.

Th n m, m r ng h p tác qu c t , thu hút v n u t n c ngoài vào Vi t Nam, t ó thúc y các doanh nghi p th c hi n chuy n giao quy n SHCN t các n c khác, t ng n ng su t s n xu t, ch t l ng s n ph m, hàng hóa trong n c, t ó c nh tranh v i các s n ph m n c ngoài.

Tr
ng
i h
C Kinh t

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Hiện nay, thế giới đang chuyển giao quy mô SHCN Việt Nam đang cho thấy xu hướng phát triển tích cực. Hoạt động này góp phần khai thác các công dụng, giá trị kinh tế từ các quỹ đất quy mô SHCN mang lại, trở thành một công cụ trong phát triển kinh tế. Trong nhiệm vụ mà chúng ta đã có nhiệm vụ việc chuyển giao thành công tuy nhiên bên cạnh đó thế giới đang chuyển giao đã cho thấy những bất cập và hạn chế. Trong chương 3, tác giả Luận văn đã đi quy tụ các vấn đề sau:

1. Phân tích nhu cầu hoàn thiện pháp luật về chuyển giao quy mô SHCN, trong đó có nhu cầu từ phía Nhà nước, các chủ thể tham gia và nhu cầu của xã hội;
2. Phân tích và phân tích 03 phạm vi trong việc hoàn thiện pháp luật về chuyển giao quy mô SHCN;
3. Phân tích và làm rõ 06 kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chuyển giao quy mô SHCN trên cơ sở các vấn đề thực trạng pháp luật đã phân tích ở chương 2;
4. Phân tích và làm rõ 05 kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về chuyển giao quy mô SHCN trên cơ sở thế giới đang chuyển giao quy mô SHCN và những hạn chế, vướng mắc đã phân tích ở chương 2.

KẾT LUẬN

Toàn bộ Luận văn là quá trình nghiên cứu, phân tích và nghiên cứu chuyên giao quy hoạch SHCN theo quy định pháp luật Việt Nam. Chuyên giao quy hoạch SHCN là một lĩnh vực nghiên cứu và thực tiễn hóa quy hoạch SHTT nói chung và quy hoạch SHCN nói riêng. Khi nghiên cứu SHTT vượt qua ranh giới lãnh thổ quốc gia và trở thành xu thế toàn cầu thì hoạt động chuyên giao quy hoạch SHCN càng trở nên quan tâm. Luận văn đã phân tích các vấn đề pháp lý xung quanh chuyên giao quy hoạch SHCN, từ cơ sở lý luận, thực trạng quy định pháp luật đến thực tiễn chuyên giao quy hoạch SHCN tại Việt Nam hiện nay. Thực tiễn của hoạt động chuyên giao quy hoạch SHCN vẫn còn gặp nhiều vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật. Vì vậy, mục tiêu nghiên cứu của đề tài là tìm kiếm các giải pháp pháp luật để chuyên giao quy hoạch SHCN. Tác giả Luận văn đã đề xuất các giải pháp pháp luật, thông qua các quy định pháp luật hiện hành, để nâng cao hiệu quả của chuyên giao quy hoạch SHCN. Qua việc nghiên cứu tài liệu và kiến nghị của tác giả, tác giả hy vọng sẽ góp một phần nhỏ trong hoạt động nghiên cứu xây dựng hệ thống pháp luật hoàn thiện về chuyên giao quy hoạch SHCN.

Tuy nhiên, hạn chế của đề tài này không thể kể hết trong một thời gian ngắn mà cần có sự thay đổi về mặt kỹ thuật và kết quả nghiên cứu để bảo đảm tính hiệu quả kinh tế xã hội, văn hóa. Cần có những nghiên cứu sâu sắc hơn về chuyên giao quy hoạch SHCN nhằm hoàn thiện trình độ hệ thống pháp luật Việt Nam về hoạt động chuyên giao quy hoạch SHCN.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Bá Bình (2006), *Những quy định mới – Bản chất và mối quan hệ với hoạt động chuyển giao công nghệ, hoạt động li-xăng*. Tập chí nghiên cứu pháp luật, Văn phòng Quốc hội số 02/2006.
2. Chính phủ (2014), *Báo cáo thành niên hoạt động sở hữu trí tuệ năm 2014*, Hà Nội.
3. Chính phủ (2015), *Báo cáo thành niên hoạt động sở hữu trí tuệ năm 2015*, Hà Nội.
4. Chính phủ (2016), *Báo cáo thành niên hoạt động sở hữu trí tuệ năm 2016*, Hà Nội.
5. Chính phủ (2017), *Báo cáo thành niên hoạt động sở hữu trí tuệ năm 2017*, Hà Nội.
6. Đào Thị Dung (2016), *Pháp luật về góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam. Thực tiễn pháp lý và những hướng hoàn thiện*, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.
7. Lê Thị Hằng (2015), *Phân tích các yếu tố quyền sở hữu trí tuệ có nhúng tích hợp hoạt động nhãn hiệu tại Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Hà Nội.
8. Lê Thị Liên (2018) *Pháp luật về hợp tác chuyển giao quyền sở hữu công nghệ p*. Luận văn thạc sĩ Đại học Luật – Đại học Huế.
9. Trần Khánh Ly (2015) *Chuyển giao quyền sở hữu công nghệ p theo quy định pháp luật Việt Nam*. Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Đặng Thị Thu Nga (2014), *Những giá trị sở hữu trí tuệ theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội.

11. H Thúy Ngọc (2015) *Đánh giá hoạt động thương mại hóa quy trình công nghệ và sáng chế* Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 10/2015 trang 28-38.

12. Lê Nhật (2011), *Tài liệu bài giảng Quy trình sáng chế*, NXB Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

13. Hoàng Lan Phương (2011) *Pháp luật về thương mại hóa quy trình công nghệ*. Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

14. Hoàng Lan Phương (2017) *Khuyến khích công bố tác phẩm pháp luật Việt Nam và vai trò của tài sản trí tuệ*. Tạp chí Chính sách và quản lý Khoa học và Công nghệ số 2/2012.

15. Thông tư Chính phủ, Quy định số 418/QĐ-TTg ngày 11/04/2012 về phê duyệt chỉ dẫn công nghệ và công nghệ giai đoạn 2011-2020.

16. Nguyễn Thanh Tùng (2013) *Chuyến giao quy trình sáng chế nhận hiệu theo pháp luật Việt Nam*. Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

17. Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật sáng chế* Việt Nam, Nxb Công an nhân dân.

18. Trần Thị Hằng Thúy (2012), *Kiểm soát hoạt động thương mại quy trình công nghệ theo quy định của pháp luật cạnh tranh và pháp luật sáng chế*. Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

19. Nguyễn Hữu Xuyên (2018), *Chiến lược đổi mới pháp lý thúc đẩy khai thác, thương mại hóa sáng chế*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam số 09/2018.

Tiếng Anh

20. Kalmi Idris (2003) *Intellectual Property: A power tool economic growth*. WIPO.

21. WIPO, *Intellectual Property Handbook: Policy, Law and Use*
22. WIPO, *Understanding Industrial Property*
23. WIPO, *What is Intellectual Property*
24. WIPO, *Valuation of Intellectual Property: What, Why and How*, WIPO Magazine Issue No. 05, 2003, page 5-9

Tr
ng
i h
C Kinh t
H